

# Sổ tay Hướng dẫn Sử dụng

---

ED65D ED75D

---

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến hoạt động, các thông số kỹ thuật có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Số giờ được khuyến nghị để sử dụng sản phẩm này là dưới 16 giờ mỗi ngày.

Nếu sản phẩm được sử dụng quá 16 giờ một ngày, bảo hành có thể bị từ chối.

# Mục lục

## Trước khi sử dụng sản phẩm

|                      |          |
|----------------------|----------|
| <b>Bản quyền</b>     | <b>5</b> |
| <b>Lưu ý an toàn</b> | <b>6</b> |
| Biểu tượng           | 6        |
| Làm sạch             | 6        |
| <b>Lưu trữ</b>       | <b>7</b> |
| Điện và an toàn      | 7        |
| Cài đặt              | 8        |
| Hoạt động            | 10       |

## Chuẩn bị

|                                                       |           |
|-------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Kiểm tra các thành phần</b>                        | <b>13</b> |
| Các thành phần                                        | 13        |
| <b>Các linh kiện</b>                                  | <b>15</b> |
| Phím pa-nen                                           | 15        |
| Mặt sau                                               | 16        |
| Bộ cảm biến ngoại tín hiệu                            | 17        |
| Lắp để có dây giữ                                     | 19        |
| Khóa chống trộm                                       | 19        |
| Điều khiển từ xa                                      | 20        |
| <b>Trước khi Lắp đặt Sản phẩm (Hướng dẫn Lắp đặt)</b> | <b>22</b> |
| Chuyển đổi giữa chế độ dọc và chế độ ngang            | 22        |
| Thông gió                                             | 22        |
| <b>Kích thước</b>                                     | <b>23</b> |
| <b>Lắp đặt giá treo tường</b>                         | <b>24</b> |

|                                                |           |
|------------------------------------------------|-----------|
| Lắp đặt bộ giá treo tường                      | 24        |
| Thông số kỹ thuật của bộ giá treo tường (VESA) | 25        |
| <b>Điều khiển từ xa (RS232C)</b>               | <b>26</b> |
| Kết nối cáp                                    | 26        |
| Kết nối                                        | 27        |
| Các mã điều khiển                              | 28        |

## Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

|                                            |           |
|--------------------------------------------|-----------|
| <b>Trước khi kết nối</b>                   | <b>37</b> |
| Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối  | 37        |
| <b>Kết nối với máy tính</b>                | <b>37</b> |
| Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)       | 37        |
| Kết nối sử dụng cáp DVI (Loại kỹ thuật số) | 38        |
| Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI               | 38        |
| Kết nối bằng cáp HDMI                      | 39        |
| <b>Kết nối với thiết bị video</b>          | <b>40</b> |
| Kết nối bằng cáp AV                        | 40        |
| Kết nối bằng cáp thành phần                | 40        |
| Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI               | 41        |
| Kết nối bằng cáp HDMI                      | 41        |
| <b>Kết nối với hệ thống âm thanh</b>       | <b>42</b> |
| <b>Thay đổi Nguồn vào</b>                  | <b>42</b> |
| Source                                     | 42        |

## Sử dụng MDC

|                                                              |           |
|--------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Đặt cấu hình thiết đặt cho Multi Control</b>              | <b>43</b> |
| Đặt cấu hình thiết đặt cho Multi Control                     | 43        |
| <b>Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC</b>                        | <b>44</b> |
| Cài đặt                                                      | 44        |
| Gỡ bỏ                                                        | 44        |
| <b>Kết nối với MDC</b>                                       | <b>45</b> |
| Sử dụng MDC qua RS-232C (tiêu chuẩn truyền dữ liệu nối tiếp) | 45        |

## Điều chỉnh màn hình

|                                                                           |           |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Picture Mode</b>                                                       | <b>46</b> |
| Nếu nguồn tín hiệu đầu vào là PC, DVI, HDMI(PC)                           | 46        |
| Nếu nguồn tín hiệu đầu vào là AV, Component, HDMI(AV)                     | 46        |
| <b>Backlight / Contrast / Brightness / Sharpness / Color / Tint (G/R)</b> | <b>47</b> |
| <b>Picture Size</b>                                                       | <b>48</b> |
| Picture Size                                                              | 48        |
| Position                                                                  | 50        |
| Zoom/Position                                                             | 50        |
| Resolution Select                                                         | 51        |
| <b>Auto Adjustment</b>                                                    | <b>51</b> |
| <b>PC Screen Adjustment</b>                                               | <b>52</b> |
| <b>PIP</b>                                                                | <b>53</b> |

# Mục lục

|                                                 |           |
|-------------------------------------------------|-----------|
| <b>Advanced Settings</b>                        | <b>54</b> |
| Dynamic Contrast                                | 54        |
| Black Tone                                      | 54        |
| Flesh Tone                                      | 54        |
| RGB Only Mode                                   | 54        |
| Color Space                                     | 55        |
| White Balance                                   | 55        |
| Gamma                                           | 55        |
| Motion Lighting                                 | 55        |
| <b>Picture Options</b>                          | <b>56</b> |
| Color Tone                                      | 57        |
| Color Temp.                                     | 57        |
| Digital Clean View                              | 57        |
| MPEG Noise Filter                               | 57        |
| HDMI Black Level                                | 57        |
| Film Mode                                       | 58        |
| Auto Motion Plus<br>(chỉ đối với các mẫu ED75D) | 58        |
| Dynamic Backlight                               | 58        |
| <b>Picture Off</b>                              | <b>59</b> |
| <b>Reset Picture</b>                            | <b>59</b> |

## Điều chỉnh âm thanh

|                         |           |
|-------------------------|-----------|
| <b>Sound Mode</b>       | <b>60</b> |
| <b>Sound Effect</b>     | <b>61</b> |
| <b>Speaker Settings</b> | <b>62</b> |
| <b>Reset Sound</b>      | <b>62</b> |

## Applications

|                    |           |
|--------------------|-----------|
| <b>Source List</b> | <b>63</b> |
| Refresh            | 63        |
| Edit Name          | 63        |
| Information        | 63        |

## System

|                                          |           |
|------------------------------------------|-----------|
| <b>Menu Language</b>                     | <b>64</b> |
| <b>Multi Control</b>                     | <b>65</b> |
| Đặt cấu hình thiết đặt cho Multi Control | 65        |
| <b>Time</b>                              | <b>66</b> |
| Clock Set                                | 66        |
| Sleep Timer                              | 66        |
| On Timer                                 | 67        |
| Off Timer                                | 68        |
| Holiday Management                       | 68        |
| <b>Eco Solution</b>                      | <b>69</b> |

|                |    |
|----------------|----|
| Energy Saving  | 69 |
| Eco Sensor     | 69 |
| Auto Power Off | 69 |

|                               |           |
|-------------------------------|-----------|
| <b>Screen Burn Protection</b> | <b>70</b> |
| Pixel Shift                   | 70        |
| Timer                         | 71        |
| Immediate Display             | 72        |
| Side Gray                     | 72        |

|               |           |
|---------------|-----------|
| <b>Ticker</b> | <b>73</b> |
|---------------|-----------|

|                   |           |
|-------------------|-----------|
| <b>Video Wall</b> | <b>74</b> |
| Video Wall        | 74        |
| Format            | 74        |
| Horizontal        | 74        |
| Vertical          | 75        |
| Screen Position   | 75        |

|                                   |           |
|-----------------------------------|-----------|
| <b>Source AutoSwitch Settings</b> | <b>76</b> |
| Source AutoSwitch                 | 76        |
| Primary Source Recovery           | 76        |
| Primary Source                    | 76        |
| Secondary Source                  | 76        |

|                   |           |
|-------------------|-----------|
| <b>Change PIN</b> | <b>77</b> |
|-------------------|-----------|

|                   |           |
|-------------------|-----------|
| <b>General</b>    | <b>78</b> |
| Max. Power Saving | 78        |
| Game Mode         | 78        |
| Auto Power        | 78        |
| Safety Lock       | 78        |
| Button Lock       | 79        |
| Standby Control   | 79        |
| Lamp Schedule     | 79        |

# Mục lục

|                     |    |
|---------------------|----|
| OSD Display         | 80 |
| Power On Adjustment | 80 |
| Temperature Control | 80 |

|                             |           |
|-----------------------------|-----------|
| <b>Anynet+ (HDMI-CEC)</b>   | <b>81</b> |
| Anynet+ (HDMI-CEC)          | 81        |
| Auto Turn Off               | 82        |
| Xử lý sự cố đối với Anynet+ | 83        |

|                    |           |
|--------------------|-----------|
| <b>Magic Clone</b> | <b>85</b> |
|--------------------|-----------|

|                     |           |
|---------------------|-----------|
| <b>Reset System</b> | <b>85</b> |
|---------------------|-----------|

|                  |           |
|------------------|-----------|
| <b>Reset All</b> | <b>86</b> |
|------------------|-----------|

## Support

|                        |           |
|------------------------|-----------|
| <b>Software Update</b> | <b>87</b> |
| By USB                 | 87        |

|                        |           |
|------------------------|-----------|
| <b>Contact Samsung</b> | <b>87</b> |
|------------------------|-----------|

## Hướng dẫn xử lý sự cố

|                                                                                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung</b> | <b>88</b> |
| Kiểm tra sản phẩm                                                                 | 88        |
| Kiểm tra độ phân giải và tần số                                                   | 88        |
| Kiểm tra những mục sau đây.                                                       | 89        |

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| <b>Hỏi &amp; Đáp</b> | <b>96</b> |
|----------------------|-----------|

## Các thông số kỹ thuật

|                       |           |
|-----------------------|-----------|
| <b>Thông số chung</b> | <b>98</b> |
|-----------------------|-----------|

|                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| <b>Trình tiết kiệm năng lượng</b> | <b>100</b> |
|-----------------------------------|------------|

|                                            |            |
|--------------------------------------------|------------|
| <b>Các chế độ xung nhịp được đặt trước</b> | <b>101</b> |
|--------------------------------------------|------------|

## Phụ lục

|                                       |            |
|---------------------------------------|------------|
| <b>Hãy liên hệ SAMSUNG WORLD WIDE</b> | <b>103</b> |
|---------------------------------------|------------|

|                                                                            |            |
|----------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)</b> | <b>112</b> |
| Không phải lỗi sản phẩm                                                    | 112        |
| Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng                                    | 112        |
| Khác                                                                       | 112        |

|                                                                   |            |
|-------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Chất lượng hình ảnh tối ưu và ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh</b> | <b>113</b> |
| Chất lượng hình ảnh tối ưu                                        | 113        |
| Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh                                      | 113        |

|                |            |
|----------------|------------|
| <b>License</b> | <b>115</b> |
|----------------|------------|

|                  |            |
|------------------|------------|
| <b>Thuật ngữ</b> | <b>116</b> |
|------------------|------------|

# Chương 01

## Trước khi sử dụng sản phẩm

### Bản quyền

Nội dung của sách hướng dẫn này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

© 2014 Samsung Electronics

Samsung Electronics sở hữu bản quyền đối với sách hướng dẫn này.

Cấm sử dụng hoặc sao chép một phần hoặc toàn bộ sách hướng dẫn này mà không có sự ủy quyền của Samsung Electronics.

Microsoft, Windows là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation.

VESA, DPM và DDC là các nhãn hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association.

Quyền sở hữu tất cả các nhãn hiệu khác được ghi nhận cho chủ sở hữu tương ứng.

## Lưu ý an toàn

### Thận trọng

NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG MỞ

Thận trọng : ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG THÁO NẮP MÁY. (HOẶC LƯNG MÁY)

NGƯỜI SỬ DỤNG KHÔNG THỂ BẢO DƯỠNG CHI TIẾT NÀO BÊN TRONG.

HÃY CHUYỂN TẮT CẢ CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CHO NHÂN VIÊN ĐỦ TRÌNH ĐỘ.



Biểu tượng này cho biết có điện áp cao bên trong.

Tiếp xúc với bất kỳ chi tiết nào bên trong sản phẩm này đều rất nguy hiểm.



Biểu tượng này báo cho bạn biết rằng tài liệu quan trọng liên quan đến hoạt động và bảo trì đã được đưa vào sản phẩm này.

## Biểu tượng

### Cảnh báo

Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn.

### Thận trọng

Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn.



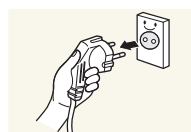
Các hoạt động được đánh dấu bằng biểu tượng này là bị cấm.



Phải tuân thủ các hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này.

## Làm sạch

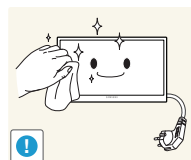
- Hãy cẩn thận khi làm sạch vì màn hình và bên ngoài của các LCD tiên tiến dễ bị trầy xước.
- Tiến hành các bước sau khi làm sạch.
- Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.



1 Tắt nguồn sản phẩm và máy tính.

2 Rút dây nguồn khỏi sản phẩm.

- Giữ cáp nguồn ở phích cắm và không chạm vào cáp với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



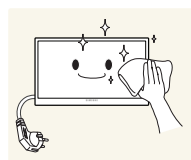
3 Lau sản phẩm bằng miếng vải sạch, mềm và khô.



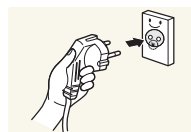
- Không sử dụng chất làm sạch có chứa cồn, dung môi hoặc các chất có hoạt tính bề mặt.



- Không phun nước hoặc chất làm sạch trực tiếp lên sản phẩm.



4 Làm ướt miếng vải mềm và khô với nước rồi vắt kỹ để lau bên ngoài sản phẩm.



5 Cắm dây nguồn vào sản phẩm khi kết thúc quá trình làm sạch.

6 Bật nguồn sản phẩm và máy tính.

## Lưu trữ

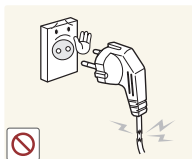
Các kiểu máy có độ bóng cao có thể có những vết bẩn màu trắng trên bề mặt nếu máy làm ẩm bằng sóng siêu âm được sử dụng gần đó.

- Liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng nếu cần làm sạch bên trong sản phẩm (phí dịch vụ sẽ được áp dụng).

## Điện và an toàn

- Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

### Cảnh báo



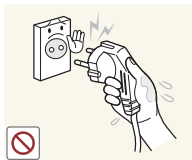
Không sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng, hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

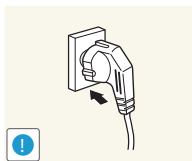


Không sử dụng nhiều sản phẩm với một ổ cắm nguồn duy nhất.

- Ổ cắm nguồn bị quá nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn.

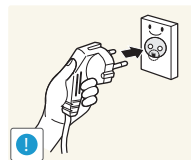


Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



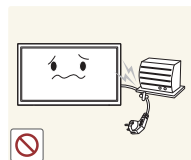
Cắm phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

- Kết nối không chặt có thể gây ra hỏa hoạn.



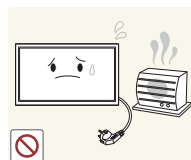
Cắm phích cắm nguồn vào ổ cắm nguồn được tiếp đất (chỉ các thiết bị được cách điện loại 1).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.



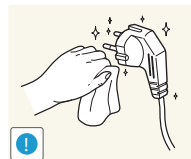
Không bẻ cong hoặc giật mạnh dây nguồn. Cẩn thận để không đặt vật nặng lên dây nguồn.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Không đặt dây nguồn hoặc sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

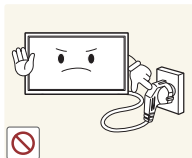
- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Lau sạch tất cả bụi bẩn xung quanh chân phích cắm nguồn hoặc ổ cắm nguồn bằng miếng vải khô.

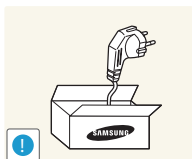
- Có thể xảy ra hỏa hoạn.

## Thận trọng



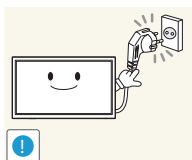
Không rút dây nguồn trong khi sản phẩm đang được sử dụng.

- Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.



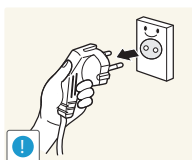
Chỉ sử dụng dây nguồn do Samsung cung cấp kèm theo sản phẩm của bạn. Không sử dụng dây nguồn với các sản phẩm khác.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

- Phải rút dây nguồn để ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm khi xảy ra sự cố.
- Lưu ý rằng sản phẩm không được ngắt điện hoàn toàn bằng cách chỉ sử dụng nút nguồn trên điều khiển từ xa.



Giữ phích cắm khi rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

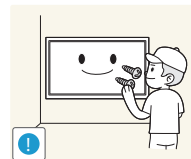
## Cài đặt

### Cảnh báo



Không đặt nến, nhang đuổi côn trùng hoặc thuốc lá trên đỉnh sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn.



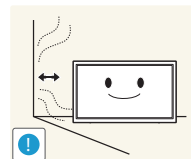
Nhờ kỹ thuật viên lắp đặt giá treo trên tường.

- Có thể xảy ra thương tích nếu việc lắp đặt do người không đủ trình độ tiến hành.
- Chỉ sử dụng tủ được phê duyệt.



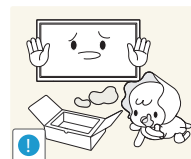
Không lắp đặt sản phẩm tại những nơi thông gió kém như giá sách hoặc hộc tủ.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



Lắp đặt sản phẩm cách tường ít nhất 10cm để đảm bảo thông gió.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



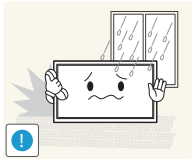
Giữ túi nhựa đóng gói ngoài tầm với của trẻ em.

- Trẻ em có thể bị ngạt thở.



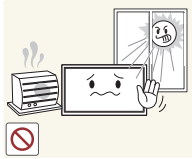
Không lắp đặt sản phẩm trên bề mặt không vững chắc hoặc rung động (giá đỡ không chắc chắn, bề mặt nghiêng, v.v.)

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng và/hoặc gây ra thương tích.
- Sử dụng sản phẩm ở khu vực có độ rung quá mức có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.



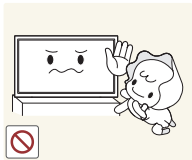
Không lắp đặt sản phẩm trên xe hoặc ở nơi tiếp xúc với bụi, hơi ẩm (nước chảy nhỏ giọt, v.v.), dầu hoặc khói.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nhiệt hoặc đồ vật nóng như bếp.

- Tuổi thọ của sản phẩm có thể bị giảm hoặc có thể xảy ra hỏa hoạn.



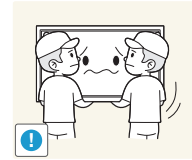
Không lắp đặt sản phẩm trong tầm với của trẻ em.

- Sản phẩm có thể bị đổ và làm cho trẻ bị thương.
- Vì mặt trước của sản phẩm nặng, nên hãy lắp đặt sản phẩm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.



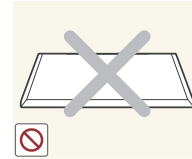
Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần bếp.

## Thận trọng



Không làm rơi sản phẩm trong khi di chuyển.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



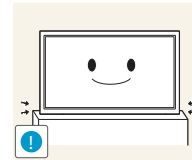
Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

- Màn hình có thể bị hỏng.



Khi lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc trên giá, đảm bảo rằng cạnh dưới của mặt trước sản phẩm không nhô ra ngoài.

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng và/hoặc gây ra thương tích.
- Chỉ lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc giá đúng kích thước.



Đặt sản phẩm xuống nhẹ nhàng.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



Lắp đặt sản phẩm ở nơi khác thường (nơi tiếp xúc với nhiều hạt mịn, hóa chất, nhiệt độ quá cao/quá thấp hoặc độ ẩm cao hay nơi mà sản phẩm hoạt động liên tục trong thời gian dài) có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất của sản phẩm.

- Đảm bảo hỏi ý kiến Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung nếu bạn muốn lắp đặt sản phẩm ở nơi như vậy.

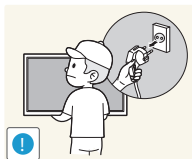
## Hoạt động

### Cảnh báo



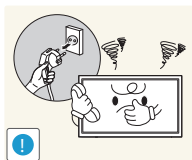
Có điện cao áp bên trong sản phẩm. Không tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung để sửa chữa.



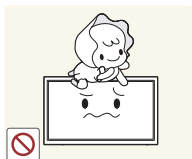
Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Nếu sản phẩm phát ra tiếng động bất thường, mùi khét hoặc khói, hãy rút dây nguồn ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



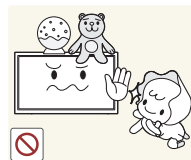
Không để trẻ em đu lên sản phẩm hoặc trèo lên đỉnh sản phẩm.

- Trẻ em có thể bị thương hoặc chấn thương nghiêm trọng.



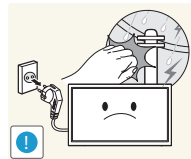
Nếu sản phẩm bị rơi hoặc vỏ ngoài bị hỏng, hãy tắt công tắc nguồn và rút dây nguồn. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

- Tiếp tục sử dụng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



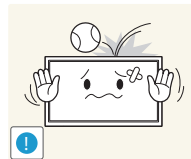
Không để vật nặng hoặc những thứ mà trẻ thích (đồ chơi, kẹo, v.v.) trên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.



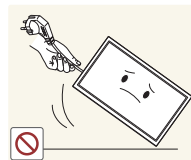
Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



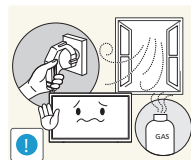
Không làm rơi các đồ vật lên sản phẩm hoặc gây ra va chạm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



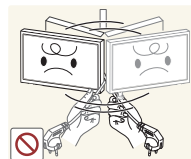
Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.



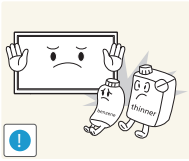
Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm nguồn. Đồng thời, thông gió khu vực đó ngay lập tức.

- Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.



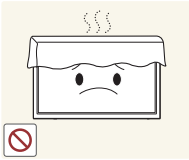
Không nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.



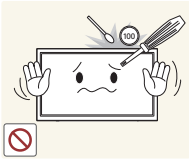
Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.



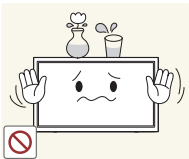
Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



Không nhét các vật bằng kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc các vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào sản phẩm (qua lỗ thông gió hoặc các cổng vào/ra, v.v.).

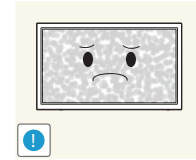
- Đảm bảo tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn khi nước hoặc các vật chất khác rơi vào sản phẩm. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không đặt các vật chứa chất lỏng (bình, lọ, chai, v.v.) hoặc đồ vật bằng kim loại trên đỉnh sản phẩm.

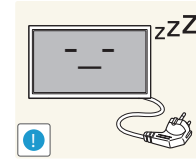
- Đảm bảo tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn khi nước hoặc các vật chất khác rơi vào sản phẩm. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

## Thận trọng



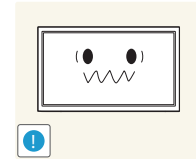
Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.

- Kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh chuyển động nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.



Rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài (trong kỳ nghỉ, v.v.).

- Bụi bẩn tích tụ kết hợp với nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn, điện giật hoặc rò điện.



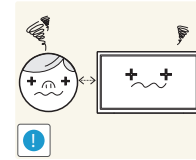
Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

- Thị lực của bạn có thể bị giảm.

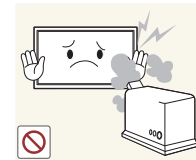


Không lật ngược hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách giữ chân đế.

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng hoặc gây ra thương tích.

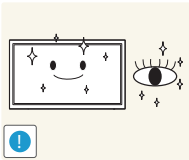


Nhìn màn hình ở khoảng cách quá gần trong thời gian dài có thể làm giảm thị lực của bạn.



Không sử dụng máy làm ẩm hoặc bếp lò quanh sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

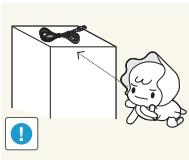


Đề mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.

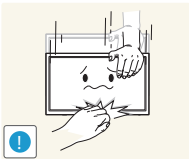
- Mắt của bạn sẽ hết mỏi.



Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.

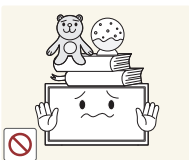


Cất giữ các phụ kiện nhỏ ngoài tầm với của trẻ em.



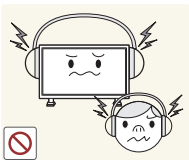
Hãy thận trọng khi điều chỉnh góc của sản phẩm hoặc độ cao chân đế.

- Tay hoặc ngón tay của bạn có thể bị kẹt và bị thương.
- Nghiêng sản phẩm ở góc quá lớn có thể khiến sản phẩm bị đổ và có thể gây ra thương tích.



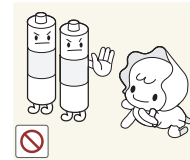
Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



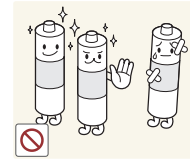
Khi sử dụng tai nghe, không vặn âm lượng quá cao.

- Nghe âm thanh quá to có thể làm giảm thính lực của bạn.



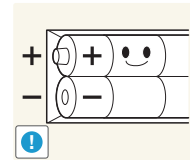
Cẩn thận không để trẻ em ngậm pin trong miệng khi tháo gỡ ra từ bộ điều khiển từ xa. Cất giữ pin ở những nơi trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không thể lấy được.

- Nếu trẻ em đã nuốt phải pin, hãy liên hệ ngay với bác sĩ của bạn.



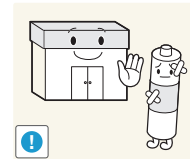
Khi thay pin, hãy lắp đúng cực tính (+, -).

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.



Chỉ sử dụng những pin đủ tiêu chuẩn chuyên dùng, không dùng chung pin mới và pin cũ cùng lúc.

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.



Không được thải bỏ pin (và các pin sạc) theo cách thông thường và chúng phải được hoàn trả lại để tái chế. Khách hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại các pin đã qua sử dụng hoặc pin sạc để tái chế.

- Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế cộng đồng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán cùng loại pin hay pin sạc đó.

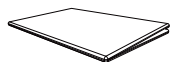
# Chương 02

## Chuẩn bị

### Kiểm tra các thành phần

- Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
- Bề ngoài của các thành phần và chi tiết bán riêng có thể khác so với hình ảnh trình bày.
- Chân đế không được cung cấp cùng với sản phẩm. Để lắp chân đế, bạn có thể mua riêng một chân đế.
- Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.

#### Các thành phần



Hướng dẫn cài đặt nhanh



Thẻ bảo hành  
(Không có ở một số khu vực)



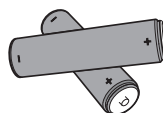
Cáp D-SUB ([T.37](#))



Dây điện nguồn



Điều khiển từ xa ([T.20](#))



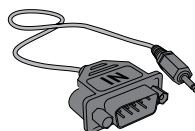
Pin ([T.21](#))  
(Không có ở một số khu vực)



Chân đế có dây đỡ

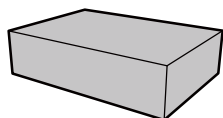


Vòng đỡ (4 Chiếc)

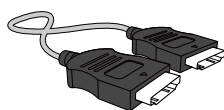


Bộ điều hợp RS232C(IN)

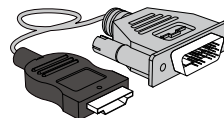
## Các phụ kiện được bán riêng



Bộ giá đỡ treo tường



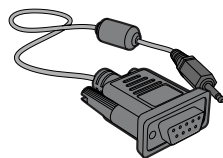
Cáp HDMI ([T.39](#))



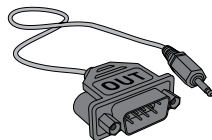
Cáp HDMI-DVI ([T.38](#))



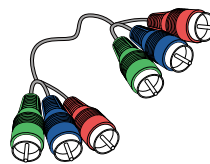
PIM



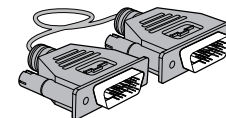
Cáp stereo RS232C



Bộ điều hợp RS232C(OUT)



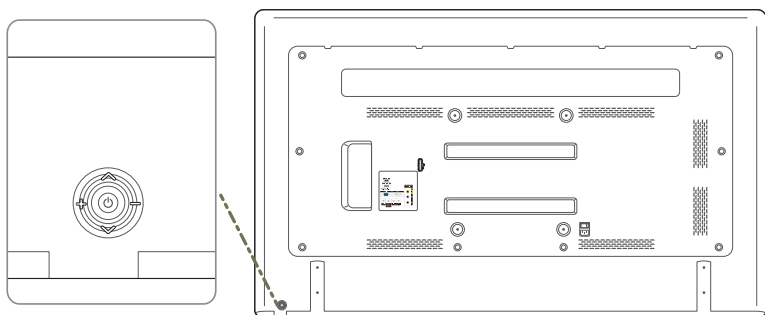
Cáp bộ phận ([T.40](#))



Cáp DVI ([T.38](#))

## Các linh kiện

### Phím pa-nen



#### Nút

#### Mô tả



Bật nguồn sản phẩm.

Nếu bạn nhấn nút [⏻] khi sản phẩm đang bật, trình đơn điều khiển sẽ được hiển thị.

Để thoát khỏi trình đơn OSD, nhấn và giữ phím pa-nen trong tối thiểu là một giây.



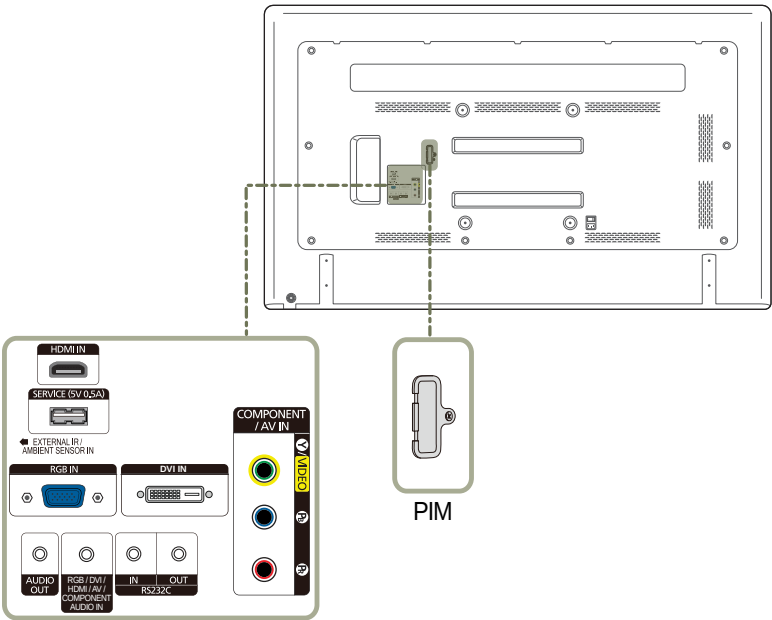
Di chuyển tới trình đơn bên trên hoặc bên dưới. Bạn cũng có thể điều chỉnh giá trị của tùy chọn.



Di chuyển tới trình đơn bên trái hoặc bên phải.

Bạn có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách di chuyển phím pa-nen sang trái hoặc sang phải khi trình đơn điều khiển không hiển thị.

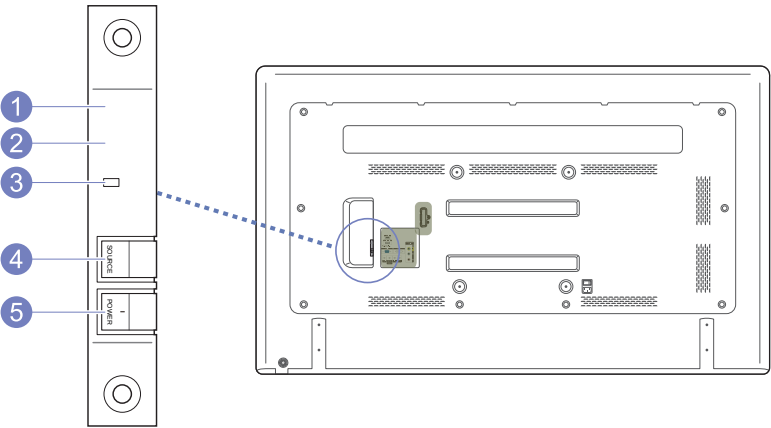
# Mặt sau



| Cổng                                       | Mô tả                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| HDMI IN                                    | Kết nối với thiết bị nguồn bằng cáp HDMI.                                                                                               |
| SERVICE (5V 0.5A)                          | Cổng này được sử dụng để nâng cấp phần mềm.                                                                                             |
| EXTERNAL IR / AMBIENT SENSOR IN            | Cấp nguồn cho bảng cảm biến xung quanh bên ngoài hoặc nhận tín hiệu cảm biến ánh sáng.<br>Cảm biến xung quanh bên ngoài: Được bán riêng |
| RGB IN                                     | Kết nối với thiết bị nguồn bằng cáp D-SUB.                                                                                              |
| DVI IN                                     | Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp DVI hoặc cáp HDMI-DVI.                                                        |
| AUDIO OUT                                  | Kết nối với âm thanh của thiết bị nguồn tín hiệu.                                                                                       |
| RGB / DVI / HDMI / AV / COMPONENT AUDIO IN | Kết nối với nguồn vào âm thanh bằng cáp âm thanh.                                                                                       |
| RS232C IN                                  | Kết nối với MDC bằng bộ điều hợp stereo RS232C.                                                                                         |
| RS232C OUT                                 |                                                                                                                                         |
| PIM                                        | Kết nối với PIM. (Tham khảo hướng dẫn sử dụng PIM để biết chi tiết.)                                                                    |
| COMPONENT / AV IN                          | Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp Component/ AV.                                                                |

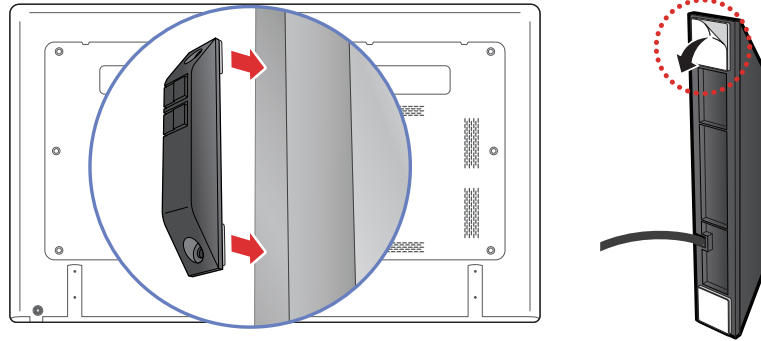
# Bộ cảm biến ngoại tín hiệu

- Bộ cảm biến bên ngoài có cảm biến điều khiển từ xa, cảm biến độ sáng và các phím chức năng. Nếu gắn màn hình lên tường, bạn có thể di chuyển bộ cảm biến bên ngoài sang bên sườn màn hình.
- Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



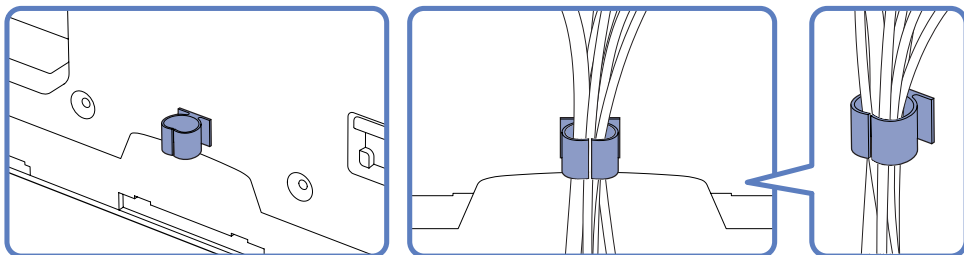
| Nút                                              | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>1</div> <b>Bộ cảm biến Điều khiển từ xa</b> | <p>Hướng bộ điều khiển từ xa về điểm này trên Màn hình LCD.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>— Giữ cho khu vực giữa cảm biến từ xa và điều khiển từ xa không có vật cản.</li></ul> <p>Sử dụng điều khiển từ xa trong phạm vi từ 7 đến 10m từ bộ cảm biến trên sản phẩm với một góc 30° từ bên trái và bên phải.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>— Đặt pin đã sử dụng ở nơi cách xa tầm tay trẻ em và tái sử dụng.</li><li>— Không sử dụng chung pin cũ và mới. Thay cả hai pin cùng lúc.</li><li>— Tháo pin ra khi điều khiển từ xa không được sử dụng trong một thời gian dài.</li></ul> |
| <div>2</div> <b>Cảm biến ánh sáng</b>            | <p>Tự động dò tìm cường độ ánh sáng xung quanh ở quanh màn hình hiển thị được lựa chọn và điều chỉnh độ sáng màn hình.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <div>3</div> <b>Chỉ báo nguồn</b>                | <p>Tắt trong chế độ bật nguồn và nhấp nháy xanh lục trong chế độ tiết kiệm điện.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <div>4</div> <b>Nút SOURCE</b>                   | <p>Chuyển chế độ PC sang chế độ Video.<br/>Chọn nguồn vào kết nối với thiết bị ngoại vi.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <div>5</div> <b>Nút POWER</b>                    | <p>Sử dụng nút này để bật và tắt Màn hình LCD.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

### Lắp bộ cảm biến bên ngoài vào phía bên



- Bộ cảm biến bên ngoài này có thể được lắp vào bất kỳ phần nào của màn hình bằng băng dính hai mặt đi kèm cảm biến.
- Bộ cảm biến bên ngoài cũng có thể được lắp vào tường hoặc gần màn hình.
- Không lắp Bộ cảm biến bên ngoài vào màn hình nếu màn hình không có các cạnh nhựa hoặc kim loại. Màn hình có thể bị hỏng.

## Lắp để có dây giữ

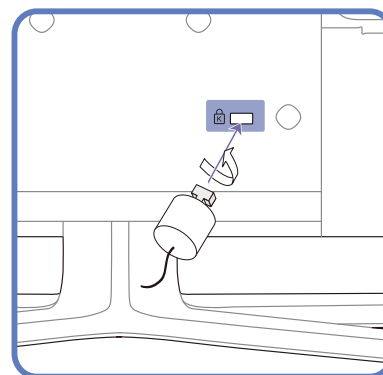


## Khóa chống trộm

- Khóa chống trộm cho phép bạn sử dụng sản phẩm một cách an toàn ngay cả ở những nơi công cộng.
- Hình dạng thiết bị khóa và cách thức khóa tùy thuộc vào nhà sản xuất. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.

### Để khóa thiết bị khóa chống trộm:

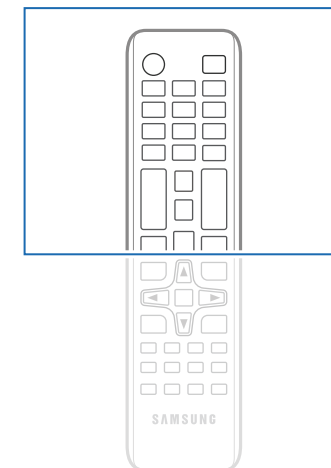
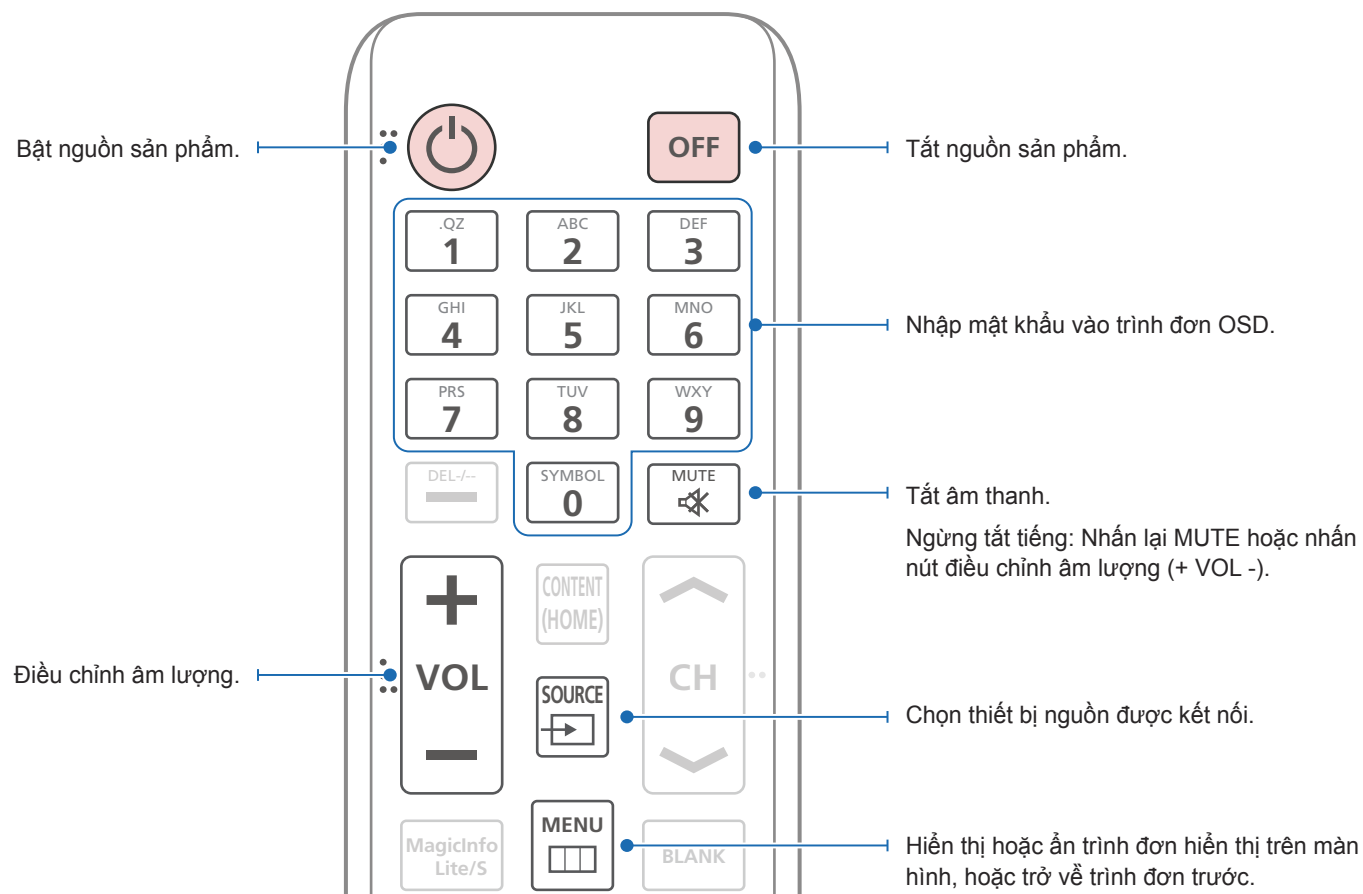
- Chân đế: Được bán riêng



- 1 Cố định cáp của thiết bị khóa chống trộm vào một vật nặng ví dụ như bàn làm việc.
- 2 Luồn một đầu của cáp qua móc ở đầu kia của cáp.
- 3 Đặt thiết bị khóa vào bên trong khe khóa chống trộm ở phía sau sản phẩm.
- 4 Khóa thiết bị khóa.
  - Bạn có thể mua riêng thiết bị khóa chống trộm.
  - Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.
  - Bạn có thể mua thiết bị khóa chống trộm tại các cửa hàng bán lẻ đồ điện tử hoặc mua qua mạng.

## Điều khiển từ xa

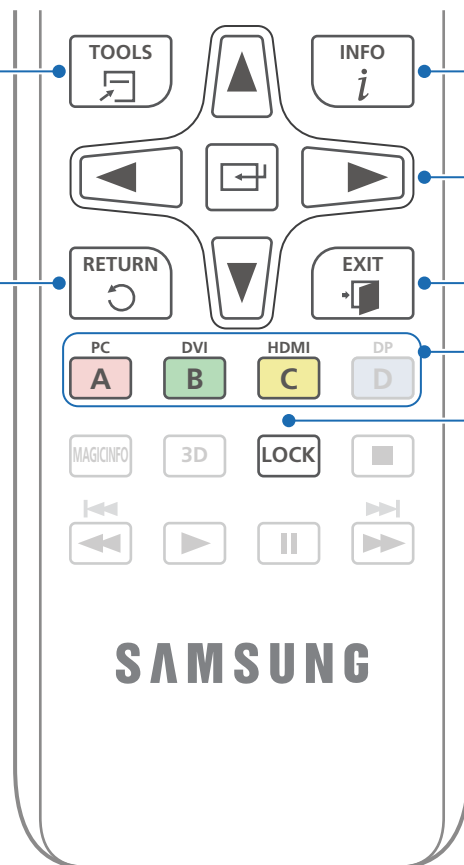
- Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
- Nút không có mô tả trong hình ảnh bên dưới không được hỗ trợ trên sản phẩm.



- Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.

Truy cập nhanh các tính năng được sử dụng thường xuyên.

Trở về trình đơn trước.



Hiển thị thông tin trên màn hình.

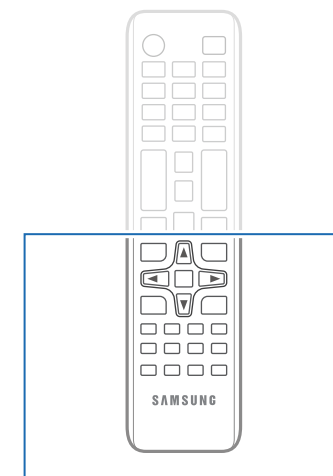
Chuyển sang trình đơn lên trên, xuống dưới, bên trái hoặc phải hoặc điều chỉnh cài đặt của một tùy chọn.

Xác nhận lựa chọn một trình đơn.

Thoát khỏi trình đơn hiện tại.

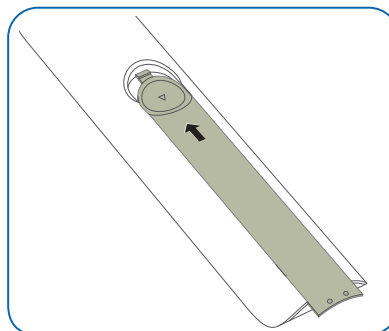
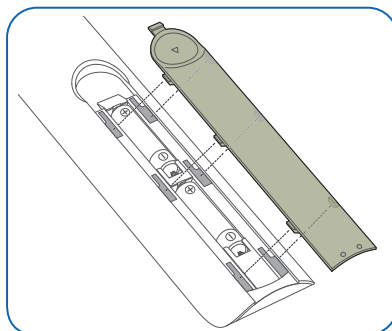
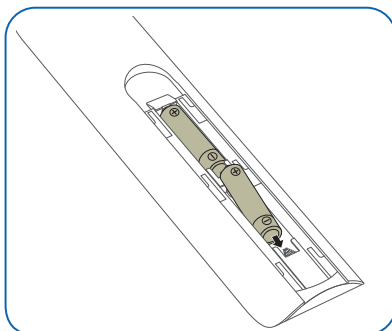
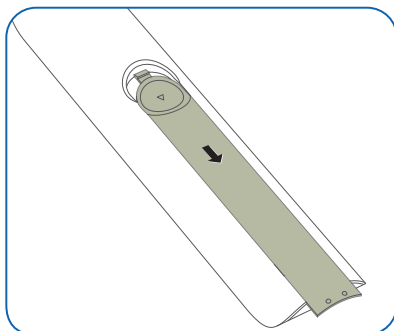
Chọn thủ công nguồn vào được kết nối từ **PC, DVI, HDMI**.

Cài đặt chức năng khóa an toàn.

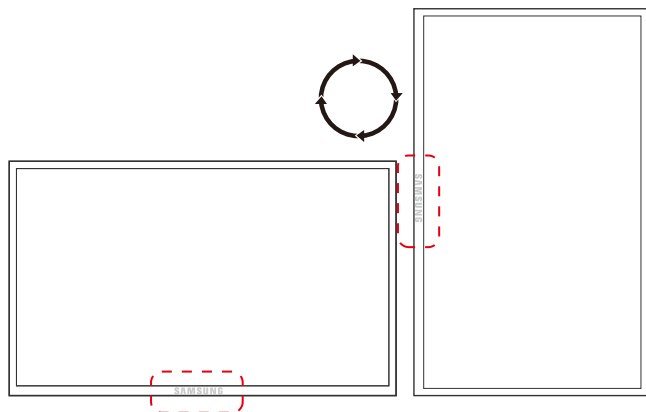


– Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.

## Để đặt pin vào điều khiển từ xa



## Trước khi Lắp đặt Sản phẩm (Hướng dẫn Lắp đặt)



Để tránh thương tích, thiết bị này phải được gắn chặt vào sàn/tường theo hướng dẫn lắp đặt.

- Đảm bảo rằng công ty lắp đặt được ủy quyền lắp đặt giá treo tường.
- Nếu không, giá treo tường có thể rơi và gây ra thương tích cá nhân.
- Đảm bảo lắp đặt giá treo tường được chỉ định.

## Chuyển đổi giữa chế độ dọc và chế độ ngang

— Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

- Để sử dụng sản phẩm ở chế độ thẳng (thẳng đứng), xoay nó theo chiều kim đồng hồ sao cho đèn chỉ báo LED quay xuống phía dưới.

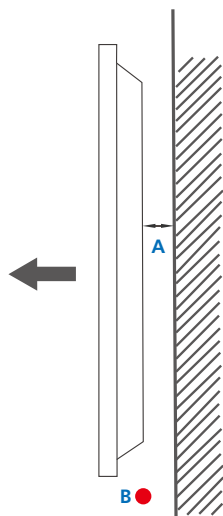
## Thông gió

### Lắp đặt trên Tường thẳng đứng

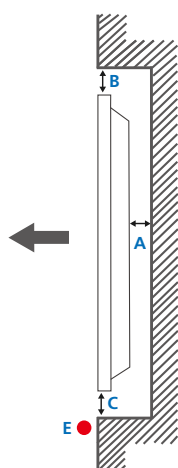
**A** Tối thiểu là 40 mm

**B** Nhiệt độ xung quanh: Dưới 35°C

- Khi lắp đặt sản phẩm trên tường thẳng đứng, cho phép ít nhất khoảng cách 40 mm giữa sản phẩm và bề mặt tường để thông gió và đảm bảo nhiệt độ A xung quanh được giữ ở mức dưới 35°C.

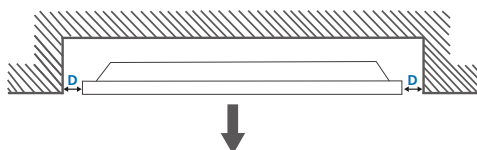


Hình 1,1 Nhìn từ bên



Hình 1.2 Nhìn từ bên

Hình 1,3 Nhìn từ bên



## Lắp đặt trên Tường có vết lõm

— Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

### Nhìn chính diện

A Tối thiểu là 40 mm

B Tối thiểu là 70 mm

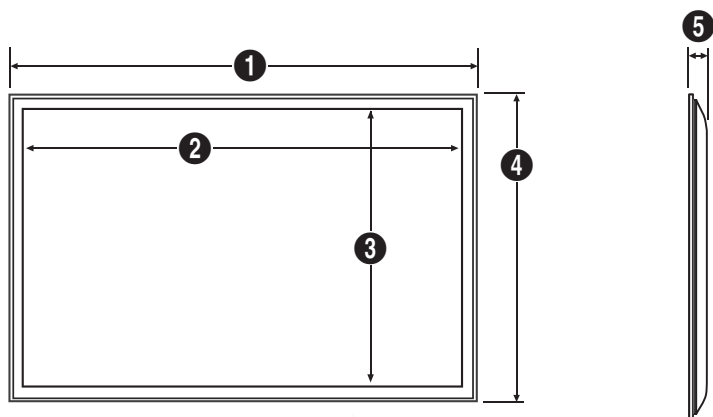
C Tối thiểu là 50 mm

D Tối thiểu là 50 mm

E Nhiệt độ xung quanh: Dưới 35°C

— Khi lắp đặt sản phẩm trên tường bị lõm xuống, cho phép ít nhất khoảng cách như chỉ định ở trên giữa sản phẩm và bề mặt tường để thông gió và đảm bảo nhiệt độ xung quanh được giữ ở mức dưới 35°C.

## Kích thước



Đơn vị: mm

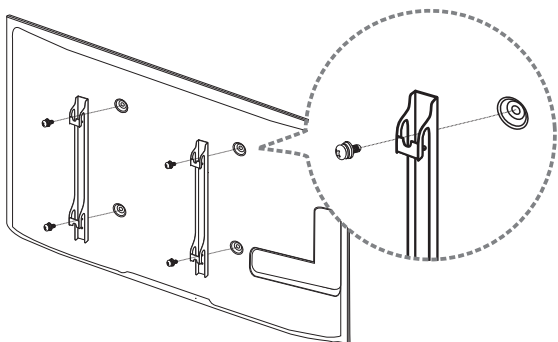
### Tên mẫu sản phẩm

|       | ①      | ②      | ③     | ④     | ⑤    |
|-------|--------|--------|-------|-------|------|
| ED65D | 1467,5 | 1431,4 | 806,5 | 848,0 | 65,0 |
| ED75D | 1675,0 | 1653,3 | 931,3 | 958,5 | 65,0 |

— Tất cả các hình vẽ không nhất thiết phải theo tỷ lệ. Một số kích thước có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Tham khảo kích thước trước khi thực hiện lắp đặt sản phẩm của bạn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về lỗi gõ phím hay lỗi in.

## Lắp đặt giá treo tường



## Lắp đặt bộ giá treo tường

Bộ giá treo tường (được bán riêng) cho phép bạn lắp sản phẩm lên tường.

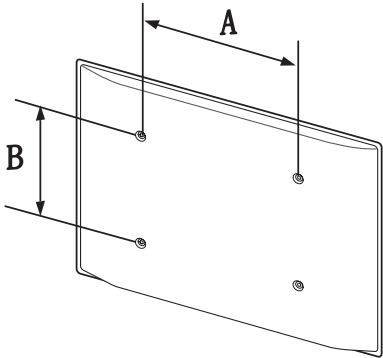
Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt giá treo tường, hãy xem hướng dẫn đi kèm giá treo tường.

Chúng tôi khuyên bạn nên liên hệ với kỹ thuật viên để được trợ giúp khi lắp đặt giá treo tường.

Samsung Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc nào đối với sản phẩm hay thương tích nào đối với bạn hoặc người khác nếu bạn tự ý lắp đặt giá treo tường.

# Thông số kỹ thuật của bộ giá treo tường (VESA)

— Lắp giá treo tường lên tường đặc vuông góc với sàn nhà. Trước khi lắp giá treo tường vào các bề mặt như tấm ốp tường, hãy liên hệ với đại lý gần nhất để biết thêm thông tin.  
Nếu bạn lắp sản phẩm trên tường nghiêng, sản phẩm có thể bị đổ và dẫn đến thương tích cá nhân nghiêm trọng.



- Bộ giá treo tường của Samsung có hướng dẫn lắp đặt chi tiết và tất cả các bộ phận cần thiết cho việc lắp ráp đều được cung cấp.
- Không sử dụng vít dài hơn độ dài chuẩn hoặc không phù hợp với thông số vít chuẩn VESA. Vít quá dài có thể làm hỏng phần bên trong của sản phẩm.
- Đối với giá treo tường không phù hợp với thông số vít chuẩn VESA, độ dài của vít có thể khác nhau tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của giá treo tường.
- Không vặn vít quá chặt. Vặn quá chặt có thể làm hỏng sản phẩm hoặc khiến sản phẩm bị đổ, dẫn đến thương tích cá nhân. Samsung không chịu trách nhiệm về các kiểu tai nạn này.
- Samsung không chịu trách nhiệm về hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích cá nhân khi người tiêu dùng sử dụng giá treo tường không phải là VESA hoặc không được chỉ định hoặc người tiêu dùng không tuân theo các hướng dẫn lắp đặt sản phẩm.
- Luôn nhờ hai người lắp sản phẩm lên tường.
- Kích thước chuẩn cho bộ giá treo tường được hiển thị trong bảng bên dưới.

Đơn vị: mm

| Tên mẫu sản phẩm | Thông số lỗ vít VESA (A * B) tính bằng milimet | Vít chuẩn | Số lượng |
|------------------|------------------------------------------------|-----------|----------|
| ED65D            | 400 x 400                                      | M8, L32   | 4 Chiếc  |
| ED75D            |                                                |           |          |

— Không lắp đặt bộ giá treo tường trong khi sản phẩm của bạn đang bật. Việc này có thể dẫn đến thương tích cá nhân do điện giật.

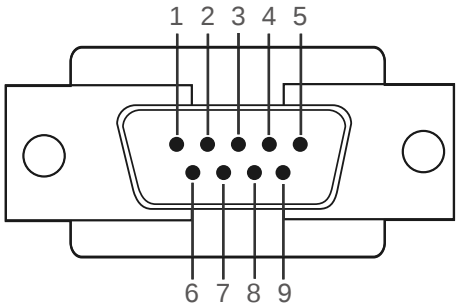
# Điều khiển từ xa (RS232C)

## Kết nối cáp

### Cáp RS232C

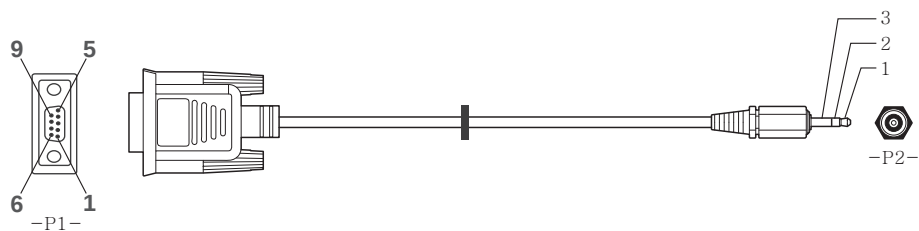
|                          |                                     |
|--------------------------|-------------------------------------|
| Giao diện                | RS232C (9 chốt)                     |
| Chốt                     | TxD (Số 2), RxD (Số 3), GND (Số 5)  |
| Tốc độ bit               | 9600 bit/giây                       |
| Số bit dữ liệu           | 8 bit                               |
| Chặn lẻ                  | Không                               |
| Bit dừng                 | 1 bit                               |
| Điều khiển luồng dữ liệu | Không                               |
| Độ dài tối đa            | 15 m (chỉ đối với loại có tấm chắn) |

- Gán chốt



| Chốt | Tín hiệu                      |
|------|-------------------------------|
| 1    | Dò đường truyền dữ liệu       |
| 2    | Dữ liệu thu được              |
| 3    | Dữ liệu truyền đi             |
| 4    | Chuẩn bị cổng dữ liệu         |
| 5    | Tín hiệu tiếp đất             |
| 6    | Chuẩn bị gói dữ liệu          |
| 7    | Gửi yêu cầu                   |
| 8    | Tín hiệu đã rõ ràng để gửi đi |
| 9    | Chỉ báo chuông                |

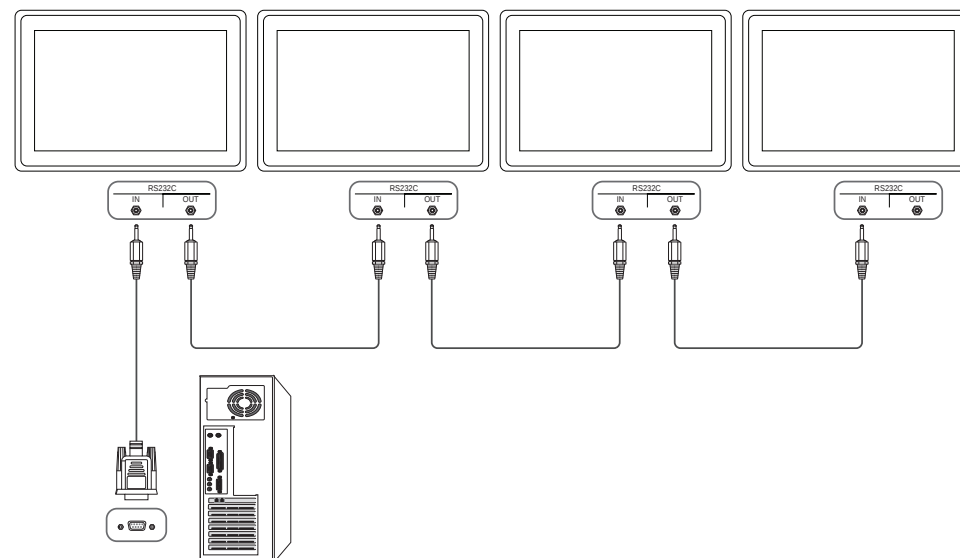
- Cáp RS232C  
Bộ kết nối: D-Sub 9 chốt với cáp stereo



| -P1-   |     | -P1- |        | -P2- |     | -P2-      |  |
|--------|-----|------|--------|------|-----|-----------|--|
| Female | Rx  | 2    | -----> | 3    | Tx  | STEREO    |  |
|        | Tx  | 3    | <----- | 2    | Rx  | PHÍCH CẮM |  |
|        | Gnd | 5    | -----  | 5    | Gnd | (3,5ø)    |  |

## Kết nối

- Kết nối 1



# Các mã điều khiển

## Xem trạng thái điều khiển (Nhận lệnh điều khiển)

| Đầu trang | Lệnh      | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|-----------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | Loại lệnh |    | 0              |               |

## Điều khiển (Cài đặt lệnh điều khiển)

| Đầu trang | Lệnh      | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|-----------|----|----------------|---------|---------------|
| 0xAA      | Loại lệnh |    | 1              | Giá trị |               |

## Lệnh

| Không. | Loại lệnh                                              | Lệnh | Dãy giá trị |
|--------|--------------------------------------------------------|------|-------------|
| 1      | Điều khiển nguồn                                       | 0x11 | 0~1         |
| 2      | Điều khiển âm lượng                                    | 0x12 | 0~100       |
| 3      | Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào                       | 0x14 | -           |
| 4      | Điều khiển chế độ màn hình                             | 0x18 | -           |
| 5      | Điều khiển kích thước màn hình                         | 0x19 | 0~255       |
| 6      | Điều khiển bật/tắt PIP                                 | 0x3C | 0~1         |
| 7      | Điều khiển điều chỉnh tự động (Chỉ dành cho PC và BNC) | 0x3D | 0           |
| 8      | Điều khiển chế độ tường video                          | 0x5C | 0~1         |
| 9      | Khóa an toàn                                           | 0x5D | 0~1         |

| Không. | Loại lệnh                         | Lệnh | Dãy giá trị |
|--------|-----------------------------------|------|-------------|
| 10     | Bật Tường Video                   | 0x84 | 0~1         |
| 11     | Điều khiển người dùng Tường Video | 0x89 | -           |

- Toàn bộ liên lạc diễn ra bằng giá trị thập lục phân. Kiểm tra tổng được tính bằng cách cộng toàn bộ giá trị trừ phần đầu trang. Nếu kiểm tra tổng cộng thêm hơn 2 chữ số như hiển thị dưới đây (11+FF+01+01=112), thì chữ số đầu tiên sẽ bị gỡ bỏ.

Ví dụ: Power On (Bật nguồn) & ID=0

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu 1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|-----------|---------------|
| 0xAA      | 0x11 |    | 1              | "Power"   |               |

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu 1 | 12 |
|-----------|------|----|----------------|-----------|----|
| 0xAA      | 0x11 |    | 1              | 1         |    |

- Để điều khiển toàn bộ thiết bị kết nối với một cáp tuần tự liên tục không kể ID, hãy đặt ID là "0xFE" và truyền lệnh. Các lệnh được tiến hành bởi mỗi thiết bị nhưng ACK không phản ứng.

## Điều khiển nguồn

- Tính năng  
Có thể bật và tắt nguồn sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn (Get Power ON / OFF Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x11 |    | 0              |               |

- Cài đặt nguồn BẬT/TẮT (Set Power ON / OFF)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|---------------|
| 0xAA      | 0x11 |    | 1              | "Power" |               |

"Power": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

1: Bật nguồn

0: Tắt nguồn

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x11  | "Power"  |               |

"Power": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x11  | "ERR"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

## Điều khiển âm lượng

- Tính năng  
Có thể điều chỉnh âm lượng của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái âm lượng (Get Volume Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x12 |    | 0              |               |

- Cài đặt âm lượng (Set Volume)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu  | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0x12 |    | 1              | "Volume" |               |

"Volume": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x12  | "Volume" |               |

"Volume": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x12  | "ERR"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

## Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào

- Tính năng  
Có thể thay đổi nguồn vào của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn tín hiệu đầu vào (Get Input Source Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x14 |    | 0              |               |

- Cài đặt nguồn tín hiệu đầu vào (Set Input Source)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu        | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x14 |    | 1              | "Input Source" |               |

"Input Source": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

|      |                    |
|------|--------------------|
| 0x14 | PC                 |
| 0x18 | DVI                |
| 0x0C | Nguồn tín hiệu vào |
| 0x08 | Thành phần         |
| 0x20 | MagicInfo          |
| 0x1F | DVI_video          |
| 0x30 | RF (TV)            |
| 0x40 | DTV                |
| 0x21 | HDMI               |
| 0x22 | HDMI_PC            |

Bạn không thể sử dụng DVI\_video, HDMI\_PC bằng lệnh Cài đặt. Chúng chỉ phản ứng với lệnh "Get" (Lấy).

Mẫu sản phẩm này không hỗ trợ cổng HDMI, HDMI\_PC

MagicInfo chỉ khả dụng với mẫu có chức năng MagicInfo.

RF(TV), DTV chỉ có trong các mẫu bao gồm TV.

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1       | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x14  | "Input Source" |               |

"Input Source": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x14  | "ERR"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

## Điều khiển chế độ màn hình

- Tính năng  
Có thể thay đổi chế độ màn hình của sản phẩm bằng PC.  
Không thể điều khiển chế độ màn hình khi chức năng **Video Wall** được kích hoạt.

— Chỉ có thể sử dụng điều khiển này trên các mẫu bao gồm TV.

- Xem trạng thái màn hình (Get Screen Mode Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x18 |    | 0              |               |

- Cài đặt kích thước hình ảnh (Set Picture Size)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu       | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|---------------|
| 0xAA      | 0x18 |    | 1              | "Screen Mode" |               |

"Screen Mode": Mã cài đặt trạng thái sản phẩm

|      |                      |
|------|----------------------|
| 0x01 | 16 : 9               |
| 0x04 | Thu phóng            |
| 0x31 | Thu phóng chiều rộng |
| 0x0B | 4 : 3                |

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1      | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|---------------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x18  | "Screen Mode" |               |

"Screen Mode": Mã cài đặt trạng thái sản phẩm

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x18  | "ERR"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển kích thước màn hình

- Tính năng  
Có thể thay đổi kích cỡ màn hình của sản phẩm bằng PC.

- Xem kích thước màn hình (Get Screen Size Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x19 |    | 0              |               |

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1      | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|---------------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x19  | "Screen Size" |               |

"Screen Size": kích cỡ màn hình sản phẩm (phạm vi: 0 - 255, đơn vị: inch)

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x19  | "ERR"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển Bật/Tắt PIP

- Tính năng  
Có thể bật hoặc tắt chế độ PIP của sản phẩm bằng PC.
  - Chỉ có sẵn ở những mẫu có tính năng PIP.
  - Không thể điều khiển chế độ này nếu **Video Wall** được cài đặt thành **On**.
  - Chức năng này không có trong **MagicInfo**.

- Xem trạng thái PIP bật/tắt (Get the PIP ON / OFF Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x3C |    | 0              |               |

- Cài đặt PIP là bật/tắt (Set the PIP ON / OFF)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|---------------|
| 0xAA      | 0x3C |    | 1              | "PIP"   |               |

"PIP": Mã dùng để bật hoặc tắt chế độ PIP của sản phẩm

1: BẬT PIP

0: TẮT PIP

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x3C  | "PIP"    |               |

"PIP": Mã dùng để bật hoặc tắt chế độ PIP của sản phẩm

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x3C  | "PIP"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển điều chỉnh tự động (Chỉ dành cho PC và BNC)

- Tính năng  
Tự động điều chỉnh màn hình hệ thống PC sử dụng PC.
- Xem trạng thái điều chỉnh tự động (Get Auto Adjustment Status)  
Không
- Cài đặt điều chỉnh tự động (Set Auto Adjustment)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu           | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|-------------------|---------------|
| 0xAA      | 0x3D |    | 1              | "Auto Adjustment" |               |

"Auto Adjustment" : 0x00 (vào mọi lúc)

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1          | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|-------------------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x3D  | "Auto Adjustment" |               |

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x3D  | "ERR"    |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển chế độ Video Wall

- Tính năng  
Chế độ **Video Wall** có thể được kích hoạt trên sản phẩm bằng cách sử dụng PC.  
Điều khiển này chỉ khả dụng trên sản phẩm được bật **Video Wall**.
- Xem chế độ tường video (Get Video Wall Mode)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x5C |    | 0              |               |

- Cài đặt tường video (Set Video Wall Mode)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu           | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|-------------------|---------------|
| 0xAA      | 0x5C |    | 1              | "Video Wall Mode" |               |

"**Video Wall Mode**": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

1: **Full**

0: **Natural**

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1          | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|-------------------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x5C  | "Video Wall Mode" |               |

"**Video Wall Mode**": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x5C  | "ERR"    |               |

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Khóa an toàn

- Tính năng  
Bạn có thể sử dụng PC để bật hoặc tắt chức năng **Safety Lock** trên sản phẩm.  
Tính năng này vẫn hoạt động không kể bật hay tắt nguồn điện.
- Xem trạng thái khóa an toàn (Get Safety Lock Status)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x5D |    | 0              |               |

- Kích hoạt hoặc tắt kích hoạt khoá an toàn (Set Safety Lock Enable / Disable)

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu       | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|---------------|
| 0xAA      | 0x5D |    | 1              | "Safety Lock" |               |

"**Safety Lock**": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

1: **BẬT**

0: **TẮT**

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1      | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|---------------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x5D  | "Safety Lock" |               |

"**Safety Lock**": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x5D  | "ERR"    |               |

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Bật Tường Video

- Tính năng  
Máy tính cá nhân BẬT/TẮT Tường Video của sản phẩm.
- Nhận trạng thái bật/tắt Tường Video

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x84 |    | 0              |               |

- Cài đặt bật/tắt Tường Video

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Dữ liệu   | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|-----------|---------------|
| 0xAA      | 0x84 |    | 1              | V.Wall_On |               |

- V.Wall\_On : Mã Tường Video sẽ cài đặt trên sản phẩm

1: Tường Video BẬT

0: Tường Video TẮT

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1  | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|-----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'A'     | 0x84  | V.Wall_On |               |

V.Wall\_On : Giống như trên

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x84  | ERR      |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển người dùng Tường Video

- Tính năng  
Máy tính cá nhân bật/tắt chức năng Tường Video của sản phẩm.
- Nhận trạng thái Tường Video

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------------|
| 0xAA      | 0x89 |    | 0              |               |

- Cài đặt Tường Video

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Giá trị1 | Giá trị 2 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|----------|-----------|---------------|
| 0xAA      | 0x89 |    | 2              | Wall_Div | Wall_SNo  |               |

Wall\_Div: Mã bộ chia Tường Video được cài đặt trên sản phẩm

## Mẫu Tường Video 10x10

|            | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8    | 9    | 10   | 11   | 12   | 13   | 14   | 15   |
|------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| <b>Tất</b> | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 | 0x00 |
| <b>1</b>   | 0x11 | 0x12 | 0x13 | 0x14 | 0x15 | 0x16 | 0x17 | 0x18 | 0x19 | 0x1A | 0x1B | 0x1C | 0x1D | 0x1E | 0x1F |
| <b>2</b>   | 0x21 | 0x22 | 0x23 | 0x24 | 0x25 | 0x26 | 0x27 | 0x28 | 0x29 | 0x2A | 0x2B | 0x2C | 0x2D | 0x2E | 0x2F |
| <b>3</b>   | 0x31 | 0x32 | 0x33 | 0x34 | 0x35 | 0x36 | 0x37 | 0x38 | 0x39 | 0x3A | 0x3B | 0x3C | 0x3D | 0x3E | 0x3F |
| <b>4</b>   | 0x41 | 0x42 | 0x43 | 0x44 | 0x45 | 0x46 | 0x47 | 0x48 | 0x49 | 0x4A | 0x4B | 0x4C | 0x4D | 0x4E | 0x4F |
| <b>5</b>   | 0x51 | 0x52 | 0x53 | 0x54 | 0x55 | 0x56 | 0x57 | 0x58 | 0x59 | 0x5A | 0x5B | 0x5C | 0x5D | 0x5E | 0x5F |
| <b>6</b>   | 0x61 | 0x62 | 0x63 | 0x64 | 0x65 | 0x66 | 0x67 | 0x68 | 0x69 | 0x6A | 0x6B | 0x6C | 0x6D | 0x6E | 0x6F |
| <b>7</b>   | 0x71 | 0x72 | 0x73 | 0x74 | 0x75 | 0x76 | 0x77 | 0x78 | 0x79 | 0x7A | 0x7B | 0x7C | 0x7D | 0x7E | N/A  |
| <b>8</b>   | 0x81 | 0x82 | 0x83 | 0x84 | 0x85 | 0x86 | 0x87 | 0x88 | 0x89 | 0x8A | 0x8B | 0x8C | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>9</b>   | 0x91 | 0x92 | 0x93 | 0x94 | 0x95 | 0x96 | 0x97 | 0x98 | 0x99 | 0x9A | 0x9B | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>10</b>  | 0xA1 | 0xA2 | 0xA3 | 0xA4 | 0xA5 | 0xA6 | 0xA7 | 0xA8 | 0xA9 | 0xAA | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>11</b>  | 0xB1 | 0xB2 | 0xB3 | 0xB4 | 0xB5 | 0xB6 | 0xB7 | 0xB8 | 0xB9 | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>12</b>  | 0xC1 | 0xC2 | 0xC3 | 0xC4 | 0xC5 | 0xC6 | 0xC7 | 0xC8 | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>13</b>  | 0xD1 | 0xD2 | 0xD3 | 0xD4 | 0xD5 | 0xD6 | 0xD7 | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>14</b>  | 0xE1 | 0xE2 | 0xE3 | 0xE4 | 0xE5 | 0xE6 | 0xE7 | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |
| <b>15</b>  | 0xF1 | 0xF2 | 0xF3 | 0xF4 | 0xF5 | 0xF6 | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  | N/A  |

Wall\_SNo: Mã số sản phẩm được cài đặt trên sản phẩm

### Mẫu Tường Video 10x10: ( 1 ~ 100)

| Số thứ tự | Dữ liệu |
|-----------|---------|
| 1         | 0x01    |
| 2         | 0x02    |
| ...       | ...     |
| 99        | 0x63    |
| 100       | 0x64    |

- Ack

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Giá trị 2 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|-----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 4              | 'A'     | 0x89  | Wall_Div | Wall_SNo  |               |

- Nak

| Đầu trang | Lệnh | ID | Độ dài dữ liệu | Ack/Nak | r-CMD | Giá trị1 | Kiểm tra tổng |
|-----------|------|----|----------------|---------|-------|----------|---------------|
| 0xAA      | 0xFF |    | 3              | 'N'     | 0x89  | ERR      |               |

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

# Chương 03

## Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

### Trước khi kết nối

Kiểm tra điều sau đây trước khi bạn kết nối sản phẩm này với các thiết bị khác. Các thiết bị có thể được kết nối tới sản phẩm này bao gồm PC, máy quay video xách tay, loa, hộp thu phát tín hiệu và bộ đọc đĩa DVD/Blu-ray.

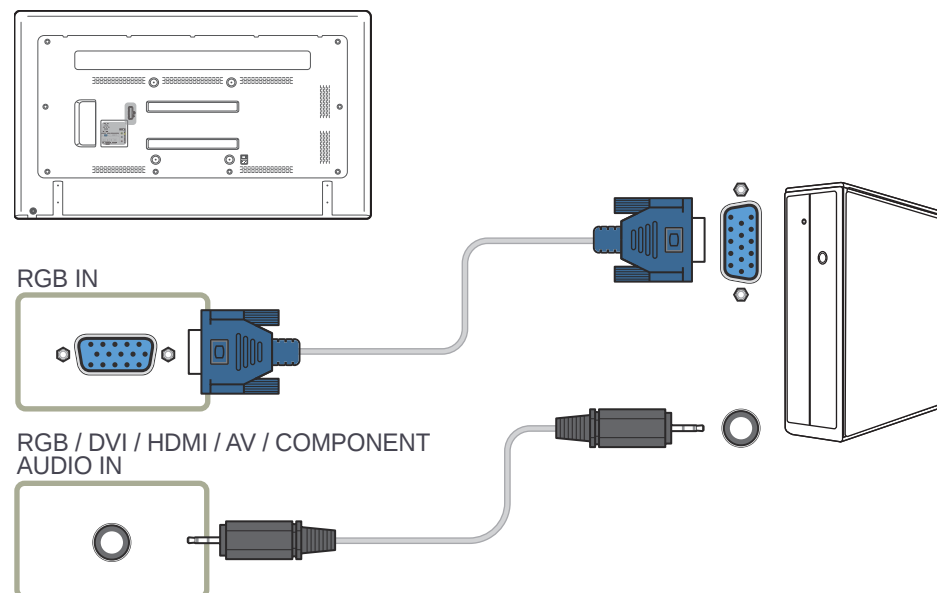
### Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

- Trước khi kết nối một thiết bị nguồn, hãy đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm.  
Số lượng và vị trí của các cổng trên thiết bị nguồn có thể khác nhau ở những thiết bị khác nhau.
- Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.  
Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.
- Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.

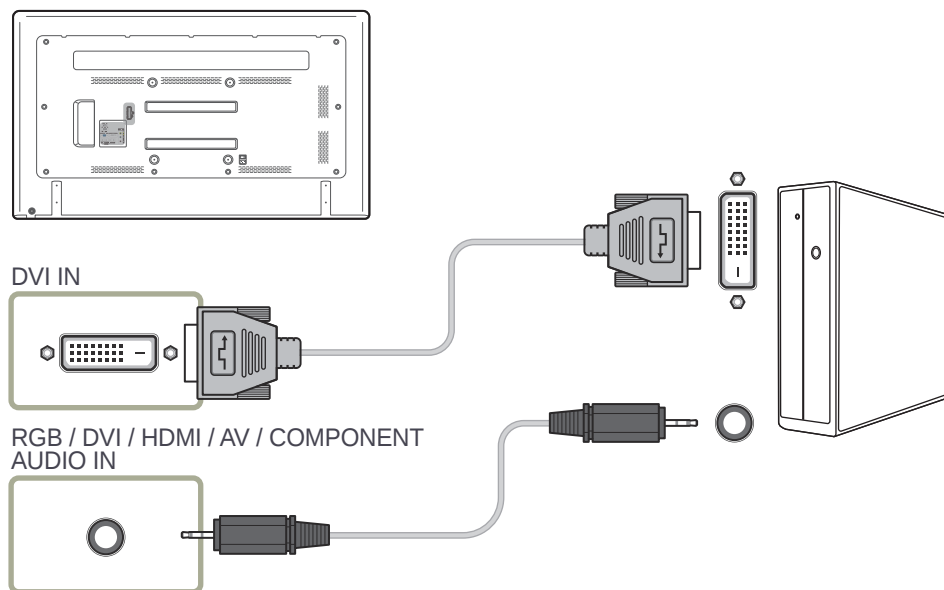
### Kết nối với máy tính

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.  
Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
  - Có thể kết nối máy tính với sản phẩm bằng nhiều cách.  
Sử dụng một phương pháp kết nối phù hợp với máy tính của bạn.
- Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

### Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)

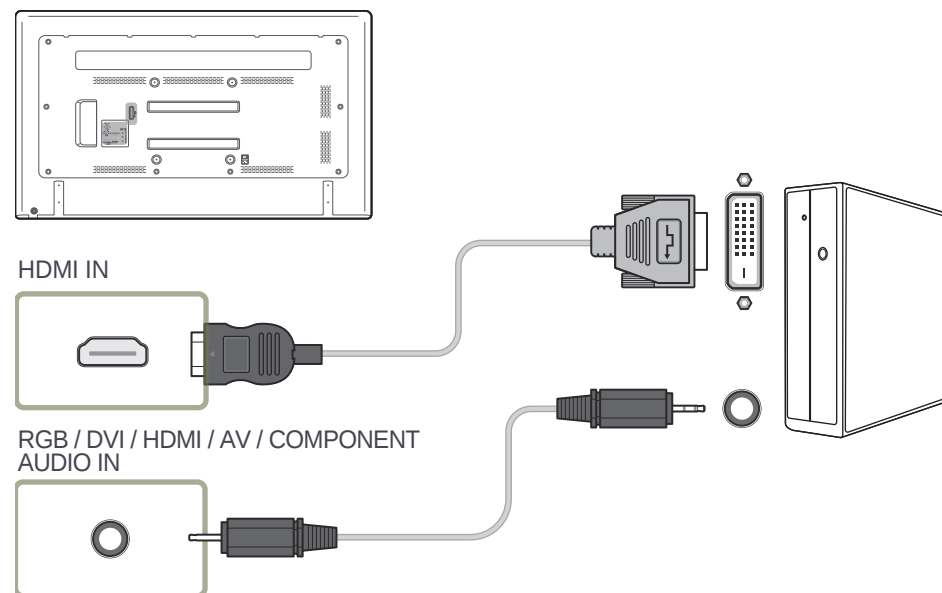


## Kết nối sử dụng cáp DVI (Loại kỹ thuật số)

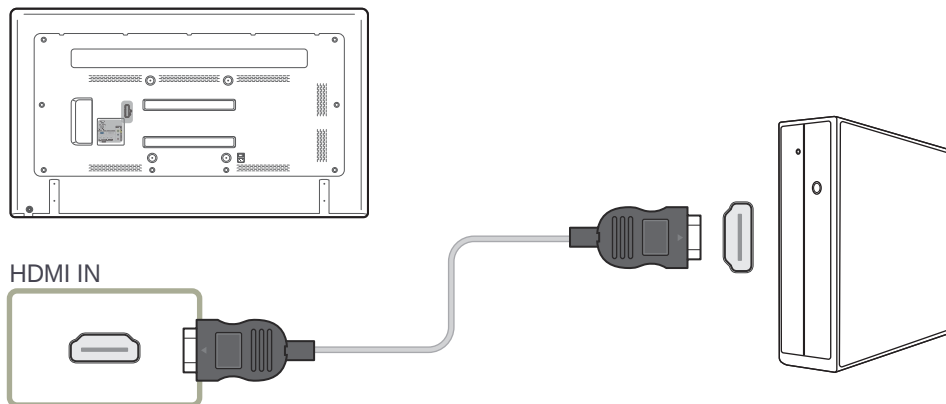


## Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

— Nếu kết nối một PC với sản phẩm, hãy sử dụng cáp HDMI-DVI, hãy cài đặt **Edit Name** thành **DVI PC** để truy cập nội dung video và âm thanh được lưu trên PC.



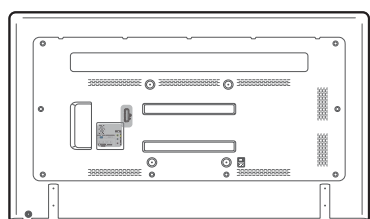
## Kết nối bằng cáp HDMI



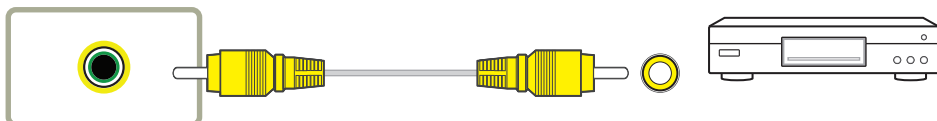
## Kết nối với thiết bị video

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.  
Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
- Bạn có thể kết nối một thiết bị video với sản phẩm bằng cách sử dụng cáp.
  - Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.
  - Nhấn nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa để thay đổi nguồn.

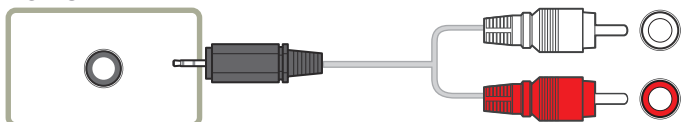
## Kết nối bằng cáp AV



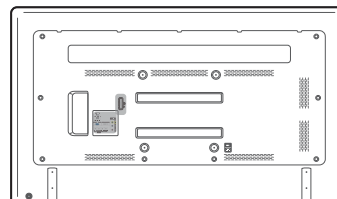
COMPONENT / AV IN



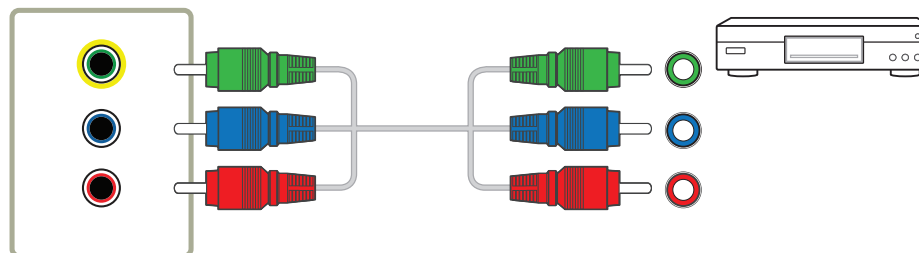
RGB / DVI / HDMI / AV / COMPONENT  
AUDIO IN



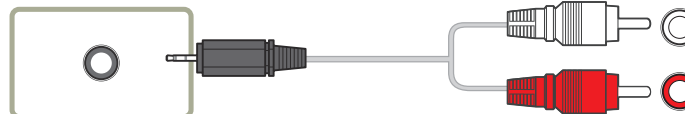
## Kết nối bằng cáp thành phần



COMPONENT / AV IN

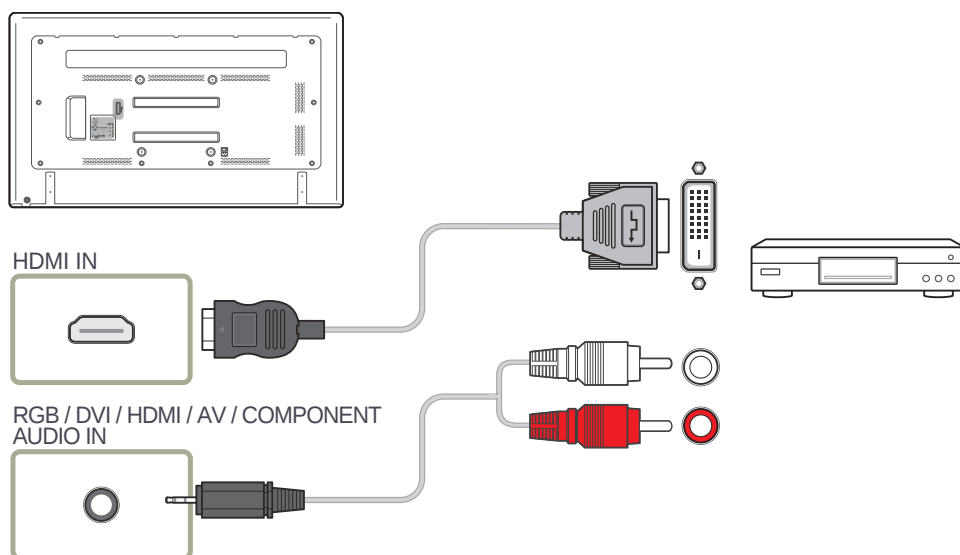


RGB / DVI / HDMI / AV / COMPONENT  
AUDIO IN



## Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

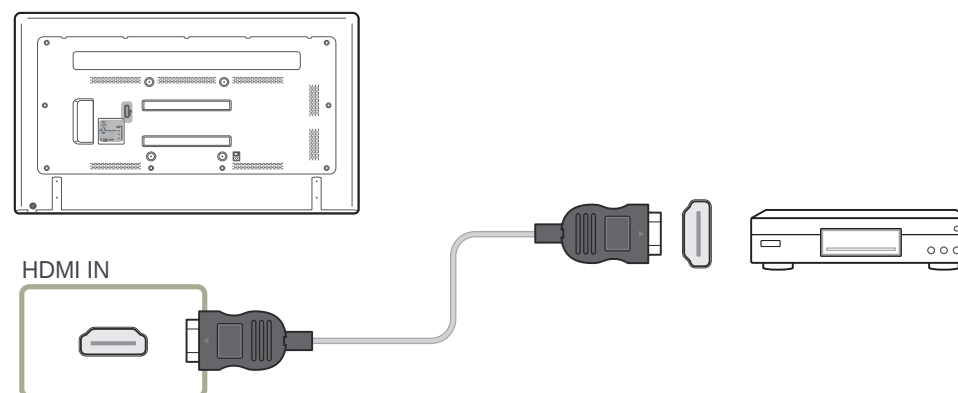
- Âm thanh sẽ không được kích hoạt nếu kết nối sản phẩm với một thiết bị video sử dụng cáp HDMI-DVI. Để xử lý vấn đề này, hãy kết nối thêm cáp âm thanh với các cổng âm thanh trên sản phẩm và thiết bị video. Nếu kết nối một thiết bị video với sản phẩm bằng cáp HDMI-DVI, hãy cài đặt **Edit Name** thành **DVI Devices** để truy cập nội dung video và âm thanh được lưu trên thiết bị video.
- Hỗ trợ độ phân giải 1080p (50/60Hz), 720p (50/60Hz), 480p, và 576p.



## Kết nối bằng cáp HDMI

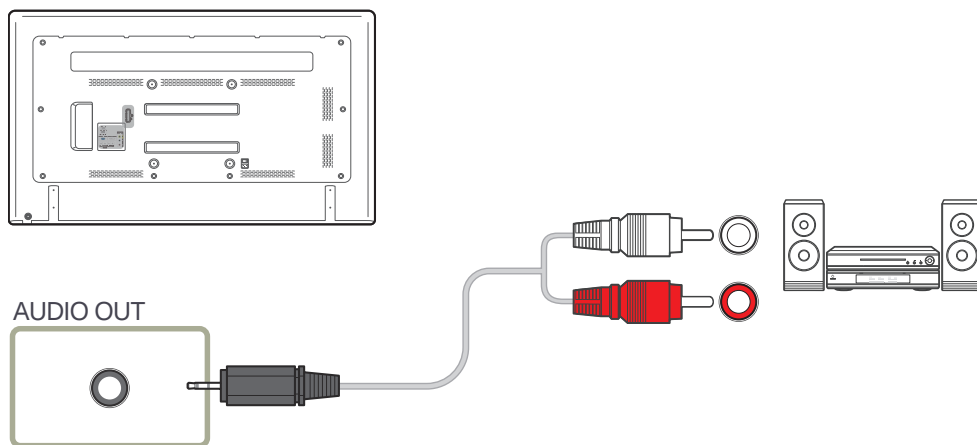
### Sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI (tối đa 1080p)

- Để có chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt hơn, kết nối với thiết bị kỹ thuật số bằng cáp HDMI.
- Cáp HDMI hỗ trợ tín hiệu âm thanh và video kỹ thuật số và không yêu cầu cáp âm thanh.
  - Để kết nối sản phẩm với thiết bị kỹ thuật số không hỗ trợ đầu ra HDMI, sử dụng cáp HDMI-DVI và cáp âm thanh.
- Hình ảnh có thể không hiển thị bình thường (hoặc không hề có) hoặc âm thanh có thể không hoạt động nếu thiết bị ngoại vi sử dụng phiên bản cũ hơn của chế độ HDMI được kết nối với sản phẩm. Nếu sự cố này xảy ra, hãy hỏi nhà sản xuất thiết bị ngoại vi về phiên bản HDMI và nếu phiên bản này đã lỗi thời, hãy yêu cầu nâng cấp.
- Chắc chắn mua cáp HDMI được chứng nhận. Nếu không, hình ảnh có thể không hiển thị hoặc lỗi kết nối có thể xảy ra.
- Bạn nên sử dụng cáp HDMI cơ bản tốc độ cao hoặc cáp có chức năng ethernet. Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng ethernet qua HDMI.



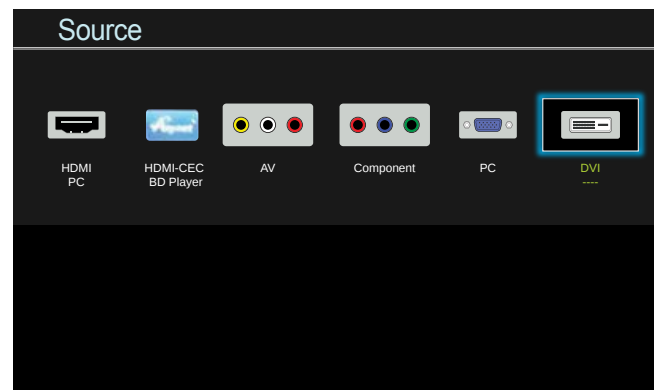
## Kết nối với hệ thống âm thanh

— Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



## Thay đổi Nguồn vào

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.



### Source

**MENU** → **Applications** → **Source List** → **ENTER**

**Source** cho phép bạn chọn nhiều nguồn khác nhau và thay đổi tên thiết bị nguồn.

Bạn có thể hiển thị màn hình thiết bị nguồn được kết nối với sản phẩm. Chọn một nguồn từ Source List (Danh sách nguồn) để hiển thị màn hình của nguồn được chọn.

- Bạn cũng có thể thay đổi nguồn vào bằng cách sử dụng nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa.
- Có thể màn hình sẽ hiển thị không đúng nếu chọn một nguồn không đúng cho thiết bị nguồn bạn muốn chuyển sang.

# Chương 04

## Sử dụng MDC

MDC (Điều khiển đa màn hình) là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính cá nhân (PC)

### Đặt cấu hình thiết đặt cho Multi Control

MENU  → **System** → **Multi Control** → ENTER 

Gán một ID riêng biệt cho sản phẩm.

### Đặt cấu hình thiết đặt cho Multi Control

- **ID Setup**

Gán một ID cho máy. (Phạm vi: 0~99)

Nhấn ▲/▼ để chọn một số và nhấn .

- **ID Input**

Nhập số ID của sản phẩm kết nối với cáp tín hiệu đầu vào để nhận tín hiệu đầu vào.

Nhập số bạn muốn bằng cách sử dụng các phím số trên điều khiển từ xa.

---

Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình. Chương trình MDC có sẵn trên trang web.

---

Việc cài đặt MDC có thể bị ảnh hưởng bởi thẻ đồ họa, bản mạch chủ và điều kiện mạng.

---

Nếu không chỉ định đường dẫn thư mục, chương trình sẽ được cài đặt ở đường dẫn thư mục mặc định.

---

Chọn "**Launch MDC Unified**" và nhấp vào "**Finish**" để chạy chương trình MDC ngay lập tức.

- 
- Biểu tượng cài đặt MDC có thể không được hiển thị tùy thuộc vào hệ thống PC hoặc thông số kỹ thuật của sản phẩm.
  - Nhấn phím F5 nếu biểu tượng cài đặt không được hiển thị.

---

## Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC

### Cài đặt

- 1 Nhấp chuột vào chương trình cài đặt **MDC Unified**.
- 2 Chọn ngôn ngữ để cài đặt. Sau đó, nhấp vào "**OK**".
- 3 Khi màn hình "**Welcome to the InstallShield Wizard for MDC\_Unified**" xuất hiện, nhấp vào "**Next**".
- 4 Trong cửa sổ "**License Agreement**" được hiển thị, chọn "**I accept the terms in the license agreement**" và nhấp "**Next**".
- 5 Trên cửa sổ "**Customer Information**" được hiển thị, điền đầy đủ các trường thông tin và nhấp chuột vào "**Next**".
- 6 Trong cửa sổ "**Destination Folder**" được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào "**Next**".
- 7 Trong cửa sổ "**Ready to Install the Program**" được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào "**Install**".
- 8 Tiến độ cài đặt sẽ được hiển thị.
- 9 Nhấp chuột vào "**Finish**" trên cửa sổ "**InstallShield Wizard Complete**" được hiển thị.
- 10 Biểu tượng đường dẫn tắt **MDC Unified** sẽ được tạo ra trên màn hình sau khi cài đặt.

### Gỡ bỏ

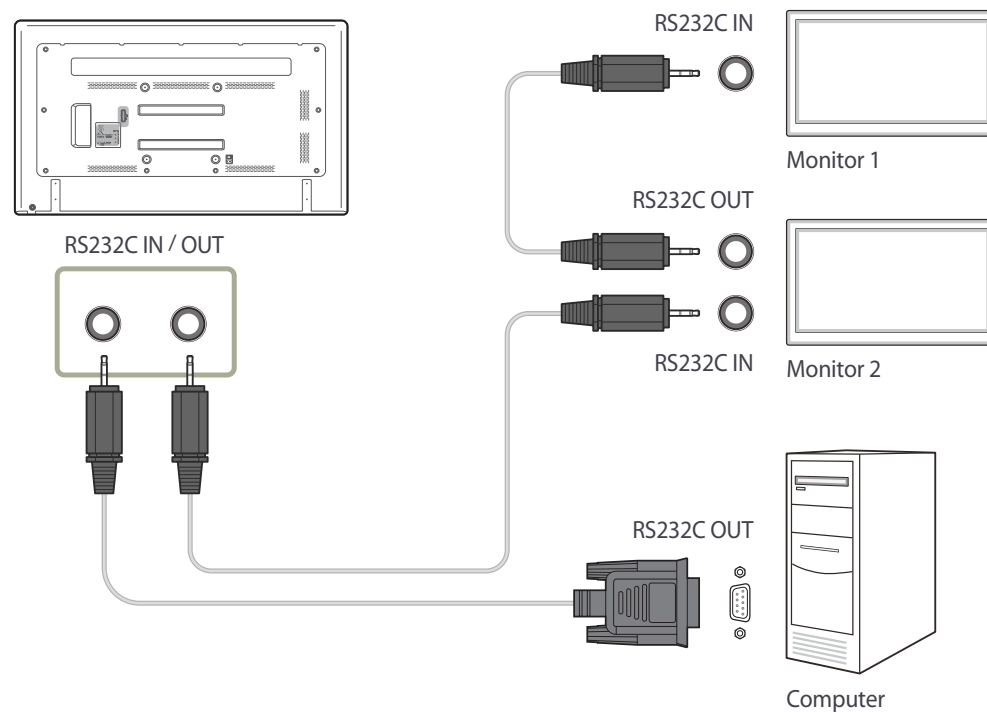
- 1 Chọn **Thiết lập > Pa-nen điều khiển** trên trình đơn **Bắt đầu** và nhấp đúp vào **Thêm/Xóa chương trình**.
- 2 Lựa chọn **MDC Unified** từ danh sách và nhấp chuột vào **Change/Remove**.

Điều khiển nhiều màn hình "MDC" là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính.

## Kết nối với MDC

### Sử dụng MDC qua RS-232C (tiêu chuẩn truyền dữ liệu nối tiếp)

Cáp nối tiếp RS-232C phải được kết nối với các cổng nối tiếp trên máy tính và màn hình.



# Chương 05

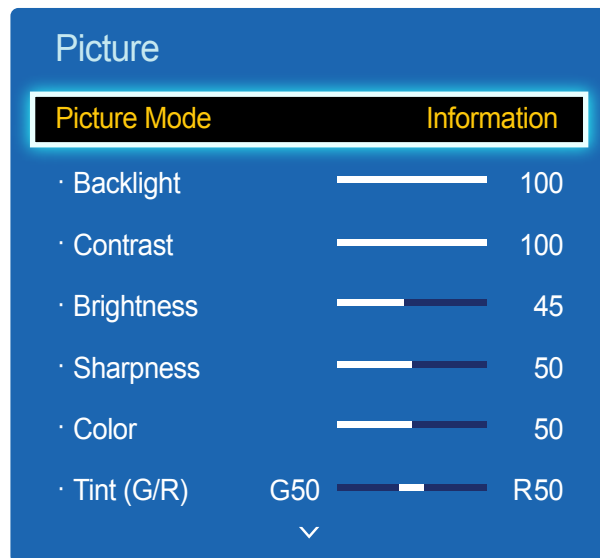
## Điều chỉnh màn hình

Cấu hình cài đặt **Picture** (**Backlight**, **Color Tone**, v.v).

– Bố trí các tùy chọn trong menu **Picture** có thể khác nhau tùy thuộc vào từng sản phẩm.

### Picture Mode

MENU  → **Picture** → **Picture Mode** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Hãy chọn một chế độ hình ảnh (**Picture Mode**) phù hợp với môi trường nơi sản phẩm sẽ được sử dụng.

Các tùy chọn **Picture Mode** khác nhau được hiển thị tùy thuộc vào nguồn tín hiệu đầu vào hiện tại.

### Nếu nguồn tín hiệu đầu vào là PC, DVI, HDMI(PC)

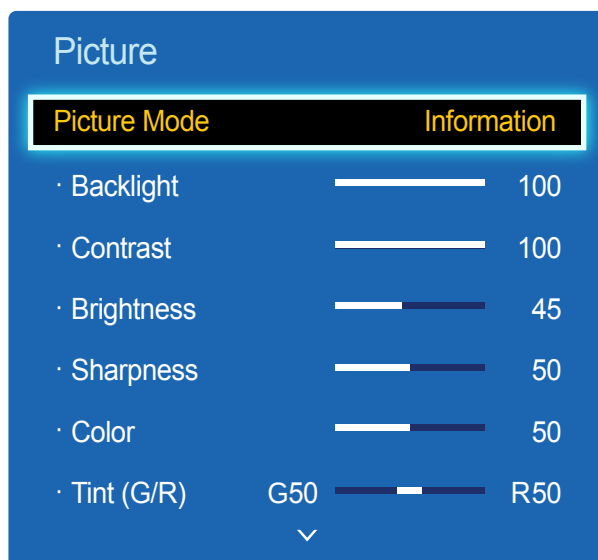
- **Information**: Chế độ này giảm mỗi mắt và phù hợp cho việc hiển thị thông tin tới công chúng.
- **Advertisement**: Chế độ này phù hợp cho việc hiển thị nội dung video và những quảng cáo trong nhà/ngoài trời.

### Nếu nguồn tín hiệu đầu vào là AV, Component, HDMI(AV)

- **Dynamic**: Chế độ này phù hợp khi ánh sáng xung quanh sáng.
- **Standard**: Chế độ này nhìn chung phù hợp với bất kỳ môi trường nào.
- **Natural**: Phù hợp cho việc giảm mỗi mắt.
- **Movie**: Chế độ này giúp giảm mỗi mắt.

## Backlight / Contrast / Brightness / Sharpness / Color / Tint (G/R)

MENU  → Picture → Picture Mode → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

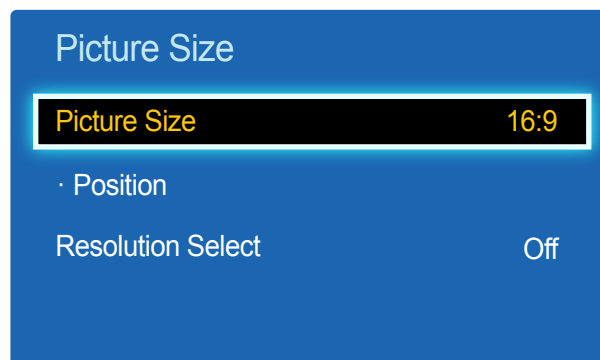
Sản phẩm của bạn có nhiều tùy chọn để điều chỉnh chất lượng hình ảnh.

| Nguồn tín hiệu vào                       | Picture Mode                         | Các tùy chọn có thể điều chỉnh                                     |
|------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| PC, HDMI, DVI (khi PC được kết nối)      | Information / Advertisement          | Backlight / Contrast / Brightness / Sharpness                      |
| AV, Component, HDMI (720p, 1080i, 1080p) | Dynamic / Standard / Natural / Movie | Backlight / Contrast / Brightness / Sharpness / Color / Tint (G/R) |

- Khi bạn thực hiện thay đổi đối với **Backlight**, **Contrast**, **Brightness**, **Sharpness**, **Color** hoặc **Tint (G/R)**, OSD sẽ được điều chỉnh tương ứng.
- Bạn có thể điều chỉnh và lưu cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi mà bạn đã kết nối với đầu vào trên sản phẩm.
- Việc giảm độ sáng hình ảnh giúp giảm mức tiêu thụ điện.

## Picture Size

MENU  → **Picture** → **Picture Size** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Picture Size

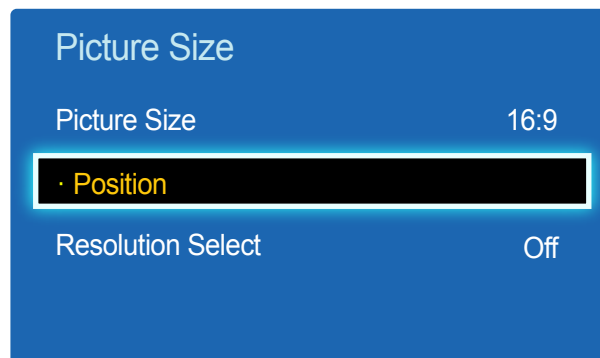
Nếu bạn có hộp cáp hoặc đầu thu vệ tinh, thiết bị này cũng có thể có bộ kích thước màn hình riêng. Tuy nhiên, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng chế độ 16:9 của sản phẩm hầu hết mọi lúc.

- **16:9**: Đặt hình ảnh thành chế độ rộng **16:9**.
- **Zoom1**: Sử dụng cho phóng to vừa phải. Cắt bớt phần trên cùng và các cạnh.
- **Zoom2**: Sử dụng cho phóng to mức độ lớn hơn.
- **Smart View 1**: Giảm hình ảnh **16:9** xuống 50%.
  - **Smart View 1** chỉ được bật ở chế độ **HDMI**.
- **Smart View 2**: Giảm hình ảnh **16:9** xuống 25%.
  - **Smart View 2** chỉ được bật ở chế độ **HDMI**.
- **Wide Fit**: Mở rộng tỷ lệ khung hình của hình ảnh để vừa toàn bộ màn hình.
- **4:3**: Đặt hình ảnh thành chế độ **(4:3)** cơ bản.
  - Không đặt sản phẩm về định dạng **4:3** lâu.
  - Các đường viền hiển thị ở bên trái và bên phải hoặc trên và dưới màn hình có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh (cháy màn hình). Hiện tượng này không được bao gồm trong bảo hành.
- **Screen Fit**: Hiển thị hình ảnh đầy đủ mà không bị cắt bớt khi tín hiệu **HDMI** (720p / 1080i / 1080p) hoặc **Component** (1080i / 1080p) được đưa vào.
- **Custom**: Thay đổi độ phân giải cho phù hợp với tùy chọn của người dùng.
- **Original Ratio**: Nếu nguồn vào là **PC**, **DVI**, **HDMI** (Kết nối PC) thì video sẽ hiển thị theo tỷ lệ gốc.
  - Các cổng sẵn có có thể khác nhau tùy theo mẫu.
  - Bạn có thể điều chỉnh và lưu cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi mà bạn đã kết nối với đầu vào trên sản phẩm.

### Kích thước hình ảnh sẵn có của Nguồn vào.

| Nguồn vào                                  | Picture Size                                                                     |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| AV, <b>Component</b> (480i, 480p)          | <b>16:9 / 4:3 / Zoom1 / Zoom2 / Custom</b>                                       |
| <b>Component</b> (1080i, 1080p)            | <b>16:9 / 4:3 / Wide Fit / Screen Fit / Custom</b>                               |
| <b>HDMI</b> (720p, 1080i, 1080p)           | <b>16:9 / 4:3 / Smart View 1 / Smart View 2 / Custom / Wide Fit / Screen Fit</b> |
| <b>HDMI</b> (480i, 480p)                   | <b>16:9 / 4:3 / Zoom1 / Zoom2 / Smart View 1 / Smart View 2 / Custom</b>         |
| <b>PC, DVI, HDMI</b> (khi PC được kết nối) | <b>16:9 / 4:3 / Original Ratio</b>                                               |

## Position



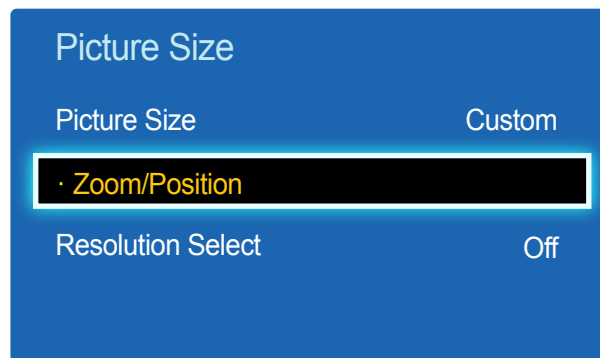
– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Điều chỉnh vị trí hình ảnh. **Position** chỉ khả dụng nếu **Picture Size** được đặt thành **Zoom1**, **Zoom2**, **Wide Fit**, **Screen Fit**.

— Để sử dụng chức năng **Position** sau khi chọn **Zoom1**, **Zoom2**, **Wide Fit**, **Screen Fit** hoặc **Original Ratio**, hãy làm theo các bước sau.

- 1 Nhấn nút ▼ để chọn **Position**. Nhấn nút .
- 2 Nhấn nút ▲ hoặc nút ▼ để di chuyển hình ảnh lên hoặc xuống.
- 3 Nhấn nút .

## Zoom/Position



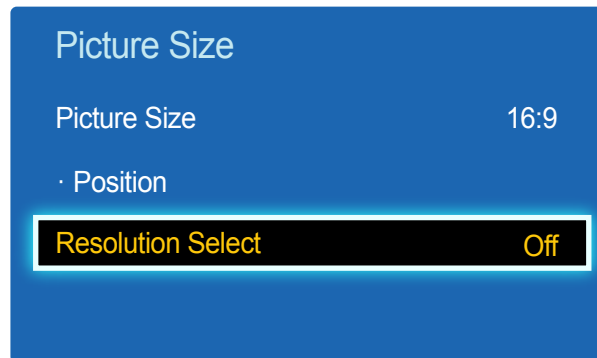
– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

— Để sử dụng chức năng **Zoom/Position** sau khi chọn **Custom** ở **HDMI** (1080i/1080p) hoặc **Component** (1080i/1080p) hoặc **Custom**, hãy làm theo các bước sau.

- 1 Nhấn nút ▼ để chọn **Zoom/Position**. Nhấn nút .
- 2 Chọn **Zoom** hoặc **Position**. Nhấn nút .
- 3 Nhấn nút ▲ / ▼ / ◀ / ▶ để di chuyển hình ảnh lên hoặc xuống.
- 4 Nhấn nút .

— Nếu bạn muốn đặt lại hình ảnh về vị trí ban đầu, chọn **Reset** trong màn hình **Zoom/Position**. Hình ảnh sẽ được đặt về vị trí mặc định.

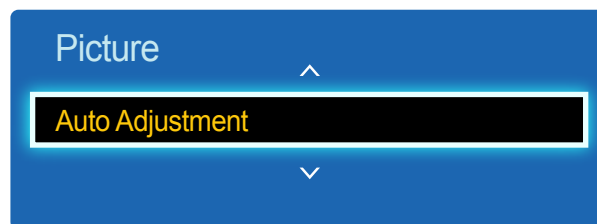
## Resolution Select



- Chỉ có sẵn ở chế độ **PC**.
- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Auto Adjustment

MENU  → **Picture** → **Auto Adjustment** → ENTER 



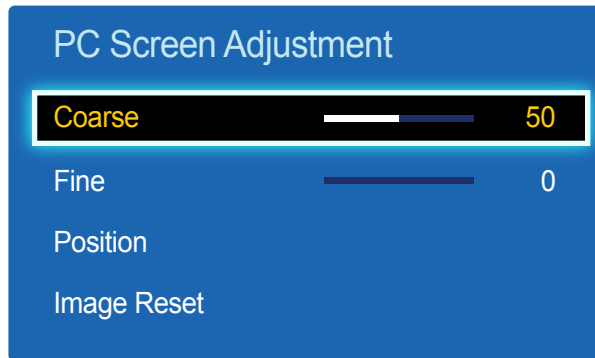
- Chỉ có sẵn ở chế độ **PC**.
- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Nếu ngay cả khi độ phân giải của card hình thuộc một trong các trường hợp sau đây mà hình ảnh vẫn không bình thường, thì bạn có thể tối ưu hóa chất lượng hình ảnh bằng cách lựa chọn cùng một độ phân giải cho cả sản phẩm như PC thông qua trình đơn dưới đây.

Độ phân giải sẵn có: **Off** / **1024x768** / **1280x768** / **1360x768** / **1366x768**

Điều chỉnh giá trị tần số/vị trí và tinh chỉnh cài đặt tự động.

## PC Screen Adjustment



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

- **Coarse / Fine**

Loại bỏ hoặc giảm nhiễu hình ảnh.

Nếu không loại bỏ được hiện tượng nhiễu chỉ bằng chức năng Tinh chỉnh, hãy sử dụng chức năng **Coarse** để điều chỉnh tần số ở mức tốt nhất có thể (**Coarse**) và Tinh chỉnh lần nữa. Sau khi hiện tượng nhiễu đã giảm đi, điều chỉnh lại hình ảnh để hình ảnh thẳng hàng với tâm màn hình.

- **Position**

Để điều chỉnh vị trí màn hình của PC nếu màn hình không ở tâm hoặc không vừa màn hình sản phẩm.

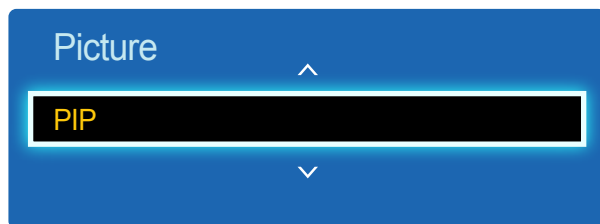
Nhấn nút ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh Vị trí dọc. Nhấn nút ◀ hoặc ▶ để điều chỉnh Vị trí ngang.

- **Image Reset**

Đặt lại hình ảnh về cài đặt mặc định.

# PIP

MENU  → **System** → **PIP** → ENTER 



- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.
- Để **PIP** âm thanh, tham khảo hướng dẫn **Sound Select**.
- Nếu bạn tắt sản phẩm trong khi đang xem ở chế độ **PIP**, chức năng PIP được đặt lại thành tắt. Khi bạn bật sản phẩm, bạn phải bật lại PIP để xem ở chế độ **PIP**.
- Bạn có thể thấy rằng hình ảnh trong màn hình PIP sẽ trở nên hơi kém tự nhiên khi bạn sử dụng màn hình chính để xem trò chơi hoặc karaoke.

## Cài đặt PIP

Hình ảnh từ nguồn video bên ngoài sẽ có trong màn hình chính và hình ảnh từ sản phẩm sẽ có trong màn hình hình ảnh phụ của PIP.

### Hình ảnh chính

### Hình ảnh phụ

**AV**

**PC, DVI, HDMI**

**Component**

**DVI, HDMI**

**PC**

**AV, DVI, HDMI**

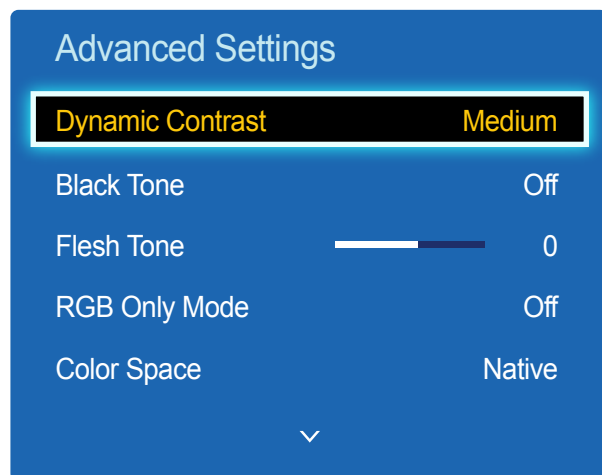
**DVI, HDMI**

**AV, PC, Component**

- **PIP (Off / On)**: Kích hoạt hoặc tắt kích hoạt chức năng PIP.
- **Source**: Bạn có thể chọn nguồn của ảnh phụ.
- **Size** (, , , , , ): Chọn kích thước cho hình ảnh phụ.
- **Position** (, , , ): Chọn vị trí cho hình ảnh phụ.
  - Ở chế độ (, , ) , bạn không thể chọn **Position**.
- **Sound Select (Main / Sub)**: Bạn có thể chọn nghe âm thanh từ hình ảnh **Main** hoặc hình ảnh **Sub**.

## Advanced Settings

MENU  → **Picture** → **Advanced Settings** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

### Nguồn vào

### Picture Mode

### Advanced Settings

|                                            |                          |                                                                                                                          |
|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>PC, DVI, HDMI</b> (khi PC được kết nối) | <b>Information</b>       | <b>White Balance / Gamma</b>                                                                                             |
|                                            | <b>Advertisement</b>     | <b>White Balance / Gamma</b>                                                                                             |
| <b>AV, Component, HDMI</b>                 | <b>Natural / Dynamic</b> | Không có                                                                                                                 |
| <b>AV, Component, HDMI</b>                 | <b>Standard</b>          | <b>Dynamic Contrast / Black Tone / Flesh Tone / RGB Only Mode / Color Space / White Balance / Gamma, Motion Lighting</b> |
|                                            | <b>Movie</b>             | <b>Dynamic Contrast / Black Tone / Flesh Tone / RGB Only Mode / Color Space / White Balance / Gamma</b>                  |

## Dynamic Contrast

Điều chỉnh độ tương phản màn hình.

- **Off / Low / Medium / High**

## Black Tone

Chọn mức độ đen để điều chỉnh độ sâu màn hình.

- **Off / Dark / Darker / Darkest**

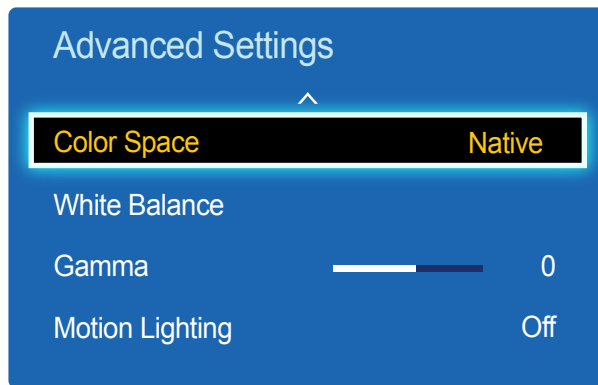
## Flesh Tone

Nhấn mạnh màu hồng **Flesh Tone**.

## RGB Only Mode

Hiển thị **Red**, **Green** và **Blue** để điều chỉnh hợp lý màu sắc và độ bão hòa.

- **Off / Red / Green / Blue**



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Color Space

Điều chỉnh phạm vi và hệ màu (không gian màu) sẵn có để tạo hình ảnh.

- **Auto / Native**

## White Balance

Điều chỉnh nhiệt độ màu để có hình ảnh tự nhiên hơn.

- **R-Offset / G-Offset / B-Offset**: Điều chỉnh độ tối của từng màu (đỏ, xanh lá cây, xanh dương).
- **R-Gain / G-Gain / B-Gain**: Điều chỉnh độ sáng của từng màu (đỏ, xanh lá cây, xanh dương).
- **Reset**: Đặt lại **White Balance** về cài đặt mặc định.

## Gamma

Điều chỉnh độ đậm của màu chính.

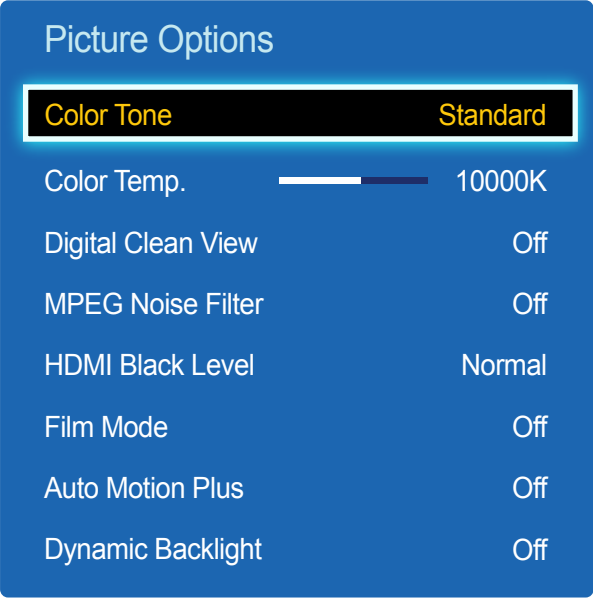
## Motion Lighting

Giảm mức tiêu thụ điện bằng cách giảm độ sáng màn hình khi hình ảnh trên màn hình đang chuyển động.

- **Off / On**

# Picture Options

MENU  → Picture → Picture Options → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng ▲ và ▼ các phím mũi tên và nhấn .  
Sử dụng phím mũi tên để thay đổi cài đặt, sau đó nhấn .

| Nguồn tín hiệu vào                 | Picture Mode                         | Picture Options                                                                                   |
|------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Information                          | Color Tone / Color Temp. / Dynamic Backlight                                                      |
| PC                                 | Advertisement                        | Color Tone / Color Temp. / Dynamic Backlight                                                      |
|                                    | Information                          | Color Tone / Color Temp. / HDMI Black Level / Dynamic Backlight                                   |
| DVI, HDMI(khi một PC được kết nối) | Advertisement                        | Color Tone / Color Temp. / HDMI Black Level / Dynamic Backlight                                   |
|                                    | Dynamic / Standard / Natural / Movie | Color Tone / Color Temp. / Digital Clean View / MPEG Noise Filter / Film Mode / Dynamic Backlight |
| AV, Component, HDMI                |                                      |                                                                                                   |

## Picture Options

**Color Tone** Standard

Color Temp. 10000K

Digital Clean View Off

MPEG Noise Filter Off

HDMI Black Level Normal

Film Mode Off

Auto Motion Plus Off

Dynamic Backlight Off

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Color Tone

Nếu nguồn tín hiệu đầu vào là **PC**, **DVI**, **HDMI** (Kết nối PC).

- **Off** / **Cool** / **Standard** / **Warm**

Nếu nguồn tín hiệu đầu vào là **AV**, **Component**, **HDMI**.

- **Off** / **Cool** / **Standard** / **Warm1** / **Warm2**

— **Warm1** hoặc **Warm2** sẽ bị tắt khi **Picture Mode** đang **Dynamic**.

— Có thể điều chỉnh và lưu trữ cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi được kết nối với đầu vào trên sản phẩm.

## Color Temp.

Điều chỉnh nhiệt độ màu (**Red/Green/Blue**). (Phạm vi: 3000K–15000K)

— Tùy chọn này khả dụng khi **Color Tone** được đặt thành **Off**.

## Digital Clean View

Nếu sản phẩm nhận được tín hiệu phát yếu, bạn có thể bật tính năng **Digital Clean View** để giảm bất kỳ hiện tượng nhiễu hoặc ảnh bóng nào xuất hiện trên màn hình.

- **Off** / **Low** / **Medium** / **High** / **Auto**

— Khi tín hiệu yếu, hãy thử tắt cả các tùy chọn cho tới khi sản phẩm hiển thị hình ảnh tốt nhất.

## MPEG Noise Filter

Giảm nhiễu MPEG để cung cấp chất lượng hình ảnh tốt hơn.

- **Off** / **Low** / **Medium** / **High** / **Auto**

## HDMI Black Level

Chọn mức màu đen trên màn ảnh để điều chỉnh độ sâu của màn ảnh.

- **Normal** / **Low**

— Chỉ khả dụng ở chế độ **HDMI** (Định thời AV : 480p, 576p, 720p, 1080i, 1080p).

## Picture Options

**Film Mode** Off

Auto Motion Plus Off

Dynamic Backlight Off

– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Film Mode

Chế độ này phù hợp để xem phim.

Đặt sản phẩm về chế độ tự động và xử lý tín hiệu phim từ tất cả các nguồn và điều chỉnh hình ảnh để có chất lượng tối ưu.

- **Off / Auto1 / Auto2**

— Khả dụng ở **HDMI**(1080i).

## Auto Motion Plus (chỉ đối với các mẫu ED75D)

Loại bỏ hiện tượng mờ và rung khỏi các cảnh bằng số lượng lớn hơn chuyển động nhanh để cung cấp hình ảnh rõ nét hơn.

Tên menu có thể thay đổi tùy theo quốc gia.

**Off** : Tắt **Auto Motion Plus**.

**Clear** : Đặt **Auto Motion Plus** ở chế độ **Clear** (thích hợp cho xem hình ảnh động một cách rõ nét).

**Standard** : Đặt **Auto Motion Plus** ở chế độ **Standard**.

**Smooth** : Đặt **Auto Motion Plus** ở chế độ **Smooth** (thích hợp cho xem hình ảnh động một cách tự nhiên).

**Custom** : Sử dụng để giảm hiện tượng lưu ảnh và rung bao nhiêu tùy thích.

- **Blur Reduction** : Sử dụng để giảm hiện tượng lưu ảnh bao nhiêu tùy thích.
  - Tính năng này chỉ được hỗ trợ nếu **Auto Motion Plus** được đặt ở chế độ **Custom**.
- **Judder Reduction** : Sử dụng để giảm hiện tượng rung bao nhiêu tùy thích.
  - Tính năng này chỉ được hỗ trợ nếu **Auto Motion Plus** được đặt ở chế độ **Custom**.
- **LED Clear Motion** : Làm cho hình ảnh chuyển động trông rõ hơn.
  - Tính năng này chỉ được hỗ trợ nếu **Auto Motion Plus** được đặt ở chế độ **Custom**.
- **Reset**: Khôi phục cài đặt **Auto Motion Plus** về giá trị mặc định.
  - Màu trên màn hình có thể thay đổi không mong muốn với tùy chọn này.
  - Tắt khi **PIP** được đặt ở chế độ **On**.

— Chức năng này có thể khác nhau tùy theo mẫu.

## Dynamic Backlight

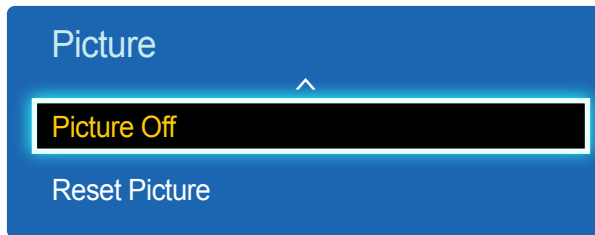
Tự động điều chỉnh đèn nền để mang lại độ tương phản màn hình tốt nhất có thể trong các điều kiện hiển thị.

- **Off / On**

— **Dynamic Backlight** không khả dụng khi nguồn vào được đặt thành **PC** trong khi **Video Wall** đang **On**.

## Picture Off

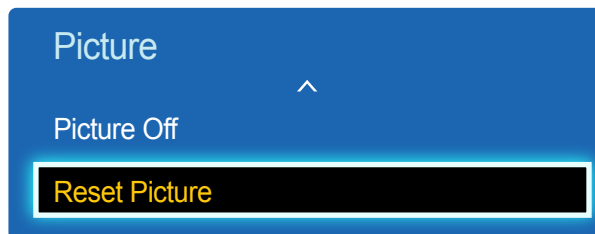
Màn hình sản phẩm bị tắt nhưng âm thanh sẽ tiếp tục. Nhấn phím bất kỳ trên điều khiển từ xa để bật lại màn hình.



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Reset Picture

Đặt lại chế độ hình ảnh hiện tại của bạn về cài đặt mặc định.



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

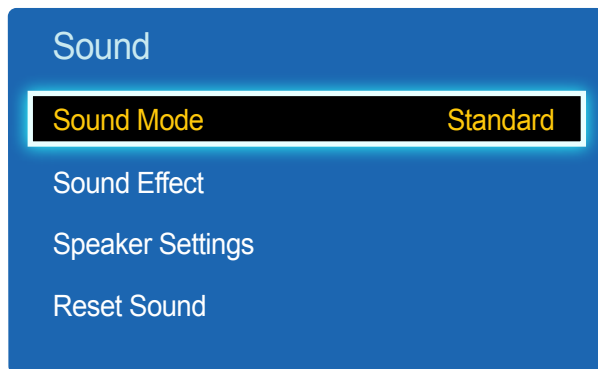
# Chương 06

## Điều chỉnh âm thanh

Đặt cấu hình cài đặt âm thanh (**Sound**) cho sản phẩm.

### Sound Mode

MENU  → **Sound** → **Sound Mode** → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

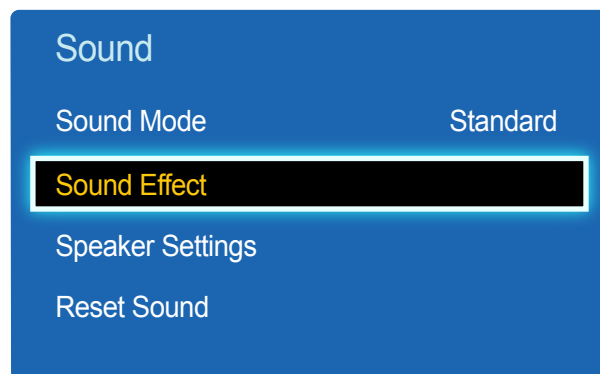
Bạn có thể chọn chế độ âm thanh để phù hợp với sở thích cá nhân của bạn.

- **Standard**: Chọn chế độ âm thanh thông thường.
- **Music**: Làm nổi bật âm nhạc hơn giọng nói.
- **Movie**: Mang lại âm thanh tốt nhất cho phim.
- **Clear Voice**: Làm nổi bật giọng nói hơn các âm thanh khác.
- **Amplify**: Tăng cường độ âm thanh có tần số cao để mang lại trải nghiệm nghe tốt hơn cho người khiếm thính.

— Nếu **Speaker Select** được đặt thành **External**, **Sound Mode** sẽ bị tắt.

## Sound Effect

MENU  → **Sound** → **Sound Effect** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Đặt cấu hình hiệu ứng âm thanh ưa thích của bạn cho âm thanh phát ra.

– Nếu **Speaker Select** được đặt thành **External**, **Sound Effect** sẽ bị tắt.

– Chỉ khả dụng khi **Sound Mode** được đặt thành **Standard**.

- **DTS TruSurround (Off / On)**

Chức năng này mang lại trải nghiệm âm thanh vòm kênh 5.1 ảo nhờ cặp loa sử dụng công nghệ HRTF (Chức năng truyền liên quan đến đầu).

- **DTS TruDialog (Off / On)**

Chức năng này cho phép bạn tăng cường độ giọng nói so với nhạc nền và hiệu ứng âm thanh để có thể nghe rõ lời thoại hơn.

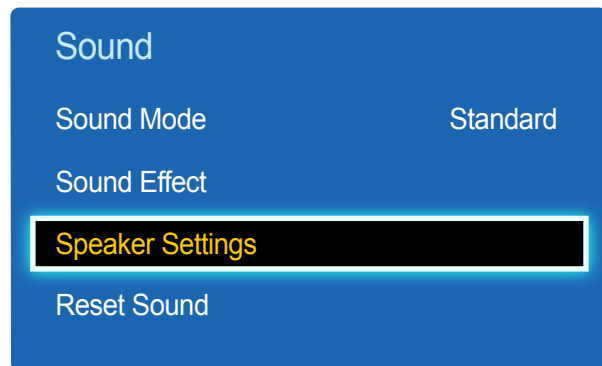
- **Equalizer**

Sử dụng **Equalizer** để tùy chỉnh cài đặt âm thanh cho mỗi loa.

- **Balance(L/R)**: Điều chỉnh độ cân bằng giữa loa trái và loa phải.
- **100Hz / 300Hz / 1kHz / 3kHz / 10kHz** (Điều chỉnh băng thông): Điều chỉnh mức tần số băng thông cụ thể.
- **Reset**: Đặt lại bộ điều chỉnh về cài đặt mặc định.

## Speaker Settings

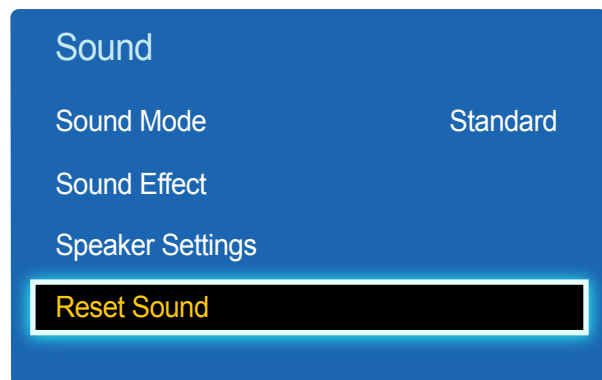
MENU  → Sound → Speaker Settings → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Reset Sound

MENU  → Sound → Reset Sound → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

- **Speaker Select (External / Internal / Receiver)**

Nếu bạn đang nghe bản nhạc của chương trình truyền hình hoặc của phim qua đầu thu bên ngoài, bạn có thể nghe thấy tiếng vọng âm thanh do sự chênh lệch về tốc độ giải mã giữa loa sản phẩm và loa được lắp với đầu thu âm thanh của bạn. Nếu vấn đề này xảy ra, đặt sản phẩm về **External**.

— Khi bạn đặt **Speaker Select** thành **External**, loa sản phẩm tắt.

Bạn sẽ chỉ nghe thấy âm thanh qua loa ngoài. Khi **Speaker Select** được đặt thành **Internal**, cả hai loa sản phẩm và loa ngoài bật. Bạn sẽ nghe thấy âm thanh qua cả hai loa.

— Nếu không có tín hiệu video, cả loa sản phẩm và loa ngoài sẽ không có tiếng.

Đặt lại tất cả cài đặt âm thanh về mặc định ban đầu.

# Chương 07

## Applications

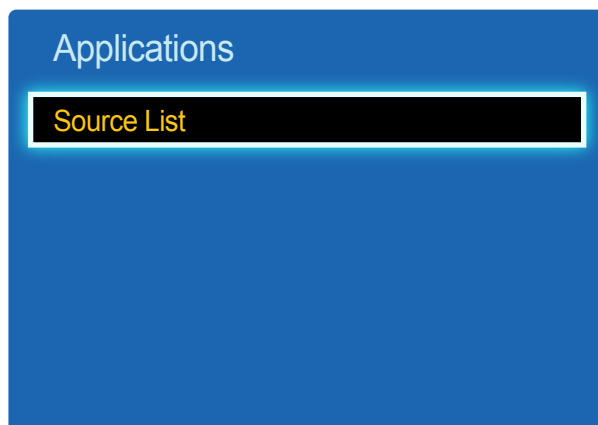
### Source List

**Source** cho phép bạn chọn nhiều nguồn khác nhau và thay đổi tên thiết bị nguồn.

Bạn có thể hiển thị màn hình thiết bị nguồn được kết nối với sản phẩm. Chọn một nguồn từ Source List (Danh sách nguồn) để hiển thị màn hình của nguồn được chọn.

- Bạn cũng có thể thay đổi nguồn vào bằng cách sử dụng nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa.
- Có thể màn hình sẽ hiển thị không đúng nếu chọn một nguồn không đúng cho thiết bị nguồn bạn muốn chuyển sang.

MENU  → **Applications** → **Source List** → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

### Refresh

MENU  → **Applications** → **Source List** → **TOOLS** → **Refresh** → ENTER 

Nếu bạn không thể tìm thấy thiết bị bạn muốn, hãy chọn **Refresh** để làm mới danh sách.

### Edit Name

MENU  → **Applications** → **Source List** → **TOOLS** → **Edit Name** → ENTER 

Đôi khi màn hình sẽ không hiển thị đúng trừ khi tên một thiết bị nguồn được xác định trong **Edit Name**.

Hơn nữa, tốt nhất là đặt lại tên thiết bị nguồn trong **Edit Name** để thu được chất lượng hình ảnh tối ưu.

- Danh sách có thể bao gồm các thiết bị nguồn sau. Thiết bị **Source** trên danh sách khác nhau tùy thuộc vào nguồn được chọn.

**VCR / DVD / Cable STB / Satellite STB / PVR STB / AV Receiver / Game / Camcorder / PC / DVI PC / DVI Devices / TV / IPTV / Blu-ray / HD DVD / DMA**

- Cài đặt sẵn có trong menu **Picture** tùy thuộc vào nguồn hiện tại và các cài đặt được thực hiện trong **Edit Name**.

- Khi kết nối PC với cổng **HDMI IN** bằng cáp HDMI, bạn nên đặt sản phẩm sang chế độ **PC** trong **Edit Name**.
- Khi kết nối PC với cổng **HDMI IN** bằng cáp HDMI đến DVI, bạn nên đặt sản phẩm sang chế độ **DVI PC** trong **Edit Name**.
- Khi kết nối thiết bị AV với cổng **HDMI IN** bằng cáp HDMI đến DVI, bạn nên đặt sản phẩm sang chế độ **DVI Devices** trong **Edit Name**.

### Information

MENU  → **Applications** → **Source List** → **TOOLS** → **Information** → ENTER 

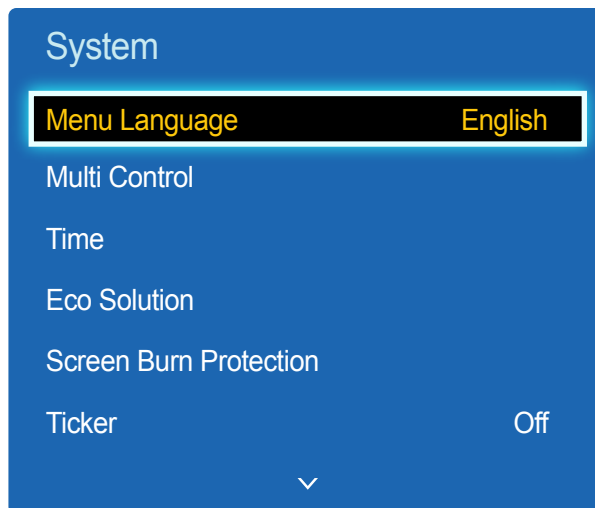
Bạn có thể xem thông tin chi tiết về thiết bị ngoại vi đã chọn.

# Chương 08

## System

### Menu Language

MENU  → **System** → **Menu Language** → ENTER 



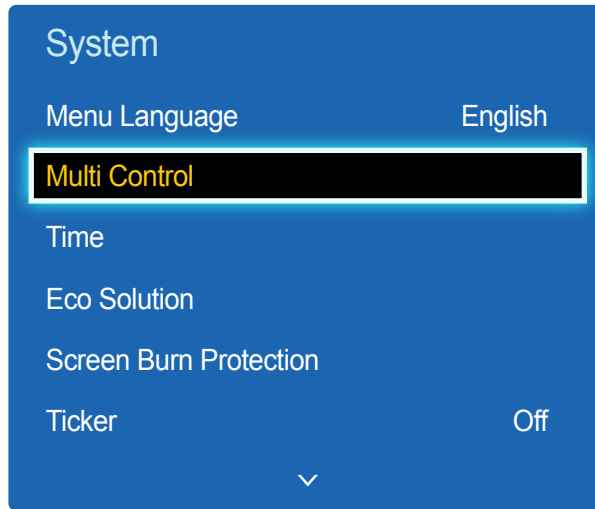
Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.

— Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình. Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Multi Control

MENU  → **System** → **Multi Control** → ENTER 



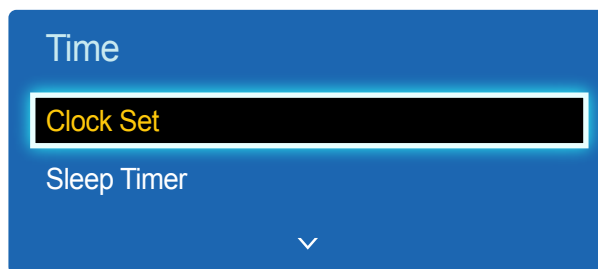
– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Đặt cấu hình thiết đặt cho Multi Control

- **ID Setup**  
Gán một ID cho máy. (Phạm vi: 0~99)  
Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn một số và nhấn .
- **ID Input**  
Nhập số ID của sản phẩm kết nối với cáp tín hiệu đầu vào để nhận tín hiệu đầu vào.  
Nhập số bạn muốn bằng cách sử dụng các phím số trên điều khiển từ xa.

# Time

MENU  → **System** → **Time** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Bạn có thể đặt cấu hình **Clock Set** hoặc **Sleep Timer**. Bạn có thể cài đặt sản phẩm tự động bật hoặc tắt vào một thời điểm nhất định sử dụng chức năng **Timer**.

## Clock Set

Đặt đồng hồ để sử dụng nhiều tính năng hẹn giờ khác nhau của sản phẩm.

- **Clock Set**

Đặt **Date** và **Time**.

Chọn **Clock Set**. Chọn **Date** hoặc **Time**, rồi nhấn .

Sử dụng các nút số để nhập số hoặc nhấn nút mũi tên lên và xuống. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để di chuyển từ một trường nhập sang trường nhập tiếp theo. Nhấn  khi hoàn tất.

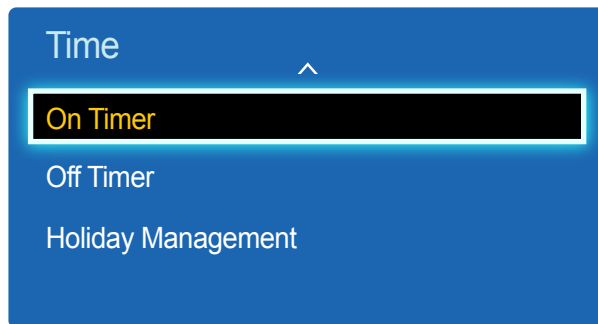
— Bạn có thể cài đặt trực tiếp **Date** và **Time** bằng cách nhấn các nút số trên điều khiển từ xa.

## Sleep Timer

Tự động tắt sản phẩm sau một khoảng thời gian được đặt trước.

(**Off** / **30 min.** / **60 min.** / **90 min.** / **120 min.** / **150 min.** / **180 min.**)

— Sử dụng các mũi tên lên và xuống để chọn khoảng thời gian, sau đó nhấn . Để hủy **Sleep Timer**, chọn **Off**.



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## On Timer

Cài đặt **On Timer** để sản phẩm của bạn tự động bật vào giờ và ngày mà bạn chọn.

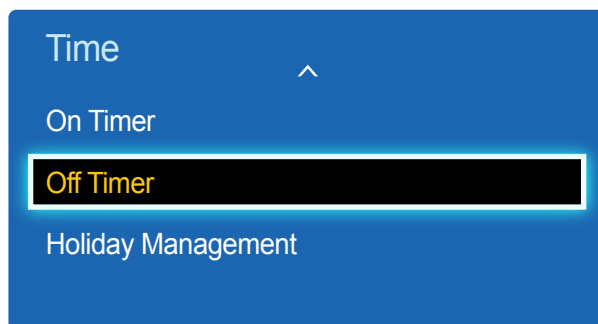
Nguồn tắt với âm lượng hoặc nguồn vào đã xác định.

**On Timer:** Cài đặt hẹn giờ bật bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. Đảm bảo bạn cài đặt thời gian hiện tại trước tiên.

(**On Timer1 ~ On Timer7**)

— Bạn phải cài đặt đồng hồ trước khi có thể sử dụng **On Timer**.

- **Setup:** Chọn **Off**, **Once**, **Everyday**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun** hoặc **Manual**. Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **On Timer** bật sản phẩm.
  - Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time:** Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.
- **Volume:** Đặt mức âm lượng mong muốn. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi mức âm lượng.
- **Source:** Chọn nguồn vào như bạn muốn.



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Off Timer

Cài đặt hẹn giờ tắt (**Off Timer**) bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. (**Off Timer1 ~ Off Timer7**)

— Bạn phải cài đặt đồng hồ trước khi có thể sử dụng **Off Timer**.

- **Setup**: Chọn **Off**, **Once**, **Everyday**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun** hoặc **Manual**. Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **Off Timer** tắt sản phẩm.
  - Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time**: Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.

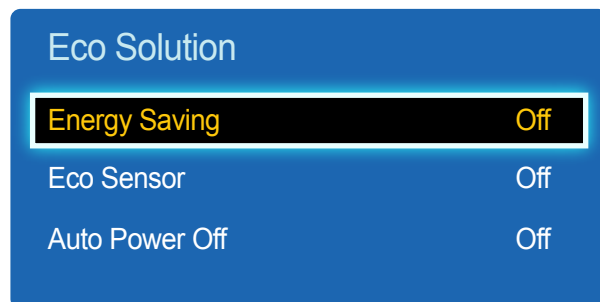
## Holiday Management

**Timer** sẽ bị tắt kích hoạt trong suốt khoảng thời gian được xác định là ngày nghỉ.

- **Add**: Xác định khoảng thời gian bạn muốn thêm như là ngày nghỉ.  
Chọn ngày bắt đầu và kết thúc của ngày nghỉ mà bạn muốn thêm bằng các nút ▲/▼ và nhấp vào nút **Save**.  
Khoảng thời gian này sẽ được thêm vào danh sách các ngày nghỉ.
  - **Start**: Đặt ngày bắt đầu của ngày nghỉ.
  - **End**: Đặt ngày kết thúc của ngày nghỉ.
  - **Delete**: Xóa toàn bộ các mục khỏi danh sách các ngày nghỉ.  
Chọn **Delete**. Thông báo "**Delete all holidays?**" sẽ xuất hiện.  
Chọn **Yes**. Toàn bộ ngày nghỉ sẽ bị xóa.
- **Apply**: Đặt **On Timer** và **Off Timer** không kích hoạt vào ngày nghỉ công.
  - Nhấn  để chọn các cài đặt **On Timer** và **Off Timer** bạn không muốn kích hoạt.
  - **On Timer** và **Off Timer** sẽ không kích hoạt.

## Eco Solution

MENU  → **System** → **Eco Solution** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Energy Saving

Giảm tiêu thụ điện bằng cách điều chỉnh độ sáng màn hình.

- **Off / Low / Medium / High**

## Eco Sensor

Để tăng khả năng tiết kiệm điện, cài đặt hình ảnh sẽ tự động thích nghi với ánh sáng trong phòng.

- **Off / On**

— Điều chỉnh cài đặt **Backlight** trong **Picture** trong khi **Eco Sensor** đang bật sẽ tắt **Off**.

- **Min. Backlight:** Khi **Eco Sensor** đang **On**, Bạn có thể điều chỉnh thủ công độ sáng màn hình tối thiểu.
  - Nếu **Eco Sensor** đang **On**, độ sáng màn hình có thể thay đổi (trở nên hơi tối hơn hoặc hơi sáng hơn) tùy thuộc vào cường độ ánh sáng xung quanh. Bạn có thể điều khiển độ sáng tối thiểu của màn hình bằng chức năng **Min. Backlight**.

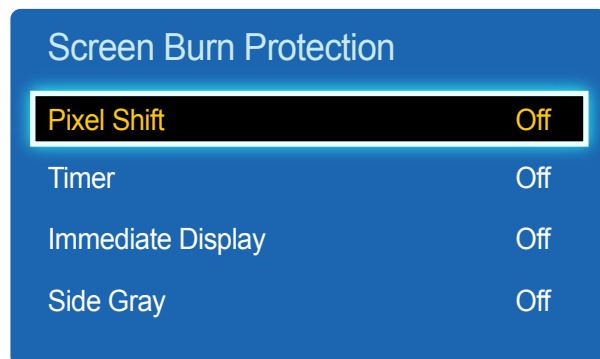
## Auto Power Off

Sản phẩm sẽ tự động tắt nếu bạn không nhấn nút trên điều khiển từ xa hoặc không chạm vào nút trên bộ điều khiển trước của sản phẩm trong vòng 4 giờ để ngăn hiện tượng quá nóng.

- **Off / On**

# Screen Burn Protection

MENU  → System → Screen Burn Protection → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Để giảm khả năng điểm ảnh chết trên màn hình, thiết bị này có trang bị công nghệ ngăn điểm ảnh chết trên màn hình **Pixel Shift**.

**Pixel Shift** di chuyển hình ảnh trên màn hình một chút.

Cài đặt **Pixel Shift Time** cho phép bạn lập trình thời gian giữa các lần di chuyển của hình ảnh theo phút.

## Pixel Shift

Giảm thiểu hiện tượng giữ lại hình ảnh bằng cách di chuyển điểm ảnh theo chiều ngang hoặc chiều dọc.

- **Horizontal**: Đặt số lượng điểm ảnh mà màn hình sẽ di chuyển theo chiều ngang.
- **Vertical**: Đặt số lượng điểm ảnh mà màn hình sẽ di chuyển theo chiều dọc.
- **Time**: Đặt khoảng thời gian để thực hiện di chuyển theo chiều ngang hoặc chiều dọc, tương ứng.

### Cài đặt Pixel Shift và Cài đặt tối ưu khả dụng.

|                              | Cài đặt sẵn có       | Cài đặt tối ưu |
|------------------------------|----------------------|----------------|
| <b>Horizontal</b> (điểm ảnh) | <b>0~4</b>           | <b>4</b>       |
| <b>Vertical</b> (điểm ảnh)   | <b>0~4</b>           | <b>4</b>       |
| <b>Time</b> (phút)           | <b>1 min.~4 min.</b> | <b>4 min.</b>  |

— Giá trị **Pixel Shift** có thể khác nhau tùy thuộc vào kích thước sản phẩm (inch) và chế độ.

— Hiển thị hình ảnh tĩnh hoặc đầu ra **4:3** trong một khoảng thời gian dài có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh. Đây không phải là hỏng hóc của sản phẩm.

— Chức năng này không có trong chế độ **Screen Fit**.

## Screen Burn Protection

|                   |     |
|-------------------|-----|
| Pixel Shift       | Off |
| Timer             | Off |
| Immediate Display | Off |
| Side Gray         | Off |

– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Timer

Bạn có thể đặt hẹn giờ cho **Screen Burn Protection**.

Tính năng **Pixel Shift** tự động dừng sau một khoảng thời gian cụ thể.

- **Off**
- **Repeat**: Hiển thị kiểu ngăn hiện tượng giữ lại hình ảnh được đặt trong **Mode** trong khoảng thời gian nhất định (**Period**).
  - Có thể đặt cấu hình **Period** và **Time** khi đã chọn **Repeat**.
- **Interval**: Hiển thị kiểu ngăn hiện tượng giữ lại hình ảnh được đặt trong **Mode** trong khoảng thời gian nhất định (từ **Start Time** đến **End Time**).
  - Tùy chọn được bật chỉ khi **Clock Set** được cấu hình.
- **Mode**: Chọn kiểu bảo vệ màn hình sẽ hiển thị.
  - **Pixel**: Các điểm ảnh trên màn hình xen kẽ màu đen một cách liên tục.
  - **Rolling Bar**: Thanh dọc di chuyển từ trái sang phải.
  - **Fading Screen**: Toàn bộ màn hình trở nên sáng hơn, sau đó lại tối hơn.
  - Kiểu **Rolling Bar** và **Fading Screen** chỉ xuất hiện một lần bất kể khoảng thời gian lặp lại cụ thể.
- **Period**: Xác định khoảng thời gian chờ để kích hoạt chức năng **Screen Burn Protection**.
  - **Hour 1 ~ Hour 10**
  - Tùy chọn được bật khi **Repeat** được chọn cho **Timer**.
- **Time**: Xác định khoảng thời gian bật chức năng **Screen Burn Protection**.
  - **sec 10 ~ sec 50**
  - Tùy chọn được bật khi **Pixel** được chọn cho **Mode**.
- **Start Time**: Đặt thời gian bắt đầu để kích hoạt chức năng bảo vệ màn hình.
  - Tùy chọn được bật khi **Interval** được chọn cho **Timer**.
- **End Time**: Đặt thời gian kết thúc để tắt kích hoạt chức năng bảo vệ màn hình.
  - Tùy chọn được bật khi **Interval** được chọn cho **Timer**.

## Screen Burn Protection

Pixel Shift Off

Timer Off

**Immediate Display** Off

Side Gray Off

## Immediate Display

Chọn chế độ bảo vệ màn hình bạn muốn hiển thị ngay lập tức.

- Off / Pixel / Rolling Bar / Fading Screen

## Side Gray

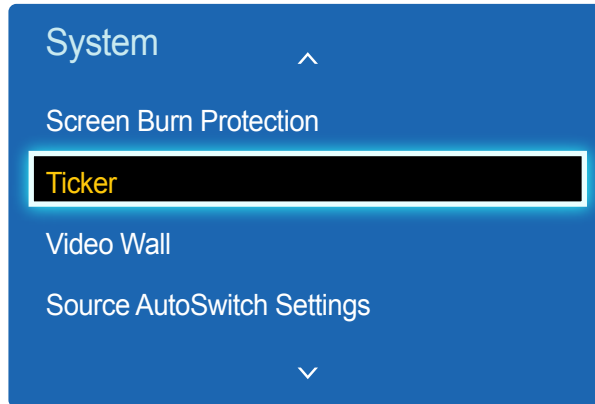
Khi màn hình được đặt sang tỷ lệ khung hình **4:3**, điều chỉnh độ sáng của các cạnh màu trắng ở các bên để bảo vệ màn hình.

- Off / Light / Dark

– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

# Ticker

MENU  → System → Ticker → ENTER 



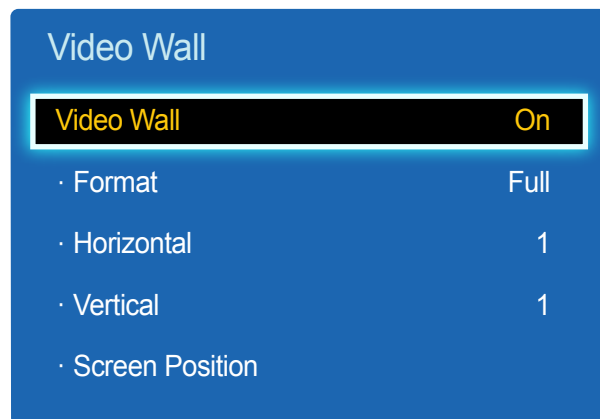
- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.
- Chức năng **Ticker** chỉ khả dụng khi **Menu Language** được đặt thành **English**.

Nhập văn bản trong khi video hoặc hình ảnh được hiển thị và hiển thị văn bản trên màn hình.

- **Off / On**
  - **Message**, **Time**, **Position**, **Motion**, và **Font Style** được kích hoạt khi **Ticker** được đặt thành **On**.
- **Message**: Nhập thông báo để hiển thị trên màn hình.
- **Time**: Đặt **Start Time** và **End Time** để hiển thị **Message**.
- **Position**: Chọn định hướng để hiển thị **Message** từ **Horizontal** và **Vertical**.
  - **Horizontal** (**Left** / **Center** / **Right**)
  - **Vertical** (**Up** / **Middle** / **Down**)
- **Motion**: Xác định **Direction** và **Speed** để hiển thị **Message**.
  - **Motion** (**Off** / **On**)
  - **Direction** (**Left** / **Right** / **Up** / **Down**)
  - **Speed** (**Slow** / **Normal** / **Fast**)
  - **Direction** và **Speed** được kích hoạt khi **Motion** được đặt thành **On**.
- **Font Style**: Xác định thông báo **Size** và **Font Color**.

# Video Wall

MENU  → **System** → **Video Wall** → ENTER 



- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.
- Một số mẫu không hỗ trợ tính năng MagicInfo.
- Tùy chọn **Video Wall** được kích hoạt khi **PIP** được đặt thành **Off**.
- Nếu có nhiều hơn 4 màn hình được kết nối theo chiều ngang và chiều dọc, bạn nên sử dụng độ phân giải đầu vào là mức độ XGA (1024 x 768) hoặc cao hơn để ngăn hình ảnh bị tối do suy giảm độ tương phản hoặc độ đậm của màu.

Tùy chỉnh bố cục của nhiều màn hình được kết nối để tạo nên một tường video.

Hơn nữa, hiển thị một phần toàn bộ hình ảnh hoặc lặp lại cùng một hình ảnh trên mỗi màn hình được kết nối với nhau.

## Video Wall

Bạn có thể kích hoạt hoặc tắt kích hoạt **Video Wall**.

Để sắp xếp một tường video, hãy chọn **On**.

## Format

Chọn một định dạng để hiển thị hình ảnh trên nhiều màn hình.

- **Full**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình.
- **Natural**: Hiển thị hình ảnh ở độ phân giải ban đầu mà không phóng to hay thu nhỏ.

— Tùy chọn **Format** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

## Horizontal

Tính năng này sẽ tự động chia màn hình theo số lượng màn hình nằm ngang được chỉ định.

Nhập số lượng màn hình được sắp xếp theo chiều ngang.

Màn hình nằm ngang sẽ bị chia tự động theo số lượng được nhập.

Có thể gán tối đa tới 15 màn hình cho gán theo phương nằm ngang.

— Có thể chia màn hình này lên tới số lượng tối đa là 100 màn hình (số lượng màn hình nằm ngang và nằm dọc nhân với nhau). Ví dụ, nếu gán số lượng màn hình nằm ngang là 15, thì có thể gán tối đa tới 6 màn hình nằm dọc. Ngược lại, nếu gán số lượng màn hình nằm dọc là 15, thì có thể gán tối đa tới 6 màn hình nằm ngang.

— Tùy chọn **Horizontal** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

## Video Wall

|                   |          |
|-------------------|----------|
| Video Wall        | On       |
| · Format          | Full     |
| · Horizontal      | 1        |
| · <b>Vertical</b> | <b>1</b> |
| · Screen Position |          |

– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Vertical

Tính năng này sẽ tự động chia màn hình theo số lượng màn hình nằm dọc được chỉ định.

Nhập số lượng màn hình được sắp xếp theo chiều dọc.

Màn hình nằm dọc sẽ bị chia tự động theo số lượng được nhập.

Có thể gán tối đa tới 15 màn hình cho gán theo phương nằm dọc.

— Có thể chia màn hình này lên tới số lượng tối đa là 100 màn hình (số lượng màn hình nằm ngang và nằm dọc nhân với nhau). Ví dụ, nếu gán số lượng màn hình nằm ngang là 15, thì có thể gán tối đa tới 6 màn hình nằm dọc. Ngược lại, nếu gán số lượng màn hình nằm dọc là 15, thì có thể gán tối đa tới 6 màn hình nằm ngang.

— Tùy chọn **Vertical** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

## Screen Position

Bạn có thể tùy chỉnh sắp xếp màn hình được chia nhỏ bằng cách di chuyển màn hình được xác định với một số sử dụng chức năng **Screen Position**

Chọn **Screen Position** để hiển thị sắp xếp màn hình (được xác định với một con số) được xác định theo cài đặt **Horizontal** hoặc **Vertical**. Để tùy chỉnh sắp xếp này, hãy di chuyển số lượng (màn hình) sử dụng các nút điều hướng trên điều khiển từ xa và nhấn .

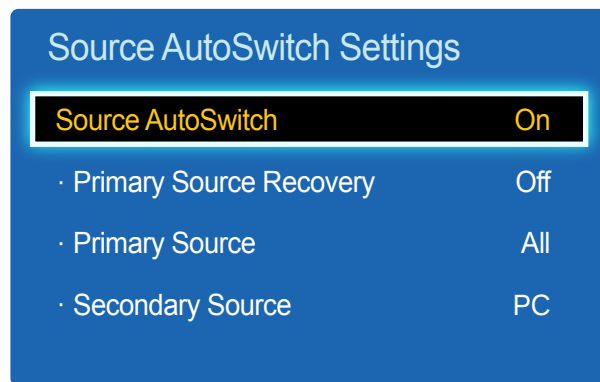
— Có thể sắp xếp được tối đa 100 màn hình vào **Screen Position**.

— Tùy chọn **Screen Position** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

— Cửa sổ **Screen Position** chỉ hiển thị khi **Horizontal** và **Vertical** được đặt cấu hình.

## Source AutoSwitch Settings

MENU  → System → Source AutoSwitch Settings → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Bật màn hình hiển thị có **Source AutoSwitch On**, và nguồn video đã lựa chọn trước đó không hoạt động, thì màn hình sẽ tự động tìm kiếm các nguồn video đầu vào khác nhau để tìm ra video hoạt động.

### Source AutoSwitch

Khi **Source AutoSwitch** đang **On**, nguồn video hiển thị trên màn hình sẽ tự động được tìm kiếm để tìm ra video hoạt động.

Lựa chọn **Primary Source** sẽ được kích hoạt nếu nguồn video hiện tại không được nhận dạng.

Lựa chọn **Secondary Source** sẽ được kích hoạt, nếu không có nguồn video sơ cấp nào hoạt động.

Nếu hệ thống không nhận dạng cả nguồn tín hiệu đầu vào sơ cấp và thứ cấp, màn hình sẽ tiến hành hai lượt tìm kiếm để tìm nguồn tín hiệu hoạt động, mỗi lượt tìm kiếm sẽ kiểm tra nguồn tín hiệu sơ cấp trước rồi chuyển sang nguồn tín hiệu thứ cấp. Nếu cả hai lượt tìm kiếm đều thất bại, màn hình sẽ trở lại nguồn tín hiệu video đầu tiên và hiển thị thông điệp cho biết không có tín hiệu.

Khi lựa chọn **Primary Source** được cài đặt thành **All**, màn hình sẽ lần lượt tìm kiếm tất cả các tín hiệu đầu vào video hai lần để tìm nguồn video hoạt động, và trở lại nguồn video đầu tiên trong dãy thứ tự nếu như không tìm thấy nguồn video nào.

### Primary Source Recovery

Chọn khôi phục nguồn vào chính đã chọn khi nguồn vào chính được kết nối.

— Chức năng **Primary Source Recovery** bị tắt nếu **Primary Source** được đặt thành **All**.

### Primary Source

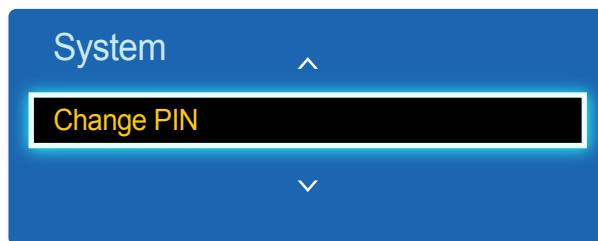
Xác định **Primary Source** cho nguồn vào tự động.

### Secondary Source

Xác định **Secondary Source** cho nguồn vào tự động.

## Change PIN

MENU  → **System** → **Change PIN** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

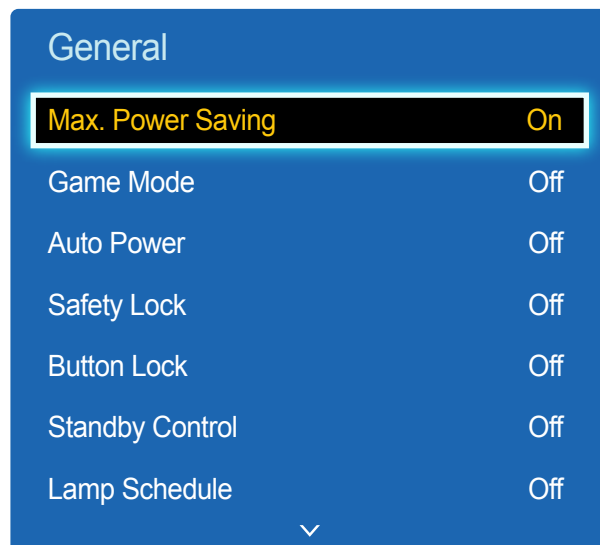
Màn hình **Change PIN** sẽ xuất hiện.

Chọn 4 chữ số bất kỳ cho mã PIN và nhập vào **Enter New PIN**. Nhập lại cùng 4 chữ số vào **Confirm New PIN**.

Khi màn hình Xác nhận biến mất, nhấn nút **Close**. Sản phẩm đã ghi nhớ mã PIN mới của bạn.

## General

MENU  → **System** → **General** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Max. Power Saving

Tắt sản phẩm để giảm mức tiêu thụ điện sau khi máy tính được để ở chế độ không làm việc trong một khoảng thời gian nhất định.

- **Off / On**

— Chỉ có sẵn ở chế độ **PC**, **DVI**, **HDMI**.

## Game Mode

Khi kết nối với bảng điều khiển trò chơi chẳng hạn như PlayStation™ hoặc Xbox™, bạn có thể thưởng thức trải nghiệm trò chơi trung thực hơn bằng cách chọn chế độ trò chơi.

- **Off / On**

— Lưu ý và giới hạn cho **Game Mode**

Để ngắt kết nối bảng điều khiển trò chơi và kết nối một thiết bị ngoại vi khác, hãy đặt **Game Mode** thành **Off** trong menu Thiết lập.

— **Game Mode** không khả dụng khi nguồn vào được đặt thành **PC**.

— Nếu **Game Mode** đang **On**, **Picture Mode** được đặt thành **Standard** và **Sound Mode** được đặt thành **Movie**.

## Auto Power

Kích hoạt tùy chọn này sẽ tự động bật nguồn sản phẩm nếu cáp nguồn được kết nối.

- **Off / On**

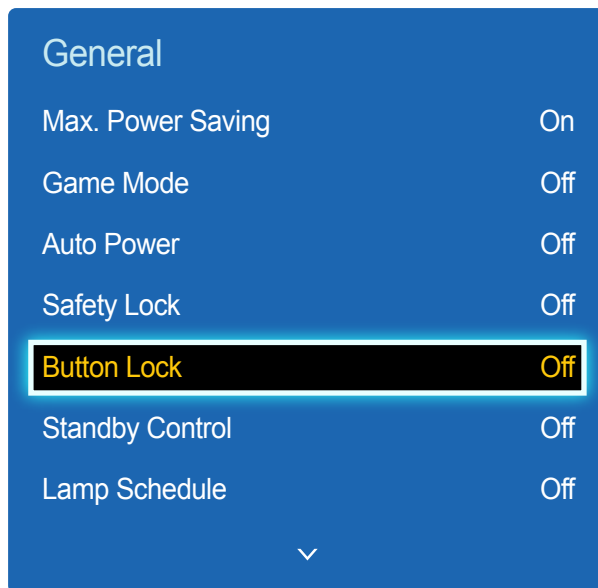
## Safety Lock

Cài đặt chức năng khóa an toàn.

- **Off / On**

Tất cả các menu và nút của sản phẩm và điều khiển từ xa, trừ nút **LOCK** trên điều khiển từ xa, sẽ bị khóa bởi chức năng **Safety Lock**.

Để mở khóa các menu và nút, hãy nhấn nút **LOCK** rồi nhập mật khẩu (mật khẩu mặc định: 0 - 0 - 0 - 0).



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Button Lock

Có thể sử dụng menu này để khoá các nút trên sản phẩm.

Chỉ điều khiển từ xa mới có thể điều khiển sản phẩm nếu **Button Lock** được đặt thành **On**.

- **Off / On**

## Standby Control

Bạn có thể đặt chế độ chờ cho màn hình được áp khi nhận được tín hiệu đầu vào.

- **Auto**

Chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào thậm chí thiết bị nguồn được kết nối với màn hình.

Sẽ có thông báo **No Signal** nếu không có thiết bị nguồn nào được kết nối.

- **On**

Chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

- **Off**

Sẽ có thông báo **No Signal** nếu không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

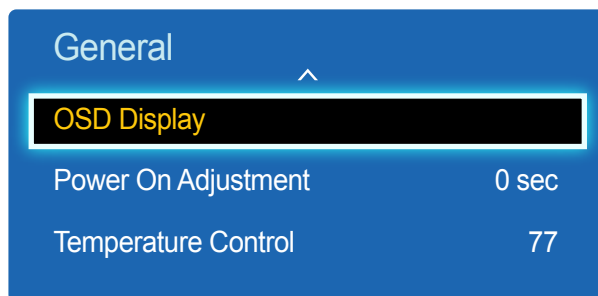
— Tùy chọn **Standby Control** được kích hoạt khi **Source List** được đặt thành **PC, DVI, HDMI**.

— Nếu **No Signal** hiển thị cho dù thiết bị nguồn được kết nối, hãy kiểm tra kết nối cáp.

## Lamp Schedule

Điều chỉnh độ sáng tới giá trị người sử dụng xác định tại một thời điểm xác định.

- **Off / On**



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## OSD Display

Hiển thị hoặc ẩn menu trên màn hình.

— **Source OSD** / **No Signal OSD** / **MDC OSD**

## Power On Adjustment

Bạn có thể cài đặt thời gian khởi động cho màn hình bật lên sau khi nhấn nút nguồn. (Phạm vi: 0 – 50 giây)

— Thời gian khởi động quá ngắn có thể làm hỏng sản phẩm do điện thế quá cao.

## Temperature Control

Tính năng này phát hiện nhiệt độ bên trong của sản phẩm. Bạn có thể chỉ định khoảng nhiệt độ có thể chấp nhận được.

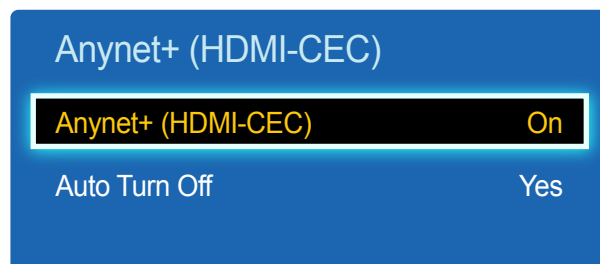
Nhiệt độ mặc định được đặt là 77°C.

Nhiệt độ vận hành đề xuất cho sản phẩm này là từ 75 đến 80°C (dựa trên nhiệt độ xung quanh là 40°C).

— Màn hình sẽ trở nên tối hơn nếu nhiệt độ hiện tại vượt quá ngưỡng nhiệt độ chỉ định. Nếu nhiệt độ tiếp tục tăng, sản phẩm sẽ tự động ngắt điện để ngăn chặn hiện tượng quá nóng.

## Anynet+ (HDMI-CEC)

MENU  → System → Anynet+ (HDMI-CEC) → ENTER 



- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.
- Chức năng **Anynet+ (HDMI-CEC)** không hoạt động với các sản phẩm của nhà sản xuất khác.
- Để xem hướng dẫn giải thích cách kết nối thiết bị bên ngoài Anynet+, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị.
- Bạn chỉ có thể kết nối một bộ thu (rạp hát tại gia).

## Anynet+ (HDMI-CEC)

Anynet+ là chức năng cho phép bạn điều khiển tất cả các thiết bị Samsung được kết nối có hỗ trợ Anynet+ bằng điều khiển từ xa của sản phẩm Samsung của bạn. Hệ thống Anynet+ chỉ có thể được sử dụng với các thiết bị Samsung có tính năng Anynet+. Để đảm bảo thiết bị Samsung của bạn có tính năng này, hãy kiểm tra xem có logo Anynet+ trên thiết bị hay không.

- Bạn chỉ có thể điều khiển các thiết bị **Anynet+** bằng điều khiển từ xa của sản phẩm, chứ không phải các nút trên sản phẩm.
- Điều khiển từ xa của sản phẩm có thể không hoạt động trong các điều kiện nhất định. Nếu điều này xảy ra, hãy chọn lại thiết bị **Anynet+**.
- **Anynet+** hoạt động khi thiết bị AV hỗ trợ **Anynet+** đang ở chế độ chờ hoặc trạng thái bật.
- Khi ở chế độ **PIP**, các chức năng **Anynet+** chỉ hoạt động khi thiết bị AV được kết nối như màn hình chính. Anynet+ không hoạt động nếu thiết bị AV được kết nối như màn hình phụ.
- **Anynet+** hỗ trợ tổng cộng tối đa 12 thiết bị AV. Lưu ý rằng bạn có thể kết nối tối đa 3 thiết bị cùng loại.

### Menu Anynet+

Menu **Anynet+** thay đổi tùy thuộc vào loại và trạng thái của thiết bị Anynet+ được kết nối với sản phẩm.

| Menu Anynet+                     | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>View PC</b>                   | Thay đổi chế độ <b>Anynet+</b> thành chế độ <b>PC</b> .                                                                                                                                                                                             |
| <b>Device List</b>               | Hiển thị danh sách thiết bị Anynet+.                                                                                                                                                                                                                |
| <b>(tên_thiết bị) MENU</b>       | Hiển thị menu của các menu thiết bị được kết nối. Ví dụ: nếu đầu phát DVD được kết nối, menu đĩa của đầu phát DVD sẽ xuất hiện.                                                                                                                     |
| <b>(tên_thiết bị) Tools</b>      | Hiển thị menu công cụ của thiết bị được kết nối. Ví dụ: nếu đầu phát DVD được kết nối, menu công cụ của đầu phát DVD sẽ xuất hiện. <ul style="list-style-type: none"><li>– Tùy thuộc vào thiết bị, menu này có thể không sẵn có.</li></ul>          |
| <b>(tên_thiết bị) Title Menu</b> | Hiển thị menu tên của đĩa trong thiết bị được kết nối. Ví dụ: nếu đầu phát DVD được kết nối, menu tên phim trong đầu phát DVD sẽ xuất hiện. <ul style="list-style-type: none"><li>– Tùy thuộc vào thiết bị, menu này có thể không sẵn có.</li></ul> |

## Anynet+ (HDMI-CEC)

Anynet+ (HDMI-CEC)

On

Auto Turn Off

Yes

– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Auto Turn Off

Đặt thiết bị **Anynet+** thành tự động **Off** khi sản phẩm tắt.

- **No / Yes**

- Nếu **Auto Turn Off** được đặt thành **Yes**, chạy thiết bị ngoại vi sẽ tắt vào cùng lúc nguồn sản phẩm tắt.
- Có thể không được bật tùy thuộc vào thiết bị.

## Chuyển giữa các thiết bị Anynet+

1 Bấm nút **TOOLS**, chọn **Anynet+ (HDMI-CEC)**, rồi bấm .

2 Chọn **Device List**, rồi nhấn nút .

Nếu bạn không thể tìm thấy thiết bị bạn muốn, hãy chọn **Refresh** để làm mới danh sách.

3 Chọn thiết bị, sau đó nhấn nút . Bạn có thể chuyển sang thiết bị đã chọn.

- Menu **Device List** xuất hiện chỉ khi bạn đặt **Anynet+ (HDMI-CEC)** thành **On** trong menu **System**.
- Chuyển sang thiết bị đã chọn có thể mất tới 2 phút. Bạn không thể hủy thao tác chuyển trong khi đang chuyển.
- Nếu bạn chọn thiết bị Anynet+ bằng cách nhấn nút **SOURCE**, sau đó chọn nguồn vào của thiết bị, bạn không thể sử dụng chức năng Anynet+.
- Đảm bảo chuyển đổi sang thiết bị **Anynet+** bằng cách sử dụng **Device List**.

## Xử lý sự cố đối với Anynet+

### Sự cố

### Giải pháp có thể

|                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Anynet+ không hoạt động.                                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra xem thiết bị có phải là Anynet+ hay không. Hệ thống Anynet+ chỉ hỗ trợ các thiết bị Anynet+.</li><li>Bạn chỉ có thể kết nối một bộ thu (rạp hát tại gia).</li><li>Kiểm tra xem dây nguồn của thiết bị Anynet+ có được kết nối đúng cách không.</li><li>Kiểm tra kết nối cáp Video/Audio/HDMI của thiết bị Anynet+.</li><li>Kiểm tra xem <b>Anynet+ (HDMI-CEC)</b> có được đặt thành <b>On</b> trong menu thiết lập Anynet+.</li><li>Kiểm tra xem điều khiển từ xa có tương thích với Anynet+ hay không.</li><li>Anynet+ không hoạt động trong các tình huống nhất định. (thiết lập ban đầu)</li><li>Nếu bạn đã rút, sau đó kết nối lại cáp HDMI, hãy đảm bảo tìm kiếm lại thiết bị hoặc tắt sản phẩm và bật lại.</li><li>Kiểm tra xem chức năng Anynet+ của thiết bị Anynet có được đặt thành bật không.</li></ul> |
| Tôi muốn khởi động Anynet+.                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra xem thiết bị Anynet+ có được kết nối đúng với sản phẩm hay không và kiểm tra xem <b>Anynet+ (HDMI-CEC)</b> có được đặt thành <b>On</b> trong menu <b>Anynet+ System</b> không.</li><li>Nhấn nút <b>TOOLS</b> để hiển thị menu <b>Anynet+</b> và chọn menu bạn muốn.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Tôi muốn thoát Anynet+.                                                        | <ul style="list-style-type: none"><li>Chọn <b>View PC</b> trong menu <b>Anynet+</b>.</li><li>Nhấn nút <b>SOURCE</b> trên điều khiển từ xa của sản phẩm và chọn thiết bị không phải là Anynet+.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Thông báo “ <b>Connecting to Anynet+ device ...</b> ” xuất hiện trên màn hình. | <ul style="list-style-type: none"><li>Bạn không thể sử dụng điều khiển từ xa khi đang đặt cấu hình Anynet+ hoặc khi đang chuyển sang chế độ xem.</li><li>Sử dụng điều khiển từ xa sau khi sản phẩm đã hoàn thành việc đặt cấu hình Anynet+ hoặc đã kết thúc chuyển sang Anynet+.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Thiết bị Anynet+ không phát.                                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Bạn có thể sử dụng chức năng phát khi quá trình thiết lập ban đầu đang diễn ra.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

---

## Sự cố

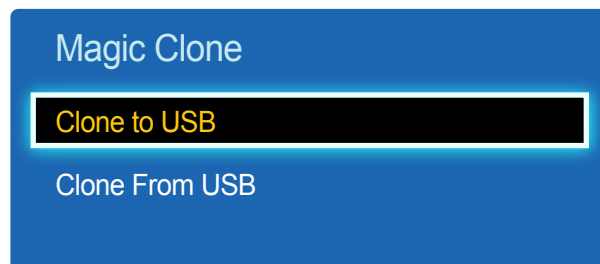
## Giải pháp có thể

Thiết bị đã kết nối không được hiển thị.

- Kiểm tra xem thiết bị có hỗ trợ các chức năng Anynet+ hay không.
  - Kiểm tra xem cáp HDMI có được kết nối đúng cách hay không.
  - Kiểm tra xem **Anynet+ (HDMI-CEC)** có được đặt thành **On** trong menu **Anynet+ System**.
  - Tìm kiếm lại thiết bị Anynet+.
  - Anynet+ yêu cầu kết nối HDMI. Đảm bảo thiết bị được kết nối với sản phẩm của bạn bằng cáp HDMI.
  - Một số cáp HDMI có thể không hỗ trợ chức năng Anynet+.
  - Nếu kết nối bị ngắt do có sự cố về điện hoặc cáp HDMI bị ngắt kết nối, hãy quét lại thiết bị.
-

## Magic Clone

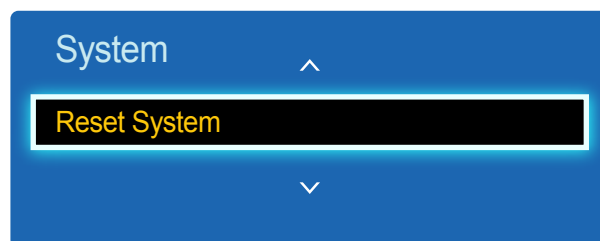
MENU  → **System** → **Magic Clone** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## Reset System

MENU  → **System** → **Reset System** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Xuất các cài đặt sản phẩm vào thiết bị USB hoặc tải các cài đặt qua thiết bị USB.

Tùy chọn này hữu ích khi gán cùng cài đặt cho nhiều sản phẩm.

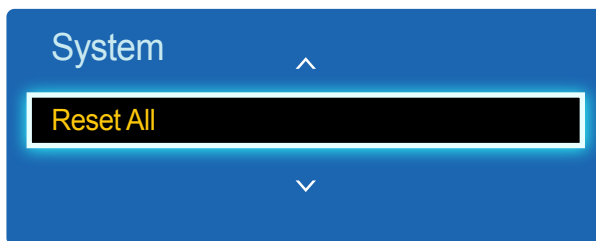
- **Clone to USB:** Sao chép các cài đặt sản phẩm sang thiết bị USB.
- **Clone From USB:** Gán các cài đặt được lưu trong thiết bị USB cho thiết bị.
  - Sau khi đặt cấu hình hoàn tất, sản phẩm được tự động khởi động lại.
  - Tùy chọn có thể không hoạt động hợp lý nếu thiết bị USB chứa một tệp không phải là tệp cài đặt.
  - Xác định rằng thiết bị USB hoạt động hợp lý trước khi chạy tùy chọn.
  - Tùy chọn sẵn có cho các sản phẩm có cùng **Model Code** và **Software Version**.  
Truy cập **Support** → **Contact Samsung** và tìm sản phẩm **Model Code** và **Software Version**.

Tùy chọn này đổi cài đặt hiện tại trong Hệ thống về cài đặt xuất xưởng mặc định.

## Reset All

Tùy chọn này đổi toàn bộ cài đặt hiện tại cho một màn hình về cài đặt xuất xưởng mặc định.

MENU  → **System** → **Reset All** → ENTER 



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

# Chương 09

## Support

### Software Update

**MENU**  → **Support** → **Software Update** → **ENTER** 

Menu **Software Update** cho phép bạn nâng cấp phần mềm sản phẩm của mình lên phiên bản mới nhất.

- Cần thận để không tắt nguồn cho đến khi hoàn thành nâng cấp. Sản phẩm sẽ tự động tắt và bật sau khi hoàn thành nâng cấp phần mềm.
- Khi bạn nâng cấp phần mềm, tất cả các cài đặt video và âm thanh bạn đã thực hiện sẽ trở về cài đặt mặc định của chúng. Chúng tôi khuyên bạn nên ghi lại cài đặt của mình để bạn có thể dễ dàng đặt lại chúng sau khi nâng cấp.

### By USB

Để thực hiện cập nhật phần mềm từ thiết bị USB, hãy liên hệ với trung tâm dịch vụ khách hàng.

### Contact Samsung

**MENU**  → **Support** → **Contact Samsung** → **ENTER** 

Xem thông tin này khi sản phẩm của bạn không hoạt động đúng hoặc khi bạn muốn nâng cấp phần mềm.

Bạn có thể tìm thấy thông tin về trung tâm cuộc gọi của chúng tôi và cách tải xuống sản phẩm và phần mềm.

- **Contact Samsung** rồi tìm sản phẩm **Model Code** và **Software Version**.

# Chương 10

## Hướng dẫn xử lý sự cố

Trước khi gọi điện tới Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung, hãy kiểm tra sản phẩm như sau. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

### Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung

#### Kiểm tra sản phẩm

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình bị trống khi đèn LED nhấp nháy mặc dù sản phẩm vẫn được kết nối đúng với PC, hãy thực hiện kiểm tra sản phẩm.

- 1 Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.
- 2 Ngắt kết nối toàn bộ cáp khỏi sản phẩm.
- 3 Bật nguồn sản phẩm.
- 4 Nếu **No Signal** được hiển thị, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường.

#### Kiểm tra độ phân giải và tần số

**Not Optimum Mode** sẽ được hiển thị văn tắt nếu chọn một chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ (tham khảo Độ phân giải được hỗ trợ).

## Kiểm tra những mục sau đây.

### Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC)

|                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Màn hình liên tục bật và tắt.                                                                                     | Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và PC, và đảm bảo kết nối chắc chắn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Bạn sẽ thấy các khoảng trống ở cả 4 cạnh của màn hình khi cáp HDMI hoặc HDMI-DVI được kết nối với sản phẩm và PC. | <p>Các khoảng trống trên màn hình không liên quan đến sản phẩm.</p> <p>Máy tính hoặc card màn hình không gây nên các khoảng trống trên màn hình. Để giải quyết vấn đề này, hãy điều chỉnh kích thước màn hình trong các cài đặt HDMI hoặc DVI cho card màn hình.</p> <p>Nếu trình đơn cài đặt card màn hình không có tùy chọn để điều chỉnh kích thước màn hình, hãy cập nhật trình điều khiển card màn hình sang phiên bản mới nhất.</p> <p>(Hãy liên hệ với nhà sản xuất card màn hình hoặc máy tính để biết thêm thông tin chi tiết về cách điều chỉnh cài đặt màn hình.)</p> |
| PC được hiển thị trong <b>Source</b> khi PC không được kết nối.                                                   | PC luôn được hiển thị trong <b>Source</b> bất kể PC được kết nối hay chưa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

### Vấn đề về màn hình

|                                                                     |                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đèn LED bị tắt. Màn hình không bật.                                 | Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.                                                                       |
| No Signal được hiển thị trên màn hình (tham khảo "Kết nối với PC"). | Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa.                                                        |
|                                                                     | Kiểm tra xem thiết bị kết nối với sản phẩm có bật không.                                                   |
| Not Optimum Mode được hiển thị.                                     | Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa.          |
|                                                                     | Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm. |
| Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.                                | Kiểm tra kết nối cáp với sản phẩm.                                                                         |
| Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ.                                  | Điều chỉnh <b>Coarse</b> và <b>Fine</b> .                                                                  |
|                                                                     | Gỡ bỏ bất kỳ thiết bị (cáp video nối dài v.v) và thử lại.                                                  |
|                                                                     | Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo.                                                         |

## Vấn đề về màn hình

|                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Màn hình không ổn định và rung.                                                | Kiểm tra xem độ phân giải và tần số của máy tính và card đồ họa có được cài đặt ở mức tương thích với sản phẩm hay không. Sau đó, thay đổi cài đặt màn hình nếu được yêu cầu bằng cách tham khảo Thông tin bổ sung về trình đơn sản phẩm và Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn.                                                                                                                                         |
| Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.                                           | Điều chỉnh <b>Brightness</b> và <b>Contrast</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Màu màn hình không đồng nhất.                                                  | Đi tới <b>Picture</b> và điều chỉnh cài đặt <b>Color Space</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Màu trắng trông không hẳn là trắng.                                            | Đi tới <b>Picture</b> và điều chỉnh cài đặt <b>White Balance</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Không có hình ảnh trên màn hình và đèn LED nhấp nháy trong mỗi 0.5 tới 1 giây. | Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng.<br>Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Sản phẩm sẽ tự động tắt.                                                       | Đi tới <b>System</b> và đảm bảo <b>Sleep Timer</b> được đặt thành <b>Off</b> .<br>Nếu PC được kết nối với sản phẩm, hãy kiểm tra trạng thái nguồn của PC.<br>Đảm bảo cáp nguồn được kết nối đúng cách với sản phẩm và ổ cắm nguồn.<br>Nếu không phát hiện thấy tín hiệu từ một thiết bị đã kết nối, sản phẩm sẽ tự động tắt sau 10 đến 15 phút.                                                                      |
| Chất lượng hình ảnh của sản phẩm khác với cửa hàng đại lý nơi bán sản phẩm.    | Sử dụng cáp HDMI để có chất lượng hình ảnh với độ phân giải cao (HD).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Hiển thị màn hình không bình thường.                                           | Nội dung video mã hóa có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi ở các cảnh đặc trưng bởi các đối tượng di chuyển nhanh như sự kiện thể thao hoặc video hành động.<br>Mức tín hiệu thấp hoặc chất lượng hình ảnh thấp có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi. Điều này không có nghĩa là sản phẩm bị hỏng.<br>Một điện thoại di động trong bán kính 1 mét có thể tạo ra tĩnh điện trên các sản phẩm kỹ thuật số và analog. |

## Vấn đề về màn hình

Độ sáng và màu sắc không như bình thường.

Đi tới **Picture** và điều chỉnh các cài đặt màn hình như **Picture Mode**, **Color**, **Brightness** và **Sharpness**.

— Tham khảo [trang 46](#) để biết thông tin chi tiết về menu **Picture**.

Đi tới **System** và điều chỉnh cài đặt **Energy Saving**.

— Tham khảo [trang 69](#) để biết thông tin chi tiết về menu **System**.

Đặt lại cài đặt màn hình về cài đặt mặc định.

— Tham khảo [trang 59](#) để biết thông tin chi tiết về menu **Reset Picture**.

Các đường đứt quãng hiển thị trên cạnh của màn hình.

Nếu **Picture Size** được đặt thành **Screen Fit**, hãy thay đổi cài đặt thành **16:9**.

Các đường (đỏ, lục hoặc lam) hiển thị trên màn hình.

Các đường này hiển thị khi có lỗi trong DATA SOURCE DRIVER IC trên màn hình. Liên hệ với Trung tâm Dịch vụ Samsung để giải quyết sự cố.

Màn hình không ổn định, rồi sau đó treo.

Màn hình có thể treo khi sử dụng độ phân giải không phải là độ phân giải được khuyến dùng hoặc nếu tín hiệu không ổn định. Để giải quyết sự cố, thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được khuyến dùng.

Màn hình không thể hiển thị ở chế độ toàn màn hình.

Tệp nội dung SD được chia tỷ lệ (4:3) có thể tạo ra các thanh màu đen ở cả hai bên của màn hình kênh HD.

Một video với tỷ lệ khung hình khác với sản phẩm có thể tạo ra các thanh màu đen ở đầu và cuối màn hình.

Thay đổi cài đặt kích thước màn hình về chế độ toàn màn hình trên sản phẩm hoặc thiết bị nguồn.

## Vấn đề về âm thanh

Không có âm thanh.

Kiểm tra kết nối của cáp âm thanh hoặc điều chỉnh âm lượng.

Kiểm tra âm lượng.

Âm lượng quá nhỏ.

Điều chỉnh âm lượng.

Nếu âm lượng vẫn nhỏ sau khi bật âm lượng đến mức tối đa, hãy điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.

## Vấn đề về âm thanh

Video khả dụng nhưng không có âm thanh.

Nếu cáp HDMI được kết nối, hãy kiểm tra cài đặt đầu ra âm thanh trên PC.

Đi tới **Sound** và thay đổi **Speaker Select** thành **Internal**.

Nếu sử dụng thiết bị nguồn

- Hãy đảm bảo rằng cáp âm thanh được kết nối đúng cách với cổng đầu vào âm thanh trên sản phẩm.
- Kiểm tra cài đặt đầu ra âm thanh cho thiết bị nguồn.  
(Ví dụ: nếu cáp HDMI được kết nối với màn hình, có thể cần thay đổi cài đặt âm thanh cho hộp cáp về HDMI).

Nếu sử dụng cáp DVI-HDMI, cáp âm thanh riêng biệt được yêu cầu.

Nếu sản phẩm có cổng tai nghe, hãy đảm bảo cổng đó không kết nối với thiết bị nào.

Kết nối lại cáp nguồn với thiết bị, rồi sau đó khởi động lại thiết bị.

Có tạp âm phát ra từ loa.

Kiểm tra kết nối cáp. Đảm bảo cáp video không kết nối với cổng đầu vào âm thanh.

Kiểm tra cường độ tín hiệu sau khi kết nối cáp.

Mức tín hiệu thấp có thể làm cho âm thanh bị lỗi.

Có âm thanh nghe được khi tắt âm lượng.

Khi **Speaker Select** được đặt thành **External**, nút âm lượng và chức năng tắt tiếng bị tắt. Điều chỉnh âm lượng cho loa ngoài.

Cài đặt âm thanh cho loa chính khác với loa trong trên sản phẩm.

Việc thay đổi hoặc tắt tiếng trên sản phẩm không ảnh hưởng đến bộ khuếch đại ngoài (trình giải mã).

Âm thanh từ màn hình không thay đổi sau khi thay đổi **Sound Mode**.

Cài đặt âm thanh cho loa chính khác với loa trong trên sản phẩm.

Cài đặt âm thanh trên thiết bị nguồn không ảnh hưởng đến cài đặt loa trong trên sản phẩm.

Có âm thanh vọng từ loa.

Tốc độ mã hóa khác nhau giữa loa sản phẩm và loa ngoài có thể tạo ra tiếng vọng.

Trong trường hợp này, đặt **Speaker Select** thành **External**.

---

## Vấn đề với điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa không hoạt động.

Đảm bảo rằng pin được đặt đúng chỗ (+/-).

Kiểm tra xem pin đã hết hay không.

Kiểm tra liệu không có điện.

Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.

Kiểm tra xem có bóng đèn đặc biệt hay ánh đèn neon gần đó hay không.

## Vấn đề với thiết bị nguồn

Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.

Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng.

## Sự cố khác

|                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|----|---------|------------|--------|-----------------------------|------------|
| Các hạt nhỏ xuất hiện trên cạnh của sản phẩm.                                                                           | Các hạt này là một phần của thiết kế sản phẩm. Sản phẩm không bị hỏng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                 |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| Menu <b>PIP</b> không khả dụng.                                                                                         | Menu được bật hay tắt tùy thuộc vào chế độ <b>Source</b> .<br>— Tham khảo <a href="#">trang 53</a> để biết thông tin chi tiết về menu <b>PIP</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| Khi tôi cố thay đổi độ phân giải PC, thông báo " <b>The defined resolution is not currently supported.</b> " xuất hiện. | Thông báo " <b>The defined resolution is not currently supported.</b> " xuất hiện nếu độ phân giải nguồn đầu vào vượt quá độ phân giải tối đa của màn hình.<br>Để giải quyết sự cố này, hãy thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được hỗ trợ trên màn hình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| Không có âm thanh từ loa trong chế độ HDMI khi cáp DVI-HDMI được kết nối.                                               | Cáp DVI không truyền dữ liệu âm thanh.<br>Đảm bảo kết nối cáp âm thanh với đúng giắc đầu vào để tạo ra âm thanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| <b>HDMI Black Level</b> không hoạt động đúng cách trên thiết bị HDMI với đầu ra YCbCr.                                  | Chức năng này khả dụng chỉ khi một thiết bị nguồn, chẳng hạn như đầu phát DVD và STB, được kết nối với sản phẩm qua cáp HDMI (tín hiệu RGB).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| Không có âm thanh trong chế độ HDMI.                                                                                    | Màu sắc hình ảnh được hiển thị có thể không như bình thường. Video hoặc âm thanh có thể không có. Điều này có thể xảy ra nếu thiết bị nguồn chỉ hỗ trợ phiên bản cũ của tiêu chuẩn HDMI kết nối với sản phẩm.<br>Nếu những sự cố này xảy ra, hãy kết nối cáp âm thanh cùng với cáp HDMI.<br><br>Một số thẻ đồ họa PC có thể không tự động nhận ra tín hiệu HDMI mà không bao gồm âm thanh. Trong trường hợp này, hãy chọn thủ công đầu vào âm thanh. <table><tr><td></td><td>Đầu vào âm thanh</td><td>Chế độ màn hình</td></tr><tr><td>PC</td><td>Tự động</td><td>Cài đặt PC</td></tr><tr><td>PC DVI</td><td>Âm thanh trong (Cổng Streo)</td><td>Cài đặt PC</td></tr></table> |                 | Đầu vào âm thanh | Chế độ màn hình | PC | Tự động | Cài đặt PC | PC DVI | Âm thanh trong (Cổng Streo) | Cài đặt PC |
|                                                                                                                         | Đầu vào âm thanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Chế độ màn hình |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| PC                                                                                                                      | Tự động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cài đặt PC      |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |
| PC DVI                                                                                                                  | Âm thanh trong (Cổng Streo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cài đặt PC      |                  |                 |    |         |            |        |                             |            |

---

## Sự cố khác

### Cảm biến IR không hoạt động.

Đảm bảo đèn cảm biến bật khi nhấn nút trên điều khiển từ xa.

- Nếu đèn cảm biến không bật, hãy tắt công tắc nguồn, rồi sau đó bật lại ở mặt sau sản phẩm.  
(Đèn LED của nguồn phát sáng màu đỏ khi tắt màn hình).  
Nếu đèn cảm biến vẫn không bật sau khi tắt công tắc nguồn và bật lại, giắc cắm bên trong có thể bị ngắt kết nối.  
Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.
  - Nếu đèn cảm biến ở trên không lóe sáng màu đỏ khi nhấn nút trên điều khiển từ xa thì cảm biến IR có thể bị hỏng.  
Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.
  - Nếu không có thay đổi gì trên màn hình khi nhấn nút trên điều khiển từ xa mặc dù đèn cảm biến lóe sáng màu đỏ thì bảng mạch chính có thể bị hỏng.  
Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.
-

---

## Hỏi & Đáp

### Câu hỏi

Làm thế nào để thay đổi tần số?

---

Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng cho máy tính hoặc card đồ họa của bạn để biết thêm các hướng dẫn về điều chỉnh.

### Trả lời

Đặt tần số trên card màn hình.

- Windows XP: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Giao diện và chủ đề** → **Hiển thị** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**.
- Windows ME/2000: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình**, và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**.
- Windows Vista: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**.
- Windows 7: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**.
- Windows 8: Vào **Thiết đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**.

Làm thế nào để điều chỉnh độ phân giải?

- Windows XP: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải.
- Windows ME/2000: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải.
- Windows Vista: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và điều chỉnh độ phân giải.
- Windows 7: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải.
- Windows 8: Vào **Thiết đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải.

---

## Câu hỏi

## Trả lời

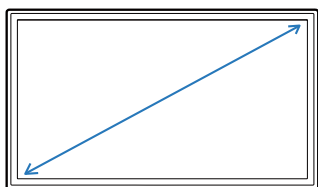
Làm thế nào để cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng?

- Windows XP: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong **Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.
- Windows ME/2000: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.
- Windows Vista: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong **Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.
- Windows 7: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong **Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.
- Windows 8: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong **Thiết đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Giao diện và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt bảo vệ màn hình** hoặc BIOS SETUP trên PC.

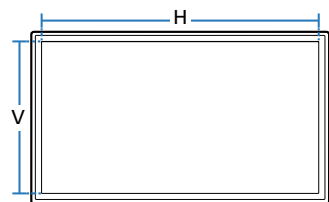
# Chương 11

## Các thông số kỹ thuật

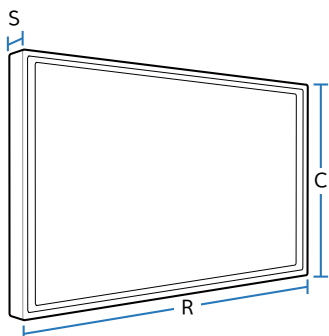
- Kích thước



- Vùng hiển thị



- Kích thước (R x C x S)



### Thông số chung

#### Tên môđen

**ED65D**

**ED75D**

| Màn hình                      | Kích thước    | Loại 65 (64,5 inch / 163 cm)                                                                                                                       | Loại 75 (74,5 inch / 189 cm) |
|-------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|                               | Vùng hiển thị | 1428,48 (H) x 803,52 (V) mm                                                                                                                        | 1650,24 (H) x 928,26 (V) mm  |
| Kích thước (R x C x S)        |               | 1467,4 x 848,0 x 64,9 mm                                                                                                                           | 1675,0 x 959,1 x 64,8 mm     |
| Khối lượng (không có chân đế) |               | 26,8 kg                                                                                                                                            | 28,8 kg                      |
| Nguồn điện                    |               | Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau. |                              |
| Các yếu tố môi trường         | Vận hành      | Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F)<br>Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ                                                                     |                              |
|                               | Lưu trữ       | Nhiệt độ: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F)<br>Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ                                                                    |                              |

---

- Cắm và Chạy

Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình.

Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.

- Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

- Thiết bị này là thiết bị kỹ thuật số Hạng A.

## Trình tiết kiệm năng lượng

Tính năng tiết kiệm năng lượng của sản phẩm này làm giảm sức tiêu thụ điện năng bằng cách tắt màn hình và đổi màu của đèn LED nếu không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định. Sản phẩm không được tắt trong chế độ tiết kiệm năng lượng. Để bật lại màn hình, hãy nhấn bất kì phím nào trên bàn phím hoặc di chuyển chuột. Tính năng tiết kiệm năng lượng chỉ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với PC với tính năng tiết kiệm năng lượng.

| Trình tiết kiệm năng lượng |       | Vận hành bình thường |          |        | Chế độ tiết kiệm năng lượng<br>(Tín hiệu SOG : Không hỗ trợ chế độ DPM) | Tắt nguồn | Tắt nguồn<br>(Nút nguồn tắt) |
|----------------------------|-------|----------------------|----------|--------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|
|                            |       | Đánh giá             | Phổ biến | Tối đa |                                                                         |           |                              |
| Chỉ báo nguồn              |       | Tắt                  |          |        | Nhấp nháy                                                               | Mở        | Tắt                          |
| Lượng tiêu thụ điện năng   | ED65D | 215 W                | 180 W    | 235 W  | 1 W                                                                     | 1 W       | 0 W                          |
|                            | ED75D | 280 W                | 247 W    | 310 W  | 1 W                                                                     | 1 W       | 0 W                          |

- Mức độ tiêu thụ năng lượng được hiển thị có thể khác nhau trong các điều kiện vận hành khác nhau hoặc khi thay đổi cài đặt.
- SOG (Sync On Green) không được hỗ trợ.
- Để giảm tiêu thụ năng lượng về 0, hãy tắt công tắc ở phía sau và ngắt kết nối cáp nguồn. Ngắt kết nối cáp nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài (ví dụ trong khi bạn đi nghỉ v.v).

## Các chế độ xung nhịp được đặt trước

- Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Sử dụng độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm suy giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh hiện tượng này, chúng tôi khuyên bạn nên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho sản phẩm của bạn.
- Kiểm tra tần số khi bạn đổi sản phẩm CDT (kết nối với máy tính) lấy màn hình LCD. Nếu sản phẩm LCD không hỗ trợ 85Hz, hãy đổi tần số dọc tới 60Hz sử dụng sản phẩm CDT trước khi bạn đổi sản phẩm để lấy sản phẩm LCD.

|              |                     |                     |
|--------------|---------------------|---------------------|
| Đồng bộ hóa  | Tần số quét ngang   | 30 – 81 kHz         |
|              | Tần số quét dọc     | 48 – 75 Hz          |
| Độ phân giải | Độ phân giải tối ưu | 1920 x 1080 @ 60 Hz |
|              | Độ phân giải tối đa | 1920 x 1080 @ 60 Hz |

Có thể tự động điều chỉnh màn hình nếu tín hiệu thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ PC. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn, màn hình có thể bị trống có đèn LED được bật. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

| Độ phân giải    | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Xung Pixel(MHz) | Phân cực đồng bộ (H/V) |
|-----------------|-------------------------|----------------------|-----------------|------------------------|
| IBM, 720 x 400  | 31,469                  | 70,087               | 28,322          | -/+                    |
| MAC, 640 x 480  | 35,000                  | 66,667               | 30,240          | -/-                    |
| MAC, 832 x 624  | 49,726                  | 74,551               | 57,284          | -/-                    |
| MAC, 1152 x 870 | 68,681                  | 75,062               | 100,000         | -/-                    |
| VESA, 640 x 480 | 31,469                  | 59,940               | 25,175          | -/-                    |
| VESA, 640 x 480 | 37,861                  | 72,809               | 31,500          | -/-                    |
| VESA, 640 x 480 | 37,500                  | 75,000               | 31,500          | -/-                    |

- Tần số quét ngang  
Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.
- Tần số quét dọc  
Sản phẩm hiển thị một hình ảnh nhiều lần trên một giây (như đèn huỳnh quang) để hiển thị những gì người xem nhìn thấy. Tỷ lệ một hình ảnh được hiển thị lặp lại trên một giây được gọi là tần số quét dọc hoặc tỷ lệ làm tươi. Tần số quét dọc được đo bằng Hz.

| <b>Độ phân giải</b> | <b>Tần số quét ngang (kHz)</b> | <b>Tần số quét dọc (Hz)</b> | <b>Xung Pixel(MHz)</b> | <b>Phân cực đồng bộ (H/V)</b> |
|---------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------|
| VESA, 800 x 600     | 35,156                         | 56,250                      | 36,000                 | +/+                           |
| VESA, 800 x 600     | 37,879                         | 60,317                      | 40,000                 | +/+                           |
| VESA, 800 x 600     | 48,077                         | 72,188                      | 50,000                 | +/+                           |
| VESA, 800 x 600     | 46,875                         | 75,000                      | 49,500                 | +/+                           |
| VESA, 1024 x 768    | 48,363                         | 60,004                      | 65,000                 | -/-                           |
| VESA, 1024 x 768    | 56,476                         | 70,069                      | 75,000                 | -/-                           |
| VESA, 1024 x 768    | 60,023                         | 75,029                      | 78,750                 | +/+                           |
| VESA, 1280 x 720    | 45,000                         | 60,000                      | 74,250                 | +/+                           |
| VESA, 1280 x 1024   | 63,981                         | 60,020                      | 108,000                | +/+                           |
| VESA, 1280 x 1024   | 79,976                         | 75,025                      | 135,000                | +/+                           |
| VESA, 1366 x 768    | 47,712                         | 59,790                      | 85,500                 | +/+                           |
| VESA, 1440 x 900    | 55,935                         | 59,887                      | 106,500                | -/+                           |
| VESA, 1600 x 900    | 60,000                         | 60,000                      | 108,000                | +/+                           |
| VESA, 1680 x 1050   | 65,290                         | 59,954                      | 146,250                | -/+                           |
| VESA, 1920 x 1080   | 67,500                         | 60,000                      | 148,500                | +/+                           |

# Chương 12

## Phụ lục

### Hãy liên hệ SAMSUNG WORLD WIDE

Trang web: <http://www.samsung.com>

— Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi hoặc yêu cầu liên quan đến sản phẩm Samsung, xin vui lòng liên hệ Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Samsung.

#### NORTH AMERICA

|        |                          |
|--------|--------------------------|
| U.S.A  | 1-800-SAMSUNG (726-7864) |
| CANADA | 1-800-SAMSUNG (726-7864) |

#### LATIN AMERICA

|           |                                                                                                        |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ARGENTINE | 0800-333-3733                                                                                          |
| BOLIVIA   | 800-10-7260                                                                                            |
| BRAZIL    | 0800-124-421 (Demais cidades e regiões)<br>4004-0000 (Capitais e grandes centros)                      |
| CHILE     | 800-SAMSUNG (726-7864)                                                                                 |
| COLOMBIA  | Bogotá 600 12 72<br>Gratis desde cualquier parte del país 01 8000 112 112 ó desde su celular #SAM(726) |

---

## LATIN AMERICA

|                              |                                               |
|------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>COSTA RICA</b>            | 0-800-507-7267<br>00-800-1-SAMSUNG (726-7864) |
| <b>DOMINICA</b>              | 1-800-751-2676                                |
| <b>ECUADOR</b>               | 1-800-10-72670<br>1-800-SAMSUNG (72-6786)     |
| <b>EL SALVADOR</b>           | 800-6225                                      |
| <b>GUATEMALA</b>             | 1-800-299-0013<br>1-800-299-0033              |
| <b>HONDURAS</b>              | 800-27919267<br>800-2791-9111                 |
| <b>JAMAICA</b>               | 1-800-234-7267<br>1-800-SAMSUNG (726-7864)    |
| <b>MEXICO</b>                | 01-800-SAMSUNG (726-7864)                     |
| <b>NICARAGUA</b>             | 001-800-5077267                               |
| <b>PANAMA</b>                | 800-7267<br>800-0101                          |
| <b>PARAGUAY</b>              | 009-800-542-0001                              |
| <b>PERU</b>                  | 0-800-777-08                                  |
| <b>PUERTO RICO</b>           | 1-800-682-3180                                |
| <b>TRINIDAD &amp; TOBAGO</b> | 1-800-SAMSUNG (726-7864)                      |
| <b>URUGUAY</b>               | 000-405-437-33                                |

---

## LATIN AMERICA

|           |                          |
|-----------|--------------------------|
| VENEZUELA | 0-800-SAMSUNG (726-7864) |
|-----------|--------------------------|

## EUROPE

|         |                                 |
|---------|---------------------------------|
| AUSTRIA | 0800 - SAMSUNG (0800 - 7267864) |
|---------|---------------------------------|

|         |              |
|---------|--------------|
| BELGIUM | 02-201-24-18 |
|---------|--------------|

|        |             |
|--------|-------------|
| BOSNIA | 051 331 999 |
|--------|-------------|

|          |                                       |
|----------|---------------------------------------|
| BULGARIA | 800 111 31, Безплатна телефонна линия |
|----------|---------------------------------------|

|         |             |
|---------|-------------|
| CROATIA | 072 726 786 |
|---------|-------------|

|        |                                         |
|--------|-----------------------------------------|
| CYPRUS | 8009 4000 only from landline, toll free |
|--------|-----------------------------------------|

|       |                                                                                |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------|
| CZECH | 800 - SAMSUNG (800-726786)                                                     |
|       | Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o. V Parku 2343/24, 148 00 - Praha 4 |

|         |             |
|---------|-------------|
| DENMARK | 70 70 19 70 |
|---------|-------------|

|      |             |
|------|-------------|
| EIRE | 0818 717100 |
|------|-------------|

|         |          |
|---------|----------|
| ESTONIA | 800-7267 |
|---------|----------|

|         |              |
|---------|--------------|
| FINLAND | 030-6227 515 |
|---------|--------------|

|        |                |
|--------|----------------|
| FRANCE | 01 48 63 00 00 |
|--------|----------------|

|         |                                                                           |
|---------|---------------------------------------------------------------------------|
| GERMANY | 0180 6 SAMSUNG bzw.                                                       |
|         | 0180 6 7267864*                                                           |
|         | (*0,20 €/Anruf aus dem dt. Festnetz, aus dem Mobilfunk max. 0,60 €/Anruf) |

---

## EUROPE

|                    |                                                                                                   |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>GREECE</b>      | 80111-SAMSUNG (80111 726 7864) only from land line<br>(+30) 210 6897691 from mobile and land line |
| <b>HUNGARY</b>     | 0680SAMSUNG (0680-726-786)<br>0680PREMIUM (0680-773-648)                                          |
| <b>ITALIA</b>      | 800-SAMSUNG (800.7267864)                                                                         |
| <b>LATVIA</b>      | 8000-7267                                                                                         |
| <b>LITHUANIA</b>   | 8-800-77777                                                                                       |
| <b>LUXEMBURG</b>   | 261 03 710                                                                                        |
| <b>MONTENEGRO</b>  | 020 405 888                                                                                       |
| <b>NETHERLANDS</b> | 0900-SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)                                                          |
| <b>NORWAY</b>      | 815 56480                                                                                         |
| <b>POLAND</b>      | 0 801-172-678*<br>lub +48 22 607-93-33 *<br>* (koszt połączenia według taryfy operatora)          |
| <b>PORTUGAL</b>    | 808 20 7267                                                                                       |
| <b>ROMANIA</b>     | 08008 726 78 64 (08008 SAMSUNG) Apel GRATUIT                                                      |
| <b>SERBIA</b>      | 011 321 6899                                                                                      |
| <b>SLOVAKIA</b>    | 0800 - SAMSUNG (0800-726 786)                                                                     |
| <b>SLOVENIA</b>    | 080 697 267<br>090 726 786                                                                        |
| <b>SPAIN</b>       | 0034902172678                                                                                     |

---

## EUROPE

|             |                               |
|-------------|-------------------------------|
| SWEDEN      | 0771 726 7864 (SAMSUNG)       |
| SWITZERLAND | 0800 726 78 64 (0800-SAMSUNG) |
| UK          | 0330 SAMSUNG (7267864)        |

## CIS

|             |                                                |
|-------------|------------------------------------------------|
| ARMENIA     | 0-800-05-555                                   |
| AZERBAIJAN  | 0-88-555-55-55                                 |
| BELARUS     | 810-800-500-55-500                             |
| GEORGIA     | 0-800-555-555                                  |
| KAZAKHSTAN  | 8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799, VIP care 7700) |
| KYRGYZSTAN  | 8-10-800-500-55-500                            |
| MOLDOVA     | 0-800-614-40                                   |
| MONGOLIA    | 7-495-363-17-00                                |
| RUSSIA      | 8-800-555-55-55                                |
| TADJIKISTAN | 8-10-800-500-55-500                            |
| UKRAINE     | 0-800-502-000                                  |
| UZBEKISTAN  | 8-10-800-500-55-500                            |

---

## CHINA

|           |                 |
|-----------|-----------------|
| CHINA     | 400-810-5858    |
| HONG KONG | (852) 3698 4698 |
| MACAU     | 0800 333        |

## S.E.A

|             |                                                                                                       |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| AUSTRALIA   | 1300 362 603                                                                                          |
| INDONESIA   | 021-56997777<br>08001128888                                                                           |
| JAPAN       | 0120-363-905                                                                                          |
| MALAYSIA    | 1800-88-9999<br>603-77137477 (Overseas contact)                                                       |
| MYANMAR     | 01-2399888                                                                                            |
| NEW ZEALAND | 0800 726 786                                                                                          |
| PHILIPPINES | 1-800-10-7267864 [PLDT]<br>1-800-8-7267864 [Globe landline and Mobile]<br>02-4222111 [Other landline] |
| SINGAPORE   | 1800-SAMSUNG (726-7864)                                                                               |
| TAIWAN      | 0800-329999                                                                                           |
| THAILAND    | 0-2689-3232,<br>1800-29-3232                                                                          |
| VIETNAM     | 1800 588 889                                                                                          |

---

## S.W.A

|            |                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------|
| BANGLADESH | 09612300300                                             |
| INDIA      | 1800 3000 8282 - Toll Free<br>1800 266 8282 - Toll Free |
| SRI LANKA  | 0094117540540<br>0094115900000                          |

## MENA

|              |                              |
|--------------|------------------------------|
| ALGERIA      | 021 36 11 00                 |
| BAHRAIN      | 8000-GSAM (8000-4726)        |
| EGYPT        | 08000-726786<br>16580        |
| IRAN         | 021-8255                     |
| JORDAN       | 0800-22273<br>06 5777444     |
| KUWAIT       | 183-CALL (183-2255)          |
| MOROCCO      | 080 100 22 55                |
| OMAN         | 800-SAMSUNG (800 - 726 7864) |
| PAKISTAN     | 0800-Samsung (72678)         |
| QATAR        | 800-CALL (800-2255)          |
| SAUDI ARABIA | 920021230                    |

---

## MENA

|         |                              |
|---------|------------------------------|
| SYRIA   | 18252273                     |
| TUNISIA | 80-1000-12                   |
| TURKEY  | 444 77 11                    |
| U.A.E   | 800-SAMSUNG (800 - 726 7864) |

## AFRICA

|               |                           |
|---------------|---------------------------|
| BOTSWANA      | 8007260000                |
| BURUNDI       | 200                       |
| CAMEROON      | 7095-0077                 |
| COTE D'IVOIRE | 8000 0077                 |
| DRC           | 499999                    |
| GHANA         | 0800-10077<br>0302-200077 |
| KENYA         | 0800 545 545              |
| MOZAMBIQUE    | 847267864 / 827267864     |
| NAMIBIA       | 08 197 267 864            |
| NIGERIA       | 0800-726-7864             |
| RWANDA        | 9999                      |

---

## AFRICA

|              |                         |
|--------------|-------------------------|
| SENEGAL      | 800-00-0077             |
| SOUTH AFRICA | 0860 SAMSUNG (726 7864) |
| SUDAN        | 1969                    |
| TANZANIA     | 0800 755 755            |
| UGANDA       | 0800 300 300            |
| ZAMBIA       | 0211 350370             |

## Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

— Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

### Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm hoặc chỉ điều chỉnh các tùy chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

## Hồng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hồng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hồng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

### Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai. (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...)
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết. (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màn rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)

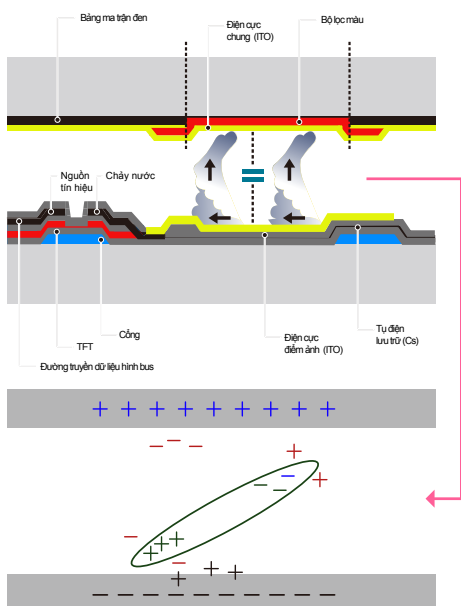
— Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

# Chất lượng hình ảnh tối ưu và ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh

## Chất lượng hình ảnh tối ưu

- Do đặc điểm của quá trình sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.
  - Số điểm ảnh phụ tạo bởi kiểu bảng: 6.220.800
- Chạy **Auto Adjustment** để nâng cao chất lượng hình ảnh. Nếu vẫn thấy nhiễu sau khi điều chỉnh tự động, hãy điều chỉnh **Coarse** hoặc **Fine**.
- Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.
  - Kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc chế độ bảo vệ màn hình động nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian dài.

## Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh



## Hiện tượng lưu ảnh là gì?

Hiện tượng lưu ảnh sẽ không xuất hiện khi bảng điều khiển LCD hoạt động bình thường. Hoạt động bình thường có nghĩa là kiểu ảnh video thay đổi liên tục. Nếu bảng điều khiển LCD chỉ hiển thị một kiểu ảnh trong một thời gian dài (hơn 12 tiếng), sự chênh lệch điện áp nhỏ có thể xảy ra giữa các điện cực điểm ảnh điều khiển tinh thể lỏng.

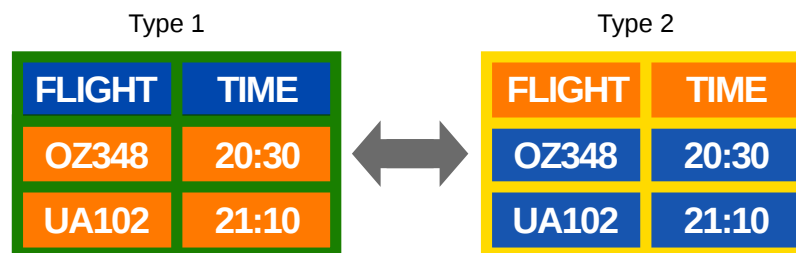
Sự chênh lệch điện áp giữa các điện cực đó sẽ tăng dần theo thời gian và làm cho tinh thể lỏng mỏng dần đi. Khi hiện tượng này xảy ra, hình ảnh trước đó có thể vẫn được hiển thị trên màn hình khi kiểu hình ảnh thay đổi. Để tránh hiện tượng này, phải làm giảm sự chênh lệch điện thế tích lũy.

— Hiện tượng lưu ảnh sẽ không xuất hiện khi bảng điều khiển LCD hoạt động bình thường.

## Tránh hiện tượng lưu ảnh

— Cách tốt nhất để bảo vệ sản phẩm khỏi hiện tượng lưu ảnh là tắt nguồn hoặc cài đặt cho PC hoặc hệ thống chạy màn hình chờ khi không sử dụng sản phẩm. Đồng thời, dịch vụ Bảo hành cũng chỉ giới hạn tùy theo hướng dẫn lắp đặt.

- Tắt nguồn, Chế độ bảo vệ màn hình và Chế độ tiết kiệm năng lượng
  - Tắt nguồn điện trong khoảng 2 tiếng sau khi bạn sử dụng sản phẩm được 12 tiếng.
  - Đi tới Thuộc tính màn hình > Nguồn điện trên máy tính và tắt nguồn sản phẩm theo yêu cầu.
  - Bạn nên sử dụng màn hình chờ.  
Tốt nhất nên sử dụng chế độ bảo vệ màn hình đơn màu hoặc có hình ảnh chuyển động.
- Thay đổi màu sắc thông thường
  - Sử dụng 2 màu  
Cứ 30 phút lại thay đổi giữa 2 màu sắc như hình vẽ ở trên.



- Độ sáng: là độ sáng hoặc độ tối của một màu thay đổi tùy theo lượng ánh sáng được phát ra.

- Tránh kết hợp màu văn bản và màu nền có độ sáng tương phản.
- Tránh sử dụng màu xám vì điều này có thể góp phần tạo ra hiện tượng lưu ảnh.
- Tránh sử dụng màu sắc có độ sáng tương phản (màu đen và trắng; màu xám).



- Thay đổi đều đặn màu sắc văn bản
  - Sử dụng màu sáng có độ sáng tương tự nhau.  
Khoảng cách: Cứ 30 phút lại thay đổi màu văn bản và màu nền



- Cứ 30 phút lại di chuyển và thay đổi văn bản như hình vẽ dưới đây.



- Hiển thị hình ảnh động đều đặn cùng với logo.  
Khoảng cách: Hiển thị hình ảnh động cùng với logo trong vòng 60 giây sau khi bạn sử dụng sản phẩm được 4 tiếng.

## License



Được sản xuất theo giấy phép của Dolby Laboratories.  
Dolby và biểu tượng D kép là các nhãn hiệu của Dolby Laboratories.



Manufactured under a license from U.S. Patent No's: 5,956,674, 5,974,380, 5,978,762, 6,487,535, 6,226,616, 7,212,872, 7,003,467, 7,272,567, 7,668,723, 7,392,195, 7,930,184, 7,333,929 and 7,548,853. DTS, the Symbol, and DTS and the Symbol together are registered trademarks & DTS Premium Sound | 5.1 is a trademark of DTS, Inc. ©2012 DTS, Inc. All Rights Reserved.



The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing LLC in the United States and other countries.



DivX Certified ® to play DivX ® video up to HD 1080p, including premium content.

DivX®, DivX Certified® and associated logos are trademarks of Rovi Corporation or its subsidiaries and are used under license.

ABOUT DIVX VIDEO: DivX® is a digital video format created by DivX, LLC, a subsidiary of Rovi Corporation. This is an official DivX Certified® device that has passed rigorous testing to verify that it plays DivX video. Visit [divx.com](http://divx.com) for more information and software tools to convert your files into DivX videos.

ABOUT DIVX VIDEO-ON-DEMAND: This DivX Certified® device must be registered in order to play purchased DivX Video-on-Demand (VOD) movies. To obtain your registration code, locate the DivX VOD section in your device setup menu. Go to [vod.divx.com](http://vod.divx.com) for more information on how to complete your registration.

Covered by one or more of the following U.S. patents : 7,295,673; 7,460,668; 7,515,710; 7,519,274

Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở

Trong trường hợp sử dụng phần mềm mã nguồn mở, các giấy phép mã nguồn mở được cung cấp trong menu của sản phẩm. Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở chỉ được viết bằng tiếng Anh.

Để biết thông tin về Thông báo Giấy phép Nguồn Mở, hãy liên hệ với Trung tâm chăm sóc Khách hàng của Samsung hoặc gửi email tới [oss.request@samsung.com](mailto:oss.request@samsung.com).

# Thuật ngữ

**480i / 480p / 720p / 1080i /**

**1080p**\_\_\_\_\_ Mỗi tốc độ quét ở trên nói đến số lượng đường quét có hiệu quả quyết định độ phân giải của màn hình. Tốc độ quét có thể được thể hiện bằng i (quét xen kẽ) hoặc p (quét liên tục), tùy thuộc vào phương pháp quét.

-Quét

Quét là quá trình gửi điểm ảnh đi để tạo nên hình ảnh liên tục. Một số lượng lớn điểm ảnh sẽ mang lại hình ảnh rõ nét và sinh động hơn.

-Quét liên tục

Ở chế độ quét liên tục, tất cả các đường điểm ảnh được quét lần lượt (liên tục) trên màn hình.

-Quét xen kẽ

Ở chế độ quét xen kẽ, mỗi đường điểm ảnh sẽ được quét từ đầu đến cuối màn hình, sau đó các đường chưa được quét còn lại sẽ được quét.

**Chế độ quét không xen kẽ và chế độ quét xen kẽ**\_\_\_\_\_

Chế độ quét không xen kẽ (quét liên tục) hiển thị đường ngang từ đầu đến cuối màn hình một cách liên tục. Chế độ quét xen kẽ hiển thị các đường có thứ tự lẻ trước và sau đó hiển thị các đường có số thứ tự chẵn. Chế độ không xen kẽ chủ yếu được sử dụng ở màn hình vì nó tạo ra độ rõ nét cho màn hình và chế độ xen kẽ chủ yếu được sử dụng ở TV.

**Khoảng cách điểm**\_\_\_\_\_

Màn hình bao gồm các điểm màu đỏ, xanh lá cây và xanh lơ. Khoảng cách ngắn giữa các điểm tạo nên độ phân giải cao. Khoảng cách điểm tức là khoảng cách ngắn nhất giữa các điểm của cùng một màu. Khoảng cách điểm được đo bằng mili mét.

**Tần số dọc**\_\_\_\_\_ Sản phẩm hiển thị một hình ảnh duy nhất nhiều lần trong một giây (giống như ánh sáng huỳnh quang nhấp nháy) nhằm hiển thị hình ảnh cho người xem nhìn. Tỷ lệ một hình ảnh được hiển thị lặp lại trên một giây được gọi là tần số quét dọc hoặc tỷ lệ làm tươi. Tần số quét dọc được đo bằng Hz.

Ví dụ: 60 Hz có nghĩa là một hình ảnh duy nhất được hiển thị 60 lần trong 1 giây.

**Tần số ngang**\_\_\_\_\_

Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.

**Nguồn**\_\_\_\_\_ Nguồn tín hiệu đầu vào là thiết bị nguồn video được kết nối với sản phẩm chẳng hạn như máy quay video xách tay, máy chạy DVD hoặc video.

**Các cổng thành phần (xanh lục, xanh lam và đỏ)**\_\_\_\_\_ Các cổng thành phần, xác định, truyền và nhận tín hiệu tương phản, mang lại chất lượng hình ảnh tốt hơn cho bất kỳ phương pháp kết nối video nào.

**Plug & Play**\_\_\_\_\_ Cắm & Chạy là một chức năng cho phép sự trao đổi thông tin tự động giữa một màn hình và PC để tạo ra môi trường hiển thị tối ưu. Sản phẩm sử dụng VESA DDC (tiêu chuẩn quốc tế) để chạy chức năng Cắm & Chạy.

**Độ phân giải**\_\_\_\_\_ Độ phân giải là số lượng điểm ngang (điểm ảnh) và .số lượng điểm dọc (điểm ảnh) tạo nên màn hình. Nó biểu thị mức độ chi tiết của màn hình hiển thị. Độ phân giải cao cho phép nhiều dữ liệu được hiển thị trên màn hình hơn và độ phân giải cao rất hữu ích cho việc thực hiện đồng thời nhiều tác vụ.

Ví dụ, độ phân giải 1920x 1080 bao gồm 1,920 điểm ảnh ngang (độ phân giải ngang) và 1,080 điểm ảnh dọc (độ phân giải dọc).

**HDMI (Giao diện đa phương tiện độ phân giải cao)**\_\_\_\_\_ Đó là giao diện có thể được kết nối với nguồn âm thanh kỹ thuật số và nguồn video có độ phân giải cao bằng cách sử dụng một cáp đơn không nén.

**Điều khiển đa màn hình**

**(MDC)**\_\_\_\_\_ MDC (Điều khiển đa màn hình) là một ứng dụng cho phép bạn điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính cá nhân (PC). Khi bạn sử dụng cáp RS232C (truyền dữ liệu nối tiếp) và cáp RJ45 (LAN) thì sẽ có sự truyền thông tin giữa PC và màn hình.